

Phụ lục 2: Bảng thống kê các công trình thuộc Dự án đầu tư xây dựng

Khu phức hợp du lịch và đô thị nghỉ dưỡng Làng Vân

(Kèm theo Công văn số /SXD-CPXD ngày tháng 5 năm 2026)

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
1	A3-BT-05		2.123,7	46,4	985,6	4	0,45	16,00	985,6	1.067,2	1.057,1	945,6	4.055,5	1,9
1.01	A3-BT-05.01	CH32_DL14M	284,3	47,1	134,0				134,0	146,2	139,1	131,0	550,3	1,9
1.02	A3-BT-05.02	CH32_DL13	250,0	46,3	115,8				115,8	125,6	125,6	109,3	476,3	1,9
1.03	A3-BT-05.03	CH32_DL13M	250,0	46,3	115,8				115,8	125,6	125,6	109,3	476,3	1,9
1.04	A3-BT-05.04	CH32_DL13	250,0	46,3	115,8				115,8	125,6	125,6	109,3	476,3	1,9
1.05	A3-BT-05.05	CH32_DL13M	250,0	46,3	115,8				115,8	125,6	125,6	109,3	476,3	1,9
1.06	A3-BT-05.06	CH32_DL13	250,0	46,3	115,8				115,8	125,6	125,6	109,3	476,3	1,9
1.07	A3-BT-05.07	CH32_DL13M	250,0	46,3	115,8				115,8	125,6	125,6	109,3	476,3	1,9
1.08	A3-BT-05.08	CH32_DL22	339,4	46,2	156,8				156,8	167,4	164,4	158,8	647,4	1,9
2	A3-BT-06		407,6	44,0	179,4	4	0,45	16,00	179,4	200,7	189,7	176,0	745,8	1,8
2.01	A3-BT-06.01	CH32_DL01	191,4	41,9	80,2				80,2	90,3	85,3	78,4	334,2	1,7
2.02	A3-BT-06.02	CH32_DL02	216,2	45,9	99,2				99,2	110,4	104,4	97,6	411,6	1,9
3	A3-BT-07		488,2	47,3	230,9	4	0,45	16,00	230,9	255,8	241,3	227,3	955,3	2,0
3.01	A3-BT-07.01	CH32_DL03	266,1	48,2	128,2				128,2	141,1	133,4	126,2	528,9	2,0
3.02	A3-BT-07.02	CH32_DL04	222,1	46,2	102,7				102,7	114,7	107,9	101,1	426,4	1,9
4	A3-BT-08		517,1	47,9	247,8	4	0,45	16,00	247,8	272,9	258,8	244,8	1.024,3	2,0
4.01	A3-BT-08.01	CH32_DL05	246,0	45,4	111,8				111,8	123,3	116,9	110,8	462,8	1,9
4.02	A3-BT-08.02	CH32_DL06	271,1	50,2	136,0				136,0	149,6	141,9	134,0	561,5	2,1
5	A3-BT-09		529,8	47,1	249,4	4	0,45	16,00	249,4	274,3	259,6	245,6	1.028,9	1,9
5.01	A3-BT-09.01	CH32_DL07	288,3	48,1	138,8				138,8	151,5	144,0	136,8	571,1	2,0

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
5.02	A3-BT-09.02	CH32_DL08	241,5	45,8	110,6				110,6	122,8	115,6	108,8	457,8	1,9
6	A3-BT-10		560,5	49,4	276,7	4	0,45	16,00	276,7	301,5	288,5	272,9	1.139,6	2,0
6.01	A3-BT-10.01	CH32_DL09	270,4	47,2	127,6				127,6	139,6	132,7	125,9	525,8	1,9
6.02	A3-BT-10.02	CH32_DL10	290,1	51,4	149,1				149,1	161,9	155,8	147,0	613,8	2,1
7	A3-BT-11		637,4	53,1	338,5	4	0,45	16,00	338,5	356,9	348,7	334,7	1.378,8	2,2
7.01	A3-BT-11.01	CH32_DL11	338,1	54,5	184,2				184,2	190,5	189,3	182,1	746,1	2,2
7.02	A3-BT-11.02	CH32_DL12	299,3	51,6	154,3				154,3	166,4	159,4	152,6	632,7	2,1
8	A3-BT-12		568,0	50,4	286,3	4	0,45	16,00	286,3	331,4	287,8	208,0	1.113,5	2,0
8.01	A3-BT-12.01	CH51_DL01	295,6	51,9	153,5				153,5	177,3	156,4	114,9	602,1	2,0
8.02	A3-BT-12.02	CH51_DL02	272,4	48,8	132,8				132,8	154,1	131,4	93,1	511,4	1,9
9	A3-BT-13		513,5	46,9	240,9	4	0,45	16,00	240,9	281,7	238,5	160,8	921,9	1,8
9.01	A3-BT-13.01	CH51_DL03	222,2	44,3	98,4				98,4	116,6	98,3	69,6	382,9	1,7
9.02	A3-BT-13.02	CH51_DL04	291,3	48,9	142,5				142,5	165,1	140,2	91,2	539,0	1,9
10	A3-BT-14		477,3	45,9	219,2	4	0,45	16,00	219,2	256,3	215,3	168,7	859,5	1,8
10.01	A3-BT-14.01	CH51_DL05	266,6	47,9	127,7				127,7	150,5	126,3	91,0	495,5	1,9
10.02	A3-BT-14.02	CH51_DL06	210,7	43,4	91,5				91,5	105,8	89,0	77,7	364,0	1,7
11	A3-BT-15		485,1	47,6	230,9	4	0,45	16,00	230,9	267,6	226,0	184,4	908,9	1,9
11.01	A3-BT-15.01	CH51_DL07	236,8	47,2	111,7				111,7	129,6	107,5	79,3	428,1	1,8
11.02	A3-BT-15.02	CH51_DL08	248,3	48,0	119,2				119,2	138,0	118,5	105,1	480,8	1,9
12	A3-BT-16		503,6	44,6	224,7	4	0,45	16,00	224,7	224,6	223,7	207,8	880,8	1,7
12.01	A3-BT-16.01	CH55_DLL17	280,7	44,7	125,6				125,6	124,7	124,2	116,3	490,8	1,7
12.02	A3-BT-16.02	CH55_DLL06	222,9	44,5	99,1				99,1	99,9	99,5	91,5	390,0	1,7
13	A3-BT-17		447,3	43,4	194,3	4	0,45	16,00	194,3	194,2	193,4	177,3	759,2	1,7
13.01	A3-BT-17.01	CH55_DLL04	219,0	43,5	95,2				95,2	96,0	95,6	87,6	374,4	1,7
13.02	A3-BT-17.02	CH55_DLL12	228,3	43,4	99,1				99,1	98,2	97,8	89,7	384,8	1,7

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
14	A3-BT-18		319,7	46,2	147,8	4	0,45	16,00	147,8	146,9	146,4	138,3	579,4	1,8
14.01	A3-BT-18.01	CH55_DLT01	319,7	46,2	147,8				147,8	146,9	146,4	138,3	579,4	1,8
15	A3-BT-19		500,1	44,0	220,2	4	0,45	16,00	220,2	221,5	220,6	203,3	865,6	1,7
15.01	A3-BT-19.01	CH55_DLL15	252,4	45,6	115,1				115,1	115,5	115,0	105,8	451,4	1,8
15.02	A3-BT-19.02	CH55_DLL07	247,7	42,4	105,1				105,1	106,0	105,6	97,5	414,2	1,7
16	A3-BT-20		501,7	43,6	218,5	4	0,45	16,00	218,5	219,0	218,0	201,6	857,1	1,7
16.01	A3-BT-20.01	CH55_DLL14	248,5	45,6	113,4				113,4	113,0	112,5	104,1	443,0	1,8
16.02	A3-BT-20.02	CH55_DL01	253,2	41,5	105,1				105,1	106,0	105,5	97,5	414,1	1,6
17	A3-BT-21		453,7	41,8	189,6	4	0,45	16,00	189,6	189,6	188,8	172,6	740,6	1,6
17.01	A3-BT-21.01	CH55_DLL02	216,3	40,3	87,2				87,2	88,1	87,7	79,6	342,6	1,6
17.02	A3-BT-21.02	CH55_DLL13	237,4	43,1	102,4				102,4	101,5	101,1	93,0	398,0	1,7
18	A3-BT-22		465,5	41,2	191,7	4	0,45	16,00	191,7	193,0	192,0	174,8	751,5	1,6
18.01	A3-BT-22.01	CH55_DLL15	264,7	43,5	115,1				115,1	115,5	115,0	105,8	451,4	1,7
18.02	A3-BT-22.02	CH55_DLL01	200,8	38,1	76,6				76,6	77,5	77,0	69,0	300,1	1,5
19	A3-BT-23		531,0	40,8	216,7	4	0,45	16,00	216,7	216,7	215,0	199,8	848,2	1,6
19.01	A3-BT-23.01	CH55_DLL09	257,5	39,5	101,6				101,6	102,5	102,0	94,0	400,1	1,6
19.02	A3-BT-23.02	CH55_DLL16	273,5	42,1	115,1				115,1	114,2	113,0	105,8	448,1	1,6
20	A3-BT-24		546,3	42,9	234,1	4	0,45	16,00	234,1	235,3	234,4	217,2	921,0	1,7
20.01	A3-BT-24.01	CH55_DLL15	267,8	43,0	115,1				115,1	115,5	115,0	105,8	451,4	1,7
20.02	A3-BT-24.02	CH55_DLL10	278,5	42,7	119,0				119,0	119,8	119,4	111,4	469,6	1,7
21	A3-BT-25		537,1	42,0	225,7	4	0,45	16,00	225,7	225,7	224,9	208,0	884,3	1,6
21.01	A3-BT-25.01	CH55_DLL03	225,8	39,1	88,3				88,3	89,2	88,8	80,7	347,0	1,5
21.02	A3-BT-25.02	CH55_DLL11	311,3	44,1	137,4				137,4	136,5	136,1	127,3	537,3	1,7
22	A3-BT-26		523,6	41,3	216,1	4	0,45	16,00	216,1	216,1	215,2	199,3	846,7	1,6
22.01	A3-BT-26.01	CH55_DLL17	293,0	42,9	125,6				125,6	124,7	124,2	116,3	490,8	1,7

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
22.02	A3-BT-26.02	CH55_DLL05	230,6	39,2	90,5				90,5	91,4	91,0	83,0	355,9	1,5
23	A3-BT-27		557,1	43,1	240,2	4	0,45	16,00	240,2	240,2	239,3	222,6	942,3	1,7
23.01	A3-BT-27.01	CH55_DLL08	257,8	42,4	109,4				109,4	110,2	109,8	101,1	430,5	1,7
23.02	A3-BT-27.02	CH55_DLL18	299,3	43,7	130,8				130,8	130,0	129,5	121,5	511,8	1,7
24	A3-BT-28		1.683,5	51,7	871,2	4	0,45	16,00	871,2	966,1	983,1	839,0	3.659,4	2,2
24.01	A3-BT-28.01	CH32_SLL01.T02M	203,8	48,3	98,4				98,4	107,9	109,6	95,6	411,5	2,0
24.02	A3-BT-28.02	CH32_SLL01.T02M	161,1	51,0	82,1				82,1	91,3	93,0	79,3	345,7	2,1
24.03	A3-BT-28.03	CH32_SLL01.L01M	164,1	50,0	82,1				82,1	91,3	93,0	79,3	345,7	2,1
24.04	A3-BT-28.04	CH32_SLL01.L01M	164,2	50,0	82,1				82,1	91,3	93,0	79,3	345,7	2,1
24.05	A3-BT-28.05	CH32_SLL01.L01M	164,6	49,9	82,1				82,1	91,3	93,0	79,3	345,7	2,1
24.06	A3-BT-28.06	CH32_SLL01.L01M	159,2	51,6	82,1				82,1	91,3	93,0	79,3	345,7	2,2
24.07	A3-BT-28.07	CH32_SL03.03M	144,0	55,0	79,2				79,2	88,2	89,9	75,2	332,5	2,3
24.08	A3-BT-28.08	CH32_SL03.03M	144,0	55,0	79,2				79,2	88,2	89,9	75,2	332,5	2,3
24.09	A3-BT-28.09	CH32_SLT01.03M	144,0	55,0	79,2				79,2	88,2	89,9	75,2	332,5	2,3
24.10	A3-BT-28.10	CH32_SLT01.03M	234,5	53,2	124,7				124,7	137,1	138,8	121,3	521,9	2,2
25	A3-BT-29		2.139,4	38,6	826,8	4	0,45	16,00	826,8	919,8	909,8	776,8	3.433,2	1,6
25.01	A3-BT-29.01	CH32_DL01	315,5	25,4	80,2				80,2	90,3	85,3	78,4	334,2	1,1
25.02	A3-BT-29.02	CH32_DL29M	200,0	41,7	83,3				83,3	92,4	92,4	77,5	345,6	1,7
25.03	A3-BT-29.03	CH32_DL29	200,0	41,7	83,3				83,3	92,4	92,4	77,5	345,6	1,7
25.04	A3-BT-29.04	CH32_DL29M	200,0	41,7	83,3				83,3	92,4	92,4	77,5	345,6	1,7
25.05	A3-BT-29.05	CH32_DL29	200,0	41,7	83,3				83,3	92,4	92,4	77,5	345,6	1,7
25.06	A3-BT-29.06	CH32_DL29M	200,0	41,7	83,3				83,3	92,4	92,4	77,5	345,6	1,7
25.07	A3-BT-29.07	CH32_DL29	200,0	41,7	83,3				83,3	92,4	92,4	77,5	345,6	1,7
25.08	A3-BT-29.08	CH32_DL29M	200,0	41,7	83,3				83,3	92,4	92,4	77,5	345,6	1,7
25.09	A3-BT-29.09	CH32_DL29	200,0	41,7	83,3				83,3	92,4	92,4	77,5	345,6	1,7

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
25.10	A3-BT-29.10	CH32_DL01	223,9	35,8	80,2				80,2	90,3	85,3	78,4	334,2	1,5
26	A3-BT-31		4.642,4	42,4	1.970,0	4	0,45	16,00	1.970,0	2.132,6	2.125,4	1.878,5	8.106,5	1,7
26.01	A3-BT-31.01	CH32_DL11	404,7	45,5	184,2				184,2	190,5	189,3	182,1	746,1	1,8
26.02	A3-BT-31.02	CH32_DL25	240,0	44,0	105,5				105,5	114,6	114,6	99,7	434,4	1,8
26.03	A3-BT-31.03	CH32_DL25M	240,0	44,0	105,5				105,5	114,6	114,6	99,7	434,4	1,8
26.04	A3-BT-31.04	CH32_DL25	240,0	44,0	105,5				105,5	114,6	114,6	99,7	434,4	1,8
26.05	A3-BT-31.05	CH32_DL25M	240,1	43,9	105,5				105,5	114,6	114,6	99,7	434,4	1,8
26.06	A3-BT-31.06	CH32_DLL26	264,1	43,3	114,3				114,3	123,7	123,2	111,1	472,3	1,8
26.07	A3-BT-31.07	CH32_DL25M	240,1	43,9	105,5				105,5	114,6	114,6	99,7	434,4	1,8
26.08	A3-BT-31.08	CH32_DL25	240,0	44,0	105,5				105,5	114,6	114,6	99,7	434,4	1,8
26.09	A3-BT-31.09	CH32_DL25M	240,0	44,0	105,5				105,5	114,6	114,6	99,7	434,4	1,8
26.10	A3-BT-31.10	CH32_DL25	240,1	43,9	105,5				105,5	114,6	114,6	99,7	434,4	1,8
26.11	A3-BT-31.11	CH32_DL25M	240,1	43,9	105,5				105,5	114,6	114,6	99,7	434,4	1,8
26.12	A3-BT-31.12	CH32_DLL26	271,1	42,2	114,3				114,3	123,7	123,2	111,1	472,3	1,7
26.13	A3-BT-31.13	CH32_DL25M	240,2	43,9	105,5				105,5	114,6	114,6	99,7	434,4	1,8
26.14	A3-BT-31.14	CH32_DL25	240,1	43,9	105,5				105,5	114,6	114,6	99,7	434,4	1,8
26.15	A3-BT-31.15	CH32_DL25M	240,0	44,0	105,5				105,5	114,6	114,6	99,7	434,4	1,8
26.16	A3-BT-31.16	CH32_DL25	240,0	44,0	105,5				105,5	114,6	114,6	99,7	434,4	1,8
26.17	A3-BT-31.17	CH32_DL25M	240,0	44,0	105,5				105,5	114,6	114,6	99,7	434,4	1,8
26.18	A3-BT-31.18	CH32_DL01	341,8	23,5	80,2				80,2	90,3	85,3	78,4	334,2	1,0
28	A3-LK-01		930,6	65,7	611,6	4	0,45	15,65	611,6	624,2	648,2	621,6	2.505,6	2,7
	A3-LK-01A		419,6	63,4	265,9				265,9	272,6	285,2	271,1	1.094,8	2,6
28.01	A3-LK-01.01	A3-LK-01A	89,6	55,8	50,0				50,0	51,3	55,4	51,0	207,7	2,3
28.02	A3-LK-01.02	A3-LK-01A	60,0	70,5	42,3				42,3	43,4	45,1	43,2	174,0	2,9
28.03	A3-LK-01.03	A3-LK-01A	60,0	70,5	42,3				42,3	43,4	45,1	43,2	174,0	2,9

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
28.04	A3-LK-01.04	A3-LK-01A	60,0	70,5	42,3				42,3	43,4	45,1	43,2	174,0	2,9
28.05	A3-LK-01.05	A3-LK-01A	60,0	70,5	42,3				42,3	43,4	45,1	43,2	174,0	2,9
28.06	A3-LK-01.06	A3-LK-01A	90,0	51,9	46,7				46,7	47,7	49,4	47,3	191,1	2,1
	A3-LK-01B		511,0	67,7	345,7				345,7	351,6	363,0	350,5	1.410,8	2,8
28.07	A3-LK-01.07	A3-LK-01B	105,0	55,0	57,7				57,7	58,7	60,4	58,3	235,1	2,2
28.08	A3-LK-01.08	A3-LK-01B	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
28.09	A3-LK-01.09	A3-LK-01B	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
28.10	A3-LK-01.10	A3-LK-01B	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
28.11	A3-LK-01.11	A3-LK-01B	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
28.12	A3-LK-01.12	A3-LK-01B	126,0	62,5	78,8				78,8	79,3	82,2	79,4	319,7	2,5
29	A3-LK-02		1.300,0	67,0	871,0	4	0,45	15,65	871,0	889,6	920,2	883,1	3.563,9	2,7
	A3-LK-02A		600,0	64,9	389,5				389,5	398,8	414,1	395,8	1.598,2	2,7
29.01	A3-LK-02.01	A3-LK-02A	90,0	51,9	46,7				46,7	47,7	49,4	47,3	191,1	2,1
29.02	A3-LK-02.02	A3-LK-02A	60,0	70,5	42,3				42,3	43,4	45,1	43,2	174,0	2,9
29.03	A3-LK-02.03	A3-LK-02A	60,0	70,5	42,3				42,3	43,4	45,1	43,2	174,0	2,9
29.04	A3-LK-02.04	A3-LK-02A	60,0	70,5	42,3				42,3	43,4	45,1	43,2	174,0	2,9
29.05	A3-LK-02.05	A3-LK-02A	60,0	70,5	42,3				42,3	43,0	44,7	42,0	172,0	2,9
29.06	A3-LK-02.06	A3-LK-02A	60,0	70,5	42,3				42,3	43,4	45,1	43,2	174,0	2,9
29.07	A3-LK-02.07	A3-LK-02A	60,0	70,5	42,3				42,3	43,4	45,1	43,2	174,0	2,9
29.08	A3-LK-02.08	A3-LK-02A	60,0	70,5	42,3				42,3	43,4	45,1	43,2	174,0	2,9
29.09	A3-LK-02.09	A3-LK-02A	90,0	51,9	46,7				46,7	47,7	49,4	47,3	191,1	2,1
	A3-LK-02B		700,0	68,8	481,5				481,5	490,8	506,1	487,3	1.965,7	2,8
29.10	A3-LK-02.10	A3-LK-02B	105,0	55,0	57,7				57,7	58,7	60,4	58,3	235,1	2,2
29.11	A3-LK-02.11	A3-LK-02B	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
29.12	A3-LK-02.12	A3-LK-02B	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
29.13	A3-LK-02.13	A3-LK-02B	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
29.14	A3-LK-02.14	A3-LK-02B	70,0	74,7	52,3				52,3	53,0	54,7	51,5	211,5	3,0
29.15	A3-LK-02.15	A3-LK-02B	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
29.16	A3-LK-02.16	A3-LK-02B	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
29.17	A3-LK-02.17	A3-LK-02B	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
29.18	A3-LK-02.18	A3-LK-02B	105,0	55,0	57,7				57,7	58,7	60,4	58,3	235,1	2,2
30	A3-LK-03		1.139,5	69,3	789,3	4	0,45	15,65	789,3	801,4	825,9	797,0	3.213,6	2,8
	A3-LK-03A		595,9	70,2	418,2				418,2	425,0	436,0	423,7	1.702,9	2,9
30.01	A3-LK-03.01	A3-LK-03A	155,9	64,3	100,3				100,3	101,7	104,2	101,6	407,8	2,6
30.02	A3-LK-03.02	A3-LK-03A	80,0	77,9	62,3				62,3	63,4	65,1	63,2	254,0	3,2
30.03	A3-LK-03.03	A3-LK-03A	80,0	77,9	62,3				62,3	63,4	65,1	63,2	254,0	3,2
30.04	A3-LK-03.04	A3-LK-03A	80,0	77,9	62,3				62,3	63,4	65,1	63,2	254,0	3,2
30.05	A3-LK-03.05	A3-LK-03A	80,0	77,9	62,3				62,3	63,4	65,1	63,2	254,0	3,2
30.06	A3-LK-03.06	A3-LK-03A	120,0	57,3	68,7				68,7	69,7	71,4	69,3	279,1	2,3
	A3-LK-03B		543,6	68,3	371,1				371,1	376,4	389,9	373,3	1.510,7	2,8
30.07	A3-LK-03.07	A3-LK-03B	105,0	55,0	57,7				57,7	58,7	60,4	58,3	235,1	2,2
30.08	A3-LK-03.08	A3-LK-03B	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
30.09	A3-LK-03.09	A3-LK-03B	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
30.10	A3-LK-03.10	A3-LK-03B	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
30.11	A3-LK-03.11	A3-LK-03B	70,0	74,7	52,3				52,3	53,0	54,7	51,5	211,5	3,0
30.12	A3-LK-03.12	A3-LK-03B	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
30.13	A3-LK-03.13	A3-LK-03B	88,6	58,6	51,9				51,9	51,1	54,4	50,7	208,1	2,3
31	A3-LK-04		1.500,0	70,3	1.055,0	4	0,45	15,65	1.055,0	1.073,6	1.104,2	1.067,1	4.299,9	2,9
	A3-LK-04A		800,0	71,7	573,5				573,5	582,8	598,1	579,8	2.334,2	2,9
31.01	A3-LK-04.01	A3-LK-04A	120,0	57,3	68,7				68,7	69,7	71,4	69,3	279,1	2,3

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
31.02	A3-LK-04.02	A3-LK-04A	80,0	77,9	62,3				62,3	63,4	65,1	63,2	254,0	3,2
31.03	A3-LK-04.03	A3-LK-04A	80,0	77,9	62,3				62,3	63,4	65,1	63,2	254,0	3,2
31.04	A3-LK-04.04	A3-LK-04A	80,0	77,9	62,3				62,3	63,4	65,1	63,2	254,0	3,2
31.05	A3-LK-04.05	A3-LK-04A	80,0	77,9	62,3				62,3	63,0	64,7	62,0	252,0	3,2
31.06	A3-LK-04.06	A3-LK-04A	80,0	77,9	62,3				62,3	63,4	65,1	63,2	254,0	3,2
31.07	A3-LK-04.07	A3-LK-04A	80,0	77,9	62,3				62,3	63,4	65,1	63,2	254,0	3,2
31.08	A3-LK-04.08	A3-LK-04A	80,0	77,9	62,3				62,3	63,4	65,1	63,2	254,0	3,2
31.09	A3-LK-04.09	A3-LK-04A	120,0	57,3	68,7				68,7	69,7	71,4	69,3	279,1	2,3
	A3-LK-04B		700,0	68,8	481,5				481,5	490,8	506,1	487,3	1.965,7	2,8
31.10	A3-LK-04.10	A3-LK-04B	105,0	55,0	57,7				57,7	58,7	60,4	58,3	235,1	2,2
31.11	A3-LK-04.11	A3-LK-04B	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
31.12	A3-LK-04.12	A3-LK-04B	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
31.13	A3-LK-04.13	A3-LK-04B	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
31.14	A3-LK-04.14	A3-LK-04B	70,0	74,7	52,3				52,3	53,0	54,7	51,5	211,5	3,0
31.15	A3-LK-04.15	A3-LK-04B	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
31.16	A3-LK-04.16	A3-LK-04B	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
31.17	A3-LK-04.17	A3-LK-04B	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
31.18	A3-LK-04.18	A3-LK-04B	105,0	55,0	57,7				57,7	58,7	60,4	58,3	235,1	2,2
32	A3-LK-05		1.193,0	69,7	831,5	4	0,45	15,65	831,5	842,6	868,4	833,5	3.376,0	2,8
	A3-LK-05A		543,9	67,9	369,5				369,5	375,2	387,5	371,8	1.504,0	2,8
32.01	A3-LK-05.01	A3-LK-05A	88,9	56,6	50,3				50,3	49,9	52,0	49,2	201,4	2,3
32.02	A3-LK-05.02	A3-LK-05A	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
32.03	A3-LK-05.03	A3-LK-05A	70,0	74,7	52,3				52,3	53,0	54,7	51,5	211,5	3,0
32.04	A3-LK-05.04	A3-LK-05A	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
32.05	A3-LK-05.05	A3-LK-05A	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
32.06	A3-LK-05.06	A3-LK-05A	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
32.07	A3-LK-05.07	A3-LK-05A	105,0	55,0	57,7				57,7	58,7	60,4	58,3	235,1	2,2
	A3-LK-05B		649,1	71,2	462,0				462,0	467,4	480,9	461,7	1.872,0	2,9
32.08	A3-LK-05.08	A3-LK-05B	120,0	57,3	68,7				68,7	69,7	71,4	69,3	279,1	2,3
32.09	A3-LK-05.09	A3-LK-05B	80,0	77,9	62,3				62,3	63,4	65,1	63,2	254,0	3,2
32.10	A3-LK-05.10	A3-LK-05B	80,0	77,9	62,3				62,3	63,4	65,1	63,2	254,0	3,2
32.11	A3-LK-05.11	A3-LK-05B	80,0	77,9	62,3				62,3	63,4	65,1	63,2	254,0	3,2
32.12	A3-LK-05.12	A3-LK-05B	80,0	77,9	62,3				62,3	63,0	64,7	62,0	252,0	3,2
32.13	A3-LK-05.13	A3-LK-05B	80,0	77,9	62,3				62,3	63,4	65,1	63,2	254,0	3,2
32.14	A3-LK-05.14	A3-LK-05B	129,1	63,4	81,8				81,8	81,1	84,4	77,6	324,9	2,5
33	A3-LK-06		1.500,0	70,3	1.055,0	4	0,45	15,65	1.055,0	1.073,6	1.104,2	1.067,1	4.299,9	2,9
	A3-LK-06A		700,0	68,8	481,5				481,5	490,8	506,1	487,3	1.965,7	2,8
33.01	A3-LK-06.01	A3-LK-06A	105,0	55,0	57,7				57,7	58,7	60,4	58,3	235,1	2,2
33.02	A3-LK-06.02	A3-LK-06A	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
33.03	A3-LK-06.03	A3-LK-06A	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
33.04	A3-LK-06.04	A3-LK-06A	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
33.05	A3-LK-06.05	A3-LK-06A	70,0	74,7	52,3				52,3	53,0	54,7	51,5	211,5	3,0
33.06	A3-LK-06.06	A3-LK-06A	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
33.07	A3-LK-06.07	A3-LK-06A	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
33.08	A3-LK-06.08	A3-LK-06A	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
33.09	A3-LK-06.09	A3-LK-06A	105,0	55,0	57,7				57,7	58,7	60,4	58,3	235,1	2,2
	A3-LK-06B		800,0	71,7	573,5				573,5	582,8	598,1	579,8	2.334,2	2,9
33.10	A3-LK-06.10	A3-LK-06B	120,0	57,3	68,7				68,7	69,7	71,4	69,3	279,1	2,3
33.11	A3-LK-06.11	A3-LK-06B	80,0	77,9	62,3				62,3	63,4	65,1	63,2	254,0	3,2
33.12	A3-LK-06.12	A3-LK-06B	80,0	77,9	62,3				62,3	63,4	65,1	63,2	254,0	3,2

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
33.13	A3-LK-06.13	A3-LK-06B	80,0	77,9	62,3				62,3	63,4	65,1	63,2	254,0	3,2
33.14	A3-LK-06.14	A3-LK-06B	80,0	77,9	62,3				62,3	63,0	64,7	62,0	252,0	3,2
33.15	A3-LK-06.15	A3-LK-06B	80,0	77,9	62,3				62,3	63,4	65,1	63,2	254,0	3,2
33.16	A3-LK-06.16	A3-LK-06B	80,0	77,9	62,3				62,3	63,4	65,1	63,2	254,0	3,2
33.17	A3-LK-06.17	A3-LK-06B	80,0	77,9	62,3				62,3	63,4	65,1	63,2	254,0	3,2
33.18	A3-LK-06.18	A3-LK-06B	120,0	57,3	68,7				68,7	69,7	71,4	69,3	279,1	2,3
34	A3-LK-07		1.262,9	70,0	883,9	4	0,45	15,65	883,9	895,5	922,1	889,4	3.590,9	2,8
	A3-LK-07A		661,7	71,2	471,2				471,2	476,1	488,8	473,5	1.909,6	2,9
34.01	A3-LK-07.01	A3-LK-07A	141,7	64,2	91,0				91,0	89,8	92,3	89,4	362,5	2,6
34.02	A3-LK-07.02	A3-LK-07A	80,0	77,9	62,3				62,3	63,4	65,1	63,2	254,0	3,2
34.03	A3-LK-07.03	A3-LK-07A	80,0	77,9	62,3				62,3	63,0	64,7	62,0	252,0	3,2
34.04	A3-LK-07.04	A3-LK-07A	80,0	77,9	62,3				62,3	63,4	65,1	63,2	254,0	3,2
34.05	A3-LK-07.05	A3-LK-07A	80,0	77,9	62,3				62,3	63,4	65,1	63,2	254,0	3,2
34.06	A3-LK-07.06	A3-LK-07A	80,0	77,9	62,3				62,3	63,4	65,1	63,2	254,0	3,2
34.07	A3-LK-07.07	A3-LK-07A	120,0	57,3	68,7				68,7	69,7	71,4	69,3	279,1	2,3
	A3-LK-07B		601,2	68,6	412,7				412,7	419,4	433,3	415,9	1.681,3	2,8
34.08	A3-LK-07.08	A3-LK-07B	105,0	55,0	57,7				57,7	58,7	60,4	58,3	235,1	2,2
34.09	A3-LK-07.09	A3-LK-07B	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
34.10	A3-LK-07.10	A3-LK-07B	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
34.11	A3-LK-07.11	A3-LK-07B	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
34.12	A3-LK-07.12	A3-LK-07B	70,0	74,7	52,3				52,3	53,0	54,7	51,5	211,5	3,0
34.13	A3-LK-07.13	A3-LK-07B	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
34.14	A3-LK-07.14	A3-LK-07B	146,2	64,0	93,5				93,5	94,1	97,8	93,3	378,7	2,6
35	A3-LK-08		1.500,0	70,3	1.055,0	4	0,45	15,65	1.055,0	1.073,6	1.104,2	1.067,1	4.299,9	2,9
	A3-LK-08A		800,0	71,7	573,5				573,5	582,8	598,1	579,8	2.334,2	2,9

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
35.01	A3-LK-08.01	A3-LK-08A	120,0	57,3	68,7				68,7	69,7	71,4	69,3	279,1	2,3
35.02	A3-LK-08.02	A3-LK-08A	80,0	77,9	62,3				62,3	63,4	65,1	63,2	254,0	3,2
35.03	A3-LK-08.03	A3-LK-08A	80,0	77,9	62,3				62,3	63,4	65,1	63,2	254,0	3,2
35.04	A3-LK-08.04	A3-LK-08A	80,0	77,9	62,3				62,3	63,4	65,1	63,2	254,0	3,2
35.05	A3-LK-08.05	A3-LK-08A	80,0	77,9	62,3				62,3	63,0	64,7	62,0	252,0	3,2
35.06	A3-LK-08.06	A3-LK-08A	80,0	77,9	62,3				62,3	63,4	65,1	63,2	254,0	3,2
35.07	A3-LK-08.07	A3-LK-08A	80,0	77,9	62,3				62,3	63,4	65,1	63,2	254,0	3,2
35.08	A3-LK-08.08	A3-LK-08A	80,0	77,9	62,3				62,3	63,4	65,1	63,2	254,0	3,2
35.09	A3-LK-08.09	A3-LK-08A	120,0	57,3	68,7				68,7	69,7	71,4	69,3	279,1	2,3
	A3-LK-08B		700,0	68,8	481,5				481,5	490,8	506,1	487,3	1.965,7	2,8
35.10	A3-LK-08.10	A3-LK-08B	105,0	55,0	57,7				57,7	58,7	60,4	58,3	235,1	2,2
35.11	A3-LK-08.11	A3-LK-08B	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
35.12	A3-LK-08.12	A3-LK-08B	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
35.13	A3-LK-08.13	A3-LK-08B	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
35.14	A3-LK-08.14	A3-LK-08B	70,0	74,7	52,3				52,3	53,0	54,7	51,5	211,5	3,0
35.15	A3-LK-08.15	A3-LK-08B	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
35.16	A3-LK-08.16	A3-LK-08B	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
35.17	A3-LK-08.17	A3-LK-08B	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
35.18	A3-LK-08.18	A3-LK-08B	105,0	55,0	57,7				57,7	58,7	60,4	58,3	235,1	2,2
36	A3-LK-09		1.295,7	69,4	899,0	4	0,45	15,65	899,0	914,0	941,9	909,7	3.664,6	2,8
	A3-LK-09A		596,4	68,4	407,9				407,9	415,1	427,9	412,0	1.662,9	2,8
36.01	A3-LK-09.01	A3-LK-09A	141,4	62,7	88,7				88,7	89,8	92,4	89,4	360,3	2,5
36.02	A3-LK-09.02	A3-LK-09A	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
36.03	A3-LK-09.03	A3-LK-09A	70,0	74,7	52,3				52,3	53,0	54,7	51,5	211,5	3,0
36.04	A3-LK-09.04	A3-LK-09A	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
36.05	A3-LK-09.05	A3-LK-09A	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
36.06	A3-LK-09.06	A3-LK-09A	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
36.07	A3-LK-09.07	A3-LK-09A	105,0	55,0	57,7				57,7	58,7	60,4	58,3	235,1	2,2
	A3-LK-09B		699,3	70,2	491,1				491,1	498,9	514,0	497,7	2.001,7	2,9
36.08	A3-LK-09.08	A3-LK-09B	120,0	55,9	67,1				67,1	68,1	69,8	67,7	272,7	2,3
36.09	A3-LK-09.09	A3-LK-09B	80,0	76,0	60,8				60,8	61,9	63,6	61,7	248,0	3,1
36.10	A3-LK-09.10	A3-LK-09B	80,0	76,0	60,8				60,8	61,9	63,6	61,7	248,0	3,1
36.11	A3-LK-09.11	A3-LK-09B	80,0	76,0	60,8				60,8	61,9	63,6	61,7	248,0	3,1
36.12	A3-LK-09.12	A3-LK-09B	80,0	76,0	60,8				60,8	61,9	63,6	61,7	248,0	3,1
36.13	A3-LK-09.13	A3-LK-09B	80,0	76,0	60,8				60,8	61,9	63,6	61,7	248,0	3,1
36.14	A3-LK-09.14	A3-LK-09B	80,0	76,0	60,8				60,8	61,9	63,6	61,7	248,0	3,1
36.15	A3-LK-09.15	A3-LK-09B	99,3	59,6	59,2				59,2	59,4	62,6	59,8	241,0	2,4
37	A3-LK-10		1.500,0	69,4	1.041,3	4	0,45	15,65	1.041,3	1.059,9	1.090,5	1.052,9	4.244,6	2,8
	A3-LK-10A		700,0	68,8	481,5				481,5	490,8	506,1	487,3	1.965,7	2,8
37.01	A3-LK-10.01	A3-LK-10A	105,0	55,0	57,7				57,7	58,7	60,4	58,3	235,1	2,2
37.02	A3-LK-10.02	A3-LK-10A	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
37.03	A3-LK-10.03	A3-LK-10A	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
37.04	A3-LK-10.04	A3-LK-10A	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
37.05	A3-LK-10.05	A3-LK-10A	70,0	74,7	52,3				52,3	53,0	54,7	51,5	211,5	3,0
37.06	A3-LK-10.06	A3-LK-10A	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
37.07	A3-LK-10.07	A3-LK-10A	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
37.08	A3-LK-10.08	A3-LK-10A	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
37.09	A3-LK-10.09	A3-LK-10A	105,0	55,0	57,7				57,7	58,7	60,4	58,3	235,1	2,2
	A3-LK-10B		800,0	70,0	559,8				559,8	569,1	584,4	565,6	2.278,9	2,8
37.10	A3-LK-10.10	A3-LK-10B	120,0	55,9	67,1				67,1	68,1	69,8	67,7	272,7	2,3

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
37.11	A3-LK-10.11	A3-LK-10B	80,0	76,0	60,8				60,8	61,9	63,6	61,7	248,0	3,1
37.12	A3-LK-10.12	A3-LK-10B	80,0	76,0	60,8				60,8	61,9	63,6	61,7	248,0	3,1
37.13	A3-LK-10.13	A3-LK-10B	80,0	76,0	60,8				60,8	61,9	63,6	61,7	248,0	3,1
37.14	A3-LK-10.14	A3-LK-10B	80,0	76,0	60,8				60,8	61,5	63,2	60,0	245,5	3,1
37.15	A3-LK-10.15	A3-LK-10B	80,0	76,0	60,8				60,8	61,9	63,6	61,7	248,0	3,1
37.16	A3-LK-10.16	A3-LK-10B	80,0	76,0	60,8				60,8	61,9	63,6	61,7	248,0	3,1
37.17	A3-LK-10.17	A3-LK-10B	80,0	76,0	60,8				60,8	61,9	63,6	61,7	248,0	3,1
37.18	A3-LK-10.18	A3-LK-10B	120,0	55,9	67,1				67,1	68,1	69,8	67,7	272,7	2,3
38	A3-LK-11		1.529,4	70,3	1.075,1	4	0,45	15,65	1.075,1	1.091,3	1.123,6	1.083,5	4.373,5	2,9
	A3-LK-11A		802,2	71,0	569,5				569,5	576,8	591,7	572,9	2.310,9	2,9
38.01	A3-LK-11.01	A3-LK-11A	122,2	62,8	76,8				76,8	75,8	77,1	75,0	304,7	2,5
38.02	A3-LK-11.02	A3-LK-11A	80,0	76,0	60,8				60,8	61,9	63,6	61,7	248,0	3,1
38.03	A3-LK-11.03	A3-LK-11A	80,0	76,0	60,8				60,8	61,9	63,6	61,7	248,0	3,1
38.04	A3-LK-11.04	A3-LK-11A	80,0	76,0	60,8				60,8	61,9	63,6	61,7	248,0	3,1
38.05	A3-LK-11.05	A3-LK-11A	80,0	76,0	60,8				60,8	61,5	63,2	60,0	245,5	3,1
38.06	A3-LK-11.06	A3-LK-11A	80,0	76,0	60,8				60,8	61,9	63,6	61,7	248,0	3,1
38.07	A3-LK-11.07	A3-LK-11A	80,0	76,0	60,8				60,8	61,9	63,6	61,7	248,0	3,1
38.08	A3-LK-11.08	A3-LK-11A	80,0	76,0	60,8				60,8	61,9	63,6	61,7	248,0	3,1
38.09	A3-LK-11.09	A3-LK-11A	120,0	55,9	67,1				67,1	68,1	69,8	67,7	272,7	2,3
	A3-LK-11B		727,2	69,5	505,6				505,6	514,5	531,9	510,6	2.062,6	2,8
38.10	A3-LK-11.10	A3-LK-11B	105,0	55,0	57,7				57,7	58,7	60,4	58,3	235,1	2,2
38.11	A3-LK-11.11	A3-LK-11B	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
38.12	A3-LK-11.12	A3-LK-11B	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
38.13	A3-LK-11.13	A3-LK-11B	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
38.14	A3-LK-11.14	A3-LK-11B	70,0	74,7	52,3				52,3	53,0	54,7	51,5	211,5	3,0

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
38.15	A3-LK-11.15	A3-LK-11B	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
38.16	A3-LK-11.16	A3-LK-11B	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
38.17	A3-LK-11.17	A3-LK-11B	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
38.18	A3-LK-11.18	A3-LK-11B	132,2	61,9	81,8				81,8	82,4	86,2	81,6	332,0	2,5
39	A3-LK-12		1.650,0	70,0	1.154,4	4	0,45	15,65	1.154,4	1.176,0	1.210,0	1.171,2	4.711,6	2,9
	A3-LK-12A		880,0	70,5	620,6				620,6	631,4	648,4	629,0	2.529,4	2,9
39.01	A3-LK-12.01	A3-LK-12A	120,0	55,9	67,1				67,1	68,1	69,8	67,7	272,7	2,3
39.02	A3-LK-12.02	A3-LK-12A	80,0	76,0	60,8				60,8	61,9	63,6	61,7	248,0	3,1
39.03	A3-LK-12.03	A3-LK-12A	80,0	76,0	60,8				60,8	61,9	63,6	61,7	248,0	3,1
39.04	A3-LK-12.04	A3-LK-12A	80,0	76,0	60,8				60,8	61,9	63,6	61,7	248,0	3,1
39.05	A3-LK-12.05	A3-LK-12A	80,0	76,0	60,8				60,8	61,9	63,6	61,7	248,0	3,1
39.06	A3-LK-12.06	A3-LK-12A	80,0	76,0	60,8				60,8	61,9	63,6	61,7	248,0	3,1
39.07	A3-LK-12.07	A3-LK-12A	80,0	76,0	60,8				60,8	61,9	63,6	61,7	248,0	3,1
39.08	A3-LK-12.08	A3-LK-12A	80,0	76,0	60,8				60,8	61,9	63,6	61,7	248,0	3,1
39.09	A3-LK-12.09	A3-LK-12A	80,0	76,0	60,8				60,8	61,9	63,6	61,7	248,0	3,1
39.10	A3-LK-12.10	A3-LK-12A	120,0	55,9	67,1				67,1	68,1	69,8	67,7	272,7	2,3
	A3-LK-12B		770,0	69,3	533,8				533,8	544,6	561,6	542,2	2.182,2	2,8
39.11	A3-LK-12.11	A3-LK-12B	105,0	55,0	57,7				57,7	58,7	60,4	58,3	235,1	2,2
39.12	A3-LK-12.12	A3-LK-12B	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
39.13	A3-LK-12.13	A3-LK-12B	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
39.14	A3-LK-12.14	A3-LK-12B	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
39.15	A3-LK-12.15	A3-LK-12B	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
39.16	A3-LK-12.16	A3-LK-12B	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
39.17	A3-LK-12.17	A3-LK-12B	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
39.18	A3-LK-12.18	A3-LK-12B	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
39.19	A3-LK-12.19	A3-LK-12B	70,0	74,7	52,3				52,3	53,4	55,1	53,2	214,0	3,1
39.20	A3-LK-12.20	A3-LK-12B	105,0	55,0	57,7				57,7	58,7	60,4	58,3	235,1	2,2
40	A3-LK-13		1.601,2	70,8	1.133,7	4	0,45	16,00	1.133,7	1.153,6	1.069,4	876,1	4.232,8	2,6
	A3-LK-13A		868,4	72,5	629,3				629,3	640,2	595,5	496,7	2.361,7	2,7
40.01	A3-LK-13.01	A3-LK-13A	108,4	63,5	68,8				68,8	67,2	62,5	39,6	238,1	2,2
40.02	A3-LK-13.02	A3-LK-13A	80,0	77,0	61,6				61,6	63,0	58,6	51,2	234,4	2,9
40.03	A3-LK-13.03	A3-LK-13A	80,0	77,0	61,6				61,6	63,0	58,6	51,2	234,4	2,9
40.04	A3-LK-13.04	A3-LK-13A	80,0	77,0	61,6				61,6	63,0	58,5	49,2	232,3	2,9
40.05	A3-LK-13.05	A3-LK-13A	80,0	77,0	61,6				61,6	63,0	58,5	49,2	232,3	2,9
40.06	A3-LK-13.06	A3-LK-13A	80,0	77,0	61,6				61,6	63,0	58,6	51,2	234,4	2,9
40.07	A3-LK-13.07	A3-LK-13A	80,0	77,0	61,6				61,6	63,0	58,6	51,2	234,4	2,9
40.08	A3-LK-13.08	A3-LK-13A	80,0	77,0	61,6				61,6	63,0	58,5	49,2	232,3	2,9
40.09	A3-LK-13.09	A3-LK-13A	80,0	77,0	61,6				61,6	63,0	58,5	49,2	232,3	2,9
40.10	A3-LK-13.10	A3-LK-13A	120,0	56,4	67,7				67,7	69,0	64,6	55,5	256,8	2,1
	A3-LK-13B		732,8	68,8	504,4				504,4	513,4	473,9	379,4	1.871,1	2,6
40.11	A3-LK-13.11	A3-LK-13B	105,0	54,0	56,7				56,7	58,0	53,6	44,2	212,5	2,0
40.12	A3-LK-13.12	A3-LK-13B	70,0	73,7	51,6				51,6	53,0	48,6	41,2	194,4	2,8
40.13	A3-LK-13.13	A3-LK-13B	70,0	73,7	51,6				51,6	53,0	48,5	39,2	192,3	2,7
40.14	A3-LK-13.14	A3-LK-13B	70,0	73,7	51,6				51,6	53,0	48,5	39,2	192,3	2,7
40.15	A3-LK-13.15	A3-LK-13B	70,0	73,7	51,6				51,6	53,0	48,6	41,2	194,4	2,8
40.16	A3-LK-13.16	A3-LK-13B	70,0	73,7	51,6				51,6	53,0	48,6	41,2	194,4	2,8
40.17	A3-LK-13.17	A3-LK-13B	70,0	73,7	51,6				51,6	53,0	48,5	39,2	192,3	2,7
40.18	A3-LK-13.18	A3-LK-13B	70,0	73,7	51,6				51,6	53,0	48,5	39,2	192,3	2,7
40.19	A3-LK-13.19	A3-LK-13B	137,8	62,8	86,5				86,5	84,4	80,5	54,8	306,2	2,2
41	A3-LK-14		1.350,0	68,7	928,0	4	0,45	16,00	928,0	950,0	878,8	737,4	3.494,2	2,6

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
	A3-LK-14A		720,0	70,1	505,0				505,0	516,0	480,4	409,7	1.911,1	2,7
41.01	A3-LK-14.01	A3-LK-14A	120,0	56,4	67,7				67,7	69,0	64,6	55,2	256,5	2,1
41.02	A3-LK-14.02	A3-LK-14A	80,0	77,0	61,6				61,6	63,0	58,6	51,2	234,4	2,9
41.03	A3-LK-14.03	A3-LK-14A	80,0	77,0	61,6				61,6	63,0	58,5	49,2	232,3	2,9
41.04	A3-LK-14.04	A3-LK-14A	80,0	77,0	61,6				61,6	63,0	58,5	49,2	232,3	2,9
41.05	A3-LK-14.05	A3-LK-14A	80,0	77,0	61,6				61,6	63,0	58,6	51,2	234,4	2,9
41.06	A3-LK-14.06	A3-LK-14A	80,0	77,0	61,6				61,6	63,0	58,6	51,2	234,4	2,9
41.07	A3-LK-14.07	A3-LK-14A	80,0	77,0	61,6				61,6	63,0	58,5	49,2	232,3	2,9
41.08	A3-LK-14.08	A3-LK-14A	120,0	56,4	67,7				67,7	69,0	64,5	53,3	254,5	2,1
	A3-LK-14B		630,0	67,1	423,0				423,0	434,0	398,4	327,7	1.583,1	2,5
41.09	A3-LK-14.09	A3-LK-14B	105,0	54,0	56,7				56,7	58,0	53,6	44,2	212,5	2,0
41.10	A3-LK-14.10	A3-LK-14B	70,0	73,7	51,6				51,6	53,0	48,6	41,2	194,4	2,8
41.11	A3-LK-14.11	A3-LK-14B	70,0	73,7	51,6				51,6	53,0	48,5	39,2	192,3	2,7
41.12	A3-LK-14.12	A3-LK-14B	70,0	73,7	51,6				51,6	53,0	48,5	39,2	192,3	2,7
41.13	A3-LK-14.13	A3-LK-14B	70,0	73,7	51,6				51,6	53,0	48,6	41,2	194,4	2,8
41.14	A3-LK-14.14	A3-LK-14B	70,0	73,7	51,6				51,6	53,0	48,6	41,2	194,4	2,8
41.15	A3-LK-14.15	A3-LK-14B	70,0	73,7	51,6				51,6	53,0	48,5	39,2	192,3	2,7
41.16	A3-LK-14.16	A3-LK-14B	105,0	54,0	56,7				56,7	58,0	53,5	42,3	210,5	2,0
42	A3-LK-15		1.415,7	70,0	990,6	4	0,45	16,00	990,6	1.008,6	931,8	759,4	3.690,4	2,6
	A3-LK-15A		681,4	68,7	468,4				468,4	479,3	436,9	352,3	1.736,9	2,5
42.01	A3-LK-15.01	A3-LK-15A	86,4	58,4	50,5				50,5	50,3	43,5	27,7	172,0	2,0
42.02	A3-LK-15.02	A3-LK-15A	70,0	73,7	51,6				51,6	53,0	48,5	39,2	192,3	2,7
42.03	A3-LK-15.03	A3-LK-15A	70,0	73,7	51,6				51,6	53,0	48,5	39,2	192,3	2,7
42.04	A3-LK-15.04	A3-LK-15A	70,0	73,7	51,6				51,6	53,0	48,6	41,2	194,4	2,8
42.05	A3-LK-15.05	A3-LK-15A	70,0	73,7	51,6				51,6	53,0	48,6	41,2	194,4	2,8

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
42.06	A3-LK-15.06	A3-LK-15A	70,0	73,7	51,6				51,6	53,0	48,5	39,2	192,3	2,7
42.07	A3-LK-15.07	A3-LK-15A	70,0	73,7	51,6				51,6	53,0	48,5	39,2	192,3	2,7
42.08	A3-LK-15.08	A3-LK-15A	70,0	73,7	51,6				51,6	53,0	48,6	41,2	194,4	2,8
42.09	A3-LK-15.09	A3-LK-15A	105,0	54,0	56,7				56,7	58,0	53,6	44,2	212,5	2,0
	A3-LK-15B		734,3	71,1	522,2				522,2	529,3	494,9	407,1	1.953,5	2,7
42.10	A3-LK-15.10	A3-LK-15B	120,0	56,4	67,7				67,7	69,0	64,6	55,5	256,8	2,1
42.11	A3-LK-15.11	A3-LK-15B	80,0	77,0	61,6				61,6	63,0	58,5	49,2	232,3	2,9
42.12	A3-LK-15.12	A3-LK-15B	80,0	77,0	61,6				61,6	63,0	58,5	49,2	232,3	2,9
42.13	A3-LK-15.13	A3-LK-15B	80,0	77,0	61,6				61,6	63,0	58,6	51,2	234,4	2,9
42.14	A3-LK-15.14	A3-LK-15B	80,0	77,0	61,6				61,6	63,0	58,6	51,2	234,4	2,9
42.15	A3-LK-15.15	A3-LK-15B	80,0	77,0	61,6				61,6	63,0	58,5	49,2	232,3	2,9
42.16	A3-LK-15.16	A3-LK-15B	80,0	77,0	61,6				61,6	63,0	58,5	49,2	232,3	2,9
42.17	A3-LK-15.17	A3-LK-15B	134,3	63,2	84,9				84,9	82,3	79,1	52,4	298,7	2,2
43	A3-LK-16		1.500,0	69,4	1.041,2	4	0,45	16,00	1.041,2	1.066,0	986,0	830,2	3.923,4	2,6
	A3-LK-16A		700,0	67,8	474,6				474,6	487,0	447,0	369,1	1.777,7	2,5
43.01	A3-LK-16.01	A3-LK-16A	105,0	54,0	56,7				56,7	58,0	53,6	44,5	212,8	2,0
43.02	A3-LK-16.02	A3-LK-16A	70,0	73,7	51,6				51,6	53,0	48,5	39,2	192,3	2,7
43.03	A3-LK-16.03	A3-LK-16A	70,0	73,7	51,6				51,6	53,0	48,5	39,2	192,3	2,7
43.04	A3-LK-16.04	A3-LK-16A	70,0	73,7	51,6				51,6	53,0	48,6	41,2	194,4	2,8
43.05	A3-LK-16.05	A3-LK-16A	70,0	73,7	51,6				51,6	53,0	48,6	41,2	194,4	2,8
43.06	A3-LK-16.06	A3-LK-16A	70,0	73,7	51,6				51,6	53,0	48,5	39,2	192,3	2,7
43.07	A3-LK-16.07	A3-LK-16A	70,0	73,7	51,6				51,6	53,0	48,5	39,2	192,3	2,7
43.08	A3-LK-16.08	A3-LK-16A	70,0	73,7	51,6				51,6	53,0	48,6	41,2	194,4	2,8
43.09	A3-LK-16.09	A3-LK-16A	105,0	54,0	56,7				56,7	58,0	53,6	44,2	212,5	2,0
	A3-LK-16B		800,0	70,8	566,6				566,6	579,0	539,0	461,1	2.145,7	2,7

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
43.10	A3-LK-16.10	A3-LK-16B	120,0	56,4	67,7				67,7	69,0	64,6	55,2	256,5	2,1
43.11	A3-LK-16.11	A3-LK-16B	80,0	77,0	61,6				61,6	63,0	58,6	51,2	234,4	2,9
43.12	A3-LK-16.12	A3-LK-16B	80,0	77,0	61,6				61,6	63,0	58,5	49,2	232,3	2,9
43.13	A3-LK-16.13	A3-LK-16B	80,0	77,0	61,6				61,6	63,0	58,5	49,2	232,3	2,9
43.14	A3-LK-16.14	A3-LK-16B	80,0	77,0	61,6				61,6	63,0	58,6	51,2	234,4	2,9
43.15	A3-LK-16.15	A3-LK-16B	80,0	77,0	61,6				61,6	63,0	58,6	51,2	234,4	2,9
43.16	A3-LK-16.16	A3-LK-16B	80,0	77,0	61,6				61,6	63,0	58,5	49,2	232,3	2,9
43.17	A3-LK-16.17	A3-LK-16B	80,0	77,0	61,6				61,6	63,0	58,5	49,2	232,3	2,9
43.18	A3-LK-16.18	A3-LK-16B	120,0	56,4	67,7				67,7	69,0	64,6	55,5	256,8	2,1
44	A3-LK-17		1.344,1	70,0	941,4	4	0,45	16,00	941,4	952,2	884,2	722,5	3.500,3	2,6
	A3-LK-17A		709,7	71,3	506,1				506,1	509,4	476,9	397,4	1.889,8	2,7
44.01	A3-LK-17.01	A3-LK-17A	109,7	62,7	68,8				68,8	62,4	61,1	42,7	235,0	2,1
44.02	A3-LK-17.02	A3-LK-17A	80,0	77,0	61,6				61,6	63,0	58,5	49,2	232,3	2,9
44.03	A3-LK-17.03	A3-LK-17A	80,0	77,0	61,6				61,6	63,0	58,5	49,2	232,3	2,9
44.04	A3-LK-17.04	A3-LK-17A	80,0	77,0	61,6				61,6	63,0	58,6	51,2	234,4	2,9
44.05	A3-LK-17.05	A3-LK-17A	80,0	77,0	61,6				61,6	63,0	58,6	51,2	234,4	2,9
44.06	A3-LK-17.06	A3-LK-17A	80,0	77,0	61,6				61,6	63,0	58,5	49,2	232,3	2,9
44.07	A3-LK-17.07	A3-LK-17A	80,0	77,0	61,6				61,6	63,0	58,5	49,2	232,3	2,9
44.08	A3-LK-17.08	A3-LK-17A	120,0	56,4	67,7				67,7	69,0	64,6	55,5	256,8	2,1
	A3-LK-17B		634,4	68,6	435,3				435,3	442,8	407,3	325,1	1.610,5	2,5
44.09	A3-LK-17.09	A3-LK-17B	105,0	54,0	56,7				56,7	58,0	53,6	44,5	212,8	2,0
44.10	A3-LK-17.10	A3-LK-17B	70,0	73,7	51,6				51,6	53,0	48,5	39,2	192,3	2,7
44.11	A3-LK-17.11	A3-LK-17B	70,0	73,7	51,6				51,6	53,0	48,5	39,2	192,3	2,7
44.12	A3-LK-17.12	A3-LK-17B	70,0	73,7	51,6				51,6	53,0	48,6	41,2	194,4	2,8
44.13	A3-LK-17.13	A3-LK-17B	70,0	73,7	51,6				51,6	53,0	48,6	41,2	194,4	2,8

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
44.14	A3-LK-17.14	A3-LK-17B	70,0	73,7	51,6				51,6	53,0	48,5	39,2	192,3	2,7
44.15	A3-LK-17.15	A3-LK-17B	70,0	73,7	51,6				51,6	53,0	48,5	39,2	192,3	2,7
44.16	A3-LK-17.16	A3-LK-17B	109,4	63,1	69,0				69,0	66,8	62,5	41,4	239,7	2,2
45	A3-LK-18		1.500,0	69,4	1.041,2	4	0,45	16,00	1.041,2	1.066,0	986,0	830,2	3.923,4	2,6
	A3-LK-18A		800,0	70,8	566,6				566,6	579,0	539,0	461,1	2.145,7	2,7
45.01	A3-LK-18.01	A3-LK-18A	120,0	56,4	67,7				67,7	69,0	64,6	55,5	256,8	2,1
45.02	A3-LK-18.02	A3-LK-18A	80,0	77,0	61,6				61,6	63,0	58,5	49,2	232,3	2,9
45.03	A3-LK-18.03	A3-LK-18A	80,0	77,0	61,6				61,6	63,0	58,5	49,2	232,3	2,9
45.04	A3-LK-18.04	A3-LK-18A	80,0	77,0	61,6				61,6	63,0	58,6	51,2	234,4	2,9
45.05	A3-LK-18.05	A3-LK-18A	80,0	77,0	61,6				61,6	63,0	58,6	51,2	234,4	2,9
45.06	A3-LK-18.06	A3-LK-18A	80,0	77,0	61,6				61,6	63,0	58,5	49,2	232,3	2,9
45.07	A3-LK-18.07	A3-LK-18A	80,0	77,0	61,6				61,6	63,0	58,5	49,2	232,3	2,9
45.08	A3-LK-18.08	A3-LK-18A	80,0	77,0	61,6				61,6	63,0	58,6	51,2	234,4	2,9
45.09	A3-LK-18.09	A3-LK-18A	120,0	56,4	67,7				67,7	69,0	64,6	55,2	256,5	2,1
	A3-LK-18B		700,0	67,8	474,6				474,6	487,0	447,0	369,1	1.777,7	2,5
45.10	A3-LK-18.10	A3-LK-18B	105,0	54,0	56,7				56,7	58,0	53,6	44,2	212,5	2,0
45.11	A3-LK-18.11	A3-LK-18B	70,0	73,7	51,6				51,6	53,0	48,6	41,2	194,4	2,8
45.12	A3-LK-18.12	A3-LK-18B	70,0	73,7	51,6				51,6	53,0	48,5	39,2	192,3	2,7
45.13	A3-LK-18.13	A3-LK-18B	70,0	73,7	51,6				51,6	53,0	48,5	39,2	192,3	2,7
45.14	A3-LK-18.14	A3-LK-18B	70,0	73,7	51,6				51,6	53,0	48,6	41,2	194,4	2,8
45.15	A3-LK-18.15	A3-LK-18B	70,0	73,7	51,6				51,6	53,0	48,6	41,2	194,4	2,8
45.16	A3-LK-18.16	A3-LK-18B	70,0	73,7	51,6				51,6	53,0	48,5	39,2	192,3	2,7
45.17	A3-LK-18.17	A3-LK-18B	70,0	73,7	51,6				51,6	53,0	48,5	39,2	192,3	2,7
45.18	A3-LK-18.18	A3-LK-18B	105,0	54,0	56,7				56,7	58,0	53,6	44,5	212,8	2,0
46	A3-LK-19		1.396,2	70,5	984,3	4	0,45	16,00	984,3	999,1	927,3	753,6	3.664,3	2,6

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
	A3-LK-19A		650,3	68,9	448,0				448,0	455,7	419,9	334,2	1.657,8	2,5
46.01	A3-LK-19.01	A3-LK-19A	125,3	65,2	81,7				81,7	79,7	75,1	50,5	287,0	2,3
46.02	A3-LK-19.02	A3-LK-19A	70,0	73,7	51,6				51,6	53,0	48,5	39,2	192,3	2,7
46.03	A3-LK-19.03	A3-LK-19A	70,0	73,7	51,6				51,6	53,0	48,5	39,2	192,3	2,7
46.04	A3-LK-19.04	A3-LK-19A	70,0	73,7	51,6				51,6	53,0	48,6	41,2	194,4	2,8
46.05	A3-LK-19.05	A3-LK-19A	70,0	73,7	51,6				51,6	53,0	48,6	41,2	194,4	2,8
46.06	A3-LK-19.06	A3-LK-19A	70,0	73,7	51,6				51,6	53,0	48,5	39,2	192,3	2,7
46.07	A3-LK-19.07	A3-LK-19A	70,0	73,7	51,6				51,6	53,0	48,5	39,2	192,3	2,7
46.08	A3-LK-19.08	A3-LK-19A	105,0	54,0	56,7				56,7	58,0	53,6	44,5	212,8	2,0
	A3-LK-19B		745,9	71,9	536,3				536,3	543,4	507,4	419,4	2.006,5	2,7
46.09	A3-LK-19.09	A3-LK-19B	120,0	56,4	67,7				67,7	69,0	64,6	55,5	256,8	2,1
46.10	A3-LK-19.10	A3-LK-19B	80,0	77,0	61,6				61,6	63,0	58,5	49,2	232,3	2,9
46.11	A3-LK-19.11	A3-LK-19B	80,0	77,0	61,6				61,6	63,0	58,5	49,2	232,3	2,9
46.12	A3-LK-19.12	A3-LK-19B	80,0	77,0	61,6				61,6	63,0	58,6	51,2	234,4	2,9
46.13	A3-LK-19.13	A3-LK-19B	80,0	77,0	61,6				61,6	63,0	58,6	51,2	234,4	2,9
46.14	A3-LK-19.14	A3-LK-19B	80,0	77,0	61,6				61,6	63,0	58,5	49,2	232,3	2,9
46.15	A3-LK-19.15	A3-LK-19B	80,0	77,0	61,6				61,6	63,0	58,5	49,2	232,3	2,9
46.16	A3-LK-19.16	A3-LK-19B	145,9	67,9	99,0				99,0	96,4	91,6	64,7	351,7	2,4
47	A3-LK-20		1.350,0	68,7	928,0	4	0,45	16,00	928,0	950,0	878,8	737,4	3.494,2	2,6
	A3-LK-20A		630,0	67,1	423,0				423,0	434,0	398,4	327,7	1.583,1	2,5
47.01	A3-LK-20.01	A3-LK-20A	105,0	54,0	56,7				56,7	58,0	53,6	44,2	212,5	2,0
47.02	A3-LK-20.02	A3-LK-20A	70,0	73,7	51,6				51,6	53,0	48,6	41,2	194,4	2,8
47.03	A3-LK-20.03	A3-LK-20A	70,0	73,7	51,6				51,6	53,0	48,5	39,2	192,3	2,7
47.04	A3-LK-20.04	A3-LK-20A	70,0	73,7	51,6				51,6	53,0	48,5	39,2	192,3	2,7
47.05	A3-LK-20.05	A3-LK-20A	70,0	73,7	51,6				51,6	53,0	48,6	41,2	194,4	2,8

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
47.06	A3-LK-20.06	A3-LK-20A	70,0	73,7	51,6				51,6	53,0	48,6	41,2	194,4	2,8
47.07	A3-LK-20.07	A3-LK-20A	70,0	73,7	51,6				51,6	53,0	48,5	39,2	192,3	2,7
47.08	A3-LK-20.08	A3-LK-20A	105,0	54,0	56,7				56,7	58,0	53,5	42,3	210,5	2,0
	A3-LK-20B		720,0	70,1	505,0				505,0	516,0	480,4	409,7	1.911,1	2,7
47.09	A3-LK-20.09	A3-LK-20B	120,0	56,4	67,7				67,7	69,0	64,5	53,3	254,5	2,1
47.10	A3-LK-20.10	A3-LK-20B	80,0	77,0	61,6				61,6	63,0	58,5	49,2	232,3	2,9
47.11	A3-LK-20.11	A3-LK-20B	80,0	77,0	61,6				61,6	63,0	58,6	51,2	234,4	2,9
47.12	A3-LK-20.12	A3-LK-20B	80,0	77,0	61,6				61,6	63,0	58,6	51,2	234,4	2,9
47.13	A3-LK-20.13	A3-LK-20B	80,0	77,0	61,6				61,6	63,0	58,5	49,2	232,3	2,9
47.14	A3-LK-20.14	A3-LK-20B	80,0	77,0	61,6				61,6	63,0	58,5	49,2	232,3	2,9
47.15	A3-LK-20.15	A3-LK-20B	80,0	77,0	61,6				61,6	63,0	58,6	51,2	234,4	2,9
47.16	A3-LK-20.16	A3-LK-20B	120,0	56,4	67,7				67,7	69,0	64,6	55,2	256,5	2,1
48	A3-LK-21		1.223,5	68,7	840,0	4	0,45	16,00	840,0	880,1	881,7	849,1	3.450,9	2,8
	A3-LK-21A		658,1	69,5	457,6				457,6	478,6	481,3	463,7	1.881,2	2,9
48.01	A3-LK-21.01	A3-LK-21A	138,1	61,1	84,4				84,4	87,0	90,0	82,9	344,3	2,5
48.02	A3-LK-21.02	A3-LK-21A	80,0	74,9	59,9				59,9	61,0	64,8	60,9	246,6	3,1
48.03	A3-LK-21.03	A3-LK-21A	80,0	78,0	62,4				62,4	67,4	63,5	63,9	257,2	3,2
48.04	A3-LK-21.04	A3-LK-21A	80,0	78,0	62,4				62,4	67,4	63,5	63,9	257,2	3,2
48.05	A3-LK-21.05	A3-LK-21A	80,0	74,9	59,9				59,9	61,0	64,8	60,9	246,6	3,1
48.06	A3-LK-21.06	A3-LK-21A	80,0	74,9	59,9				59,9	61,0	64,8	60,9	246,6	3,1
48.07	A3-LK-21.07	A3-LK-21A	120,0	57,3	68,7				68,7	73,8	69,9	70,3	282,7	2,4
	A3-LK-21B		565,4	67,6	382,4				382,4	401,5	400,4	385,4	1.569,7	2,8
48.08	A3-LK-21.08	A3-LK-21B	105,0	55,0	57,7				57,7	62,8	58,9	59,3	238,7	2,3
48.09	A3-LK-21.09	A3-LK-21B	70,0	72,9	51,0				51,0	51,0	54,8	50,9	207,7	3,0
48.10	A3-LK-21.10	A3-LK-21B	70,0	72,9	51,0				51,0	51,0	54,8	50,9	207,7	3,0

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
48.11	A3-LK-21.11	A3-LK-21B	70,0	74,7	52,3				52,3	57,4	53,5	53,9	217,1	3,1
48.12	A3-LK-21.12	A3-LK-21B	70,0	74,7	52,3				52,3	57,4	53,5	53,9	217,1	3,1
48.13	A3-LK-21.13	A3-LK-21B	70,0	72,9	51,0				51,0	51,0	54,8	50,9	207,7	3,0
48.14	A3-LK-21.14	A3-LK-21B	110,4	60,8	67,1				67,1	70,9	70,1	65,6	273,7	2,5
49	A3-LK-22		1.350,0	68,6	925,8	4	0,45	16,00	925,8	970,8	970,0	942,0	3.808,6	2,8
	A3-LK-22A		720,0	69,7	501,8				501,8	526,4	526,0	512,0	2.066,2	2,9
49.01	A3-LK-22.01	A3-LK-22A	120,0	57,3	68,7				68,7	73,8	69,9	70,3	282,7	2,4
49.02	A3-LK-22.02	A3-LK-22A	80,0	74,9	59,9				59,9	61,0	64,8	60,9	246,6	3,1
49.03	A3-LK-22.03	A3-LK-22A	80,0	74,9	59,9				59,9	61,0	64,8	60,9	246,6	3,1
49.04	A3-LK-22.04	A3-LK-22A	80,0	78,0	62,4				62,4	67,4	63,5	63,9	257,2	3,2
49.05	A3-LK-22.05	A3-LK-22A	80,0	78,0	62,4				62,4	67,4	63,5	63,9	257,2	3,2
49.06	A3-LK-22.06	A3-LK-22A	80,0	74,9	59,9				59,9	61,0	64,8	60,9	246,6	3,1
49.07	A3-LK-22.07	A3-LK-22A	80,0	74,9	59,9				59,9	61,0	64,8	60,9	246,6	3,1
49.08	A3-LK-22.08	A3-LK-22A	120,0	57,3	68,7				68,7	73,8	69,9	70,3	282,7	2,4
	A3-LK-22B		630,0	67,3	424,0				424,0	444,4	444,0	430,0	1.742,4	2,8
49.09	A3-LK-22.09	A3-LK-22B	105,0	55,0	57,7				57,7	62,8	58,9	59,3	238,7	2,3
49.10	A3-LK-22.10	A3-LK-22B	70,0	72,9	51,0				51,0	51,0	54,8	50,9	207,7	3,0
49.11	A3-LK-22.11	A3-LK-22B	70,0	72,9	51,0				51,0	51,0	54,8	50,9	207,7	3,0
49.12	A3-LK-22.12	A3-LK-22B	70,0	74,7	52,3				52,3	57,4	53,5	53,9	217,1	3,1
49.13	A3-LK-22.13	A3-LK-22B	70,0	74,7	52,3				52,3	57,4	53,5	53,9	217,1	3,1
49.14	A3-LK-22.14	A3-LK-22B	70,0	72,9	51,0				51,0	51,0	54,8	50,9	207,7	3,0
49.15	A3-LK-22.15	A3-LK-22B	70,0	72,9	51,0				51,0	51,0	54,8	50,9	207,7	3,0
49.16	A3-LK-22.16	A3-LK-22B	105,0	55,0	57,7				57,7	62,8	58,9	59,3	238,7	2,3
50	A3-LK-23		1.217,0	67,9	825,8	4	0,45	16,00	825,8	865,9	864,9	835,0	3.391,6	2,8
	A3-LK-23A		576,9	66,0	380,5				380,5	398,2	398,5	383,6	1.560,8	2,7

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
50.01	A3-LK-23.01	A3-LK-23A	121,9	53,5	65,2				65,2	67,6	68,2	63,8	264,8	2,2
50.02	A3-LK-23.02	A3-LK-23A	70,0	72,9	51,0				51,0	51,0	54,8	50,9	207,7	3,0
50.03	A3-LK-23.03	A3-LK-23A	70,0	74,7	52,3				52,3	57,4	53,5	53,9	217,1	3,1
50.04	A3-LK-23.04	A3-LK-23A	70,0	74,7	52,3				52,3	57,4	53,5	53,9	217,1	3,1
50.05	A3-LK-23.05	A3-LK-23A	70,0	72,9	51,0				51,0	51,0	54,8	50,9	207,7	3,0
50.06	A3-LK-23.06	A3-LK-23A	70,0	72,9	51,0				51,0	51,0	54,8	50,9	207,7	3,0
50.07	A3-LK-23.07	A3-LK-23A	105,0	55,0	57,7				57,7	62,8	58,9	59,3	238,7	2,3
	A3-LK-23B		640,1	69,6	445,3				445,3	467,7	466,4	451,4	1.830,8	2,9
50.08	A3-LK-23.08	A3-LK-23B	120,0	57,3	68,7				68,7	73,8	69,9	70,3	282,7	2,4
50.09	A3-LK-23.09	A3-LK-23B	80,0	74,9	59,9				59,9	61,0	64,8	60,9	246,6	3,1
50.10	A3-LK-23.10	A3-LK-23B	80,0	74,9	59,9				59,9	61,0	64,8	60,9	246,6	3,1
50.11	A3-LK-23.11	A3-LK-23B	80,0	78,0	62,4				62,4	67,4	63,5	63,9	257,2	3,2
50.12	A3-LK-23.12	A3-LK-23B	80,0	78,0	62,4				62,4	67,4	63,5	63,9	257,2	3,2
50.13	A3-LK-23.13	A3-LK-23B	80,0	74,9	59,9				59,9	61,0	64,8	60,9	246,6	3,1
50.14	A3-LK-23.14	A3-LK-23B	120,1	60,0	72,1				72,1	76,1	75,1	70,6	293,9	2,4
51	A3-LK-24		1.200,0	67,8	813,8	4	0,45	16,00	813,8	859,0	850,6	830,2	3.353,6	2,8
	A3-LK-24A		560,0	66,4	371,9				371,9	393,5	389,3	379,1	1.533,8	2,7
51.01	A3-LK-24.01	A3-LK-24A	105,0	55,0	57,7				57,7	62,8	58,9	59,3	238,7	2,3
51.02	A3-LK-24.02	A3-LK-24A	70,0	72,9	51,0				51,0	51,0	54,8	50,9	207,7	3,0
51.03	A3-LK-24.03	A3-LK-24A	70,0	72,9	51,0				51,0	51,0	54,8	50,9	207,7	3,0
51.04	A3-LK-24.04	A3-LK-24A	70,0	74,7	52,3				52,3	57,4	53,5	53,9	217,1	3,1
51.05	A3-LK-24.05	A3-LK-24A	70,0	74,7	52,3				52,3	57,4	53,5	53,9	217,1	3,1
51.06	A3-LK-24.06	A3-LK-24A	70,0	71,3	49,9				49,9	51,1	54,9	50,9	206,8	3,0
51.07	A3-LK-24.07	A3-LK-24A	105,0	55,0	57,7				57,7	62,8	58,9	59,3	238,7	2,3
	A3-LK-24B		640,0	69,0	441,9				441,9	465,5	461,3	451,1	1.819,8	2,8

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
51.08	A3-LK-24.08	A3-LK-24B	120,0	57,3	68,7				68,7	73,8	69,9	70,3	282,7	2,4
51.09	A3-LK-24.09	A3-LK-24B	80,0	74,9	59,9				59,9	61,1	64,9	60,9	246,8	3,1
51.10	A3-LK-24.10	A3-LK-24B	80,0	78,0	62,4				62,4	67,4	63,5	63,9	257,2	3,2
51.11	A3-LK-24.11	A3-LK-24B	80,0	78,0	62,4				62,4	67,4	63,5	63,9	257,2	3,2
51.12	A3-LK-24.12	A3-LK-24B	80,0	74,9	59,9				59,9	61,0	64,8	60,9	246,6	3,1
51.13	A3-LK-24.13	A3-LK-24B	80,0	74,9	59,9				59,9	61,0	64,8	60,9	246,6	3,1
51.14	A3-LK-24.14	A3-LK-24B	120,0	57,3	68,7				68,7	73,8	69,9	70,3	282,7	2,4
52	A3-LK-25		679,9	72,8	495,0	4	0,45	16,00	495,0	534,0	528,8	505,0	2.062,8	3,0
52.01	A3-LK-25.01	A3-LK-25	157,4	67,0	105,4				105,4	109,3	112,6	102,4	429,7	2,7
52.02	A3-LK-25.02	A3-LK-25	95,0	77,2	73,3				73,3	75,6	83,2	75,3	307,4	3,2
52.03	A3-LK-25.03	A3-LK-25	95,0	82,4	78,3				78,3	88,4	80,5	81,3	328,5	3,5
52.04	A3-LK-25.04	A3-LK-25	95,0	82,4	78,3				78,3	88,4	80,5	81,3	328,5	3,5
52.05	A3-LK-25.05	A3-LK-25	95,0	77,3	73,4				73,4	75,7	83,4	75,3	307,8	3,2
52.06	A3-LK-25.06	A3-LK-25	142,5	60,6	86,3				86,3	96,6	88,6	89,4	360,9	2,5
53	A3-LK-26		665,0	71,6	476,0	4	0,45	16,00	476,0	521,4	505,0	492,0	1.994,4	3,0
53.01	A3-LK-26.01	A3-LK-26	142,5	60,6	86,3				86,3	96,6	88,6	89,4	360,9	2,5
53.02	A3-LK-26.02	A3-LK-26	95,0	77,3	73,4				73,4	75,7	83,4	75,3	307,8	3,2
53.03	A3-LK-26.03	A3-LK-26	95,0	82,4	78,3				78,3	88,4	80,5	81,3	328,5	3,5
53.04	A3-LK-26.04	A3-LK-26	95,0	82,4	78,3				78,3	88,4	80,5	81,3	328,5	3,5
53.05	A3-LK-26.05	A3-LK-26	95,0	77,3	73,4				73,4	75,7	83,4	75,3	307,8	3,2
53.06	A3-LK-26.06	A3-LK-26	142,5	60,6	86,3				86,3	96,6	88,6	89,4	360,9	2,5
54	A3-LK-27		924,8	64,9	600,1	4	0,45	16,00	600,1	623,9	642,2	600,0	2.466,2	2,7
	A3-LK-27A		506,7	65,8	333,6				333,6	346,0	357,7	331,9	1.369,2	2,7
54.01	A3-LK-27.01	A3-LK-27A	146,7	62,4	91,5				91,5	95,4	99,6	85,1	371,6	2,5
54.02	A3-LK-27.02	A3-LK-27A	80,0	72,9	58,3				58,3	59,5	63,3	59,4	240,5	3,0

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
54.03	A3-LK-27.03	A3-LK-27A	80,0	72,9	58,3				58,3	59,5	63,3	59,4	240,5	3,0
54.04	A3-LK-27.04	A3-LK-27A	80,0	73,0	58,4				58,4	59,5	63,3	59,4	240,6	3,0
54.05	A3-LK-27.05	A3-LK-27A	120,0	55,9	67,1				67,1	72,1	68,2	68,6	276,0	2,3
	A3-LK-27B		418,1	63,7	266,5				266,5	277,9	284,5	268,1	1.097,0	2,6
54.06	A3-LK-27.06	A3-LK-27B	105,0	55,0	57,7				57,7	62,8	58,9	59,3	238,7	2,3
54.07	A3-LK-27.07	A3-LK-27B	70,0	72,9	51,0				51,0	51,0	54,8	50,9	207,7	3,0
54.08	A3-LK-27.08	A3-LK-27B	70,0	71,1	49,8				49,8	51,0	54,8	50,9	206,5	3,0
54.09	A3-LK-27.09	A3-LK-27B	70,0	71,1	49,8				49,8	51,0	54,8	50,9	206,5	3,0
54.10	A3-LK-27.10	A3-LK-27B	103,1	56,5	58,2				58,2	62,1	61,2	56,1	237,6	2,3
55	A3-LK-28		1.050,0	66,0	692,6	4	0,45	16,00	692,6	737,8	721,8	709,0	2.861,2	2,7
	A3-LK-28A		560,0	66,6	372,8				372,8	395,2	387,2	380,8	1.536,0	2,7
55.01	A3-LK-28.01	A3-LK-28A	120,0	55,9	67,1				67,1	72,1	68,2	68,6	276,0	2,3
55.02	A3-LK-28.02	A3-LK-28A	80,0	73,0	58,4				58,4	59,6	63,4	59,4	240,8	3,0
55.03	A3-LK-28.03	A3-LK-28A	80,0	76,1	60,9				60,9	65,9	62,0	62,4	251,2	3,1
55.04	A3-LK-28.04	A3-LK-28A	80,0	76,1	60,9				60,9	65,9	62,0	62,4	251,2	3,1
55.05	A3-LK-28.05	A3-LK-28A	80,0	73,0	58,4				58,4	59,6	63,4	59,4	240,8	3,0
55.06	A3-LK-28.06	A3-LK-28A	120,0	55,9	67,1				67,1	72,1	68,2	68,6	276,0	2,3
	A3-LK-28B		490,0	65,3	319,8				319,8	342,6	334,6	328,2	1.325,2	2,7
55.07	A3-LK-28.07	A3-LK-28B	105,0	55,0	57,7				57,7	62,8	58,9	59,3	238,7	2,3
55.08	A3-LK-28.08	A3-LK-28B	70,0	71,3	49,9				49,9	51,1	54,9	50,9	206,8	3,0
55.09	A3-LK-28.09	A3-LK-28B	70,0	74,7	52,3				52,3	57,4	53,5	53,9	217,1	3,1
55.10	A3-LK-28.10	A3-LK-28B	70,0	74,7	52,3				52,3	57,4	53,5	53,9	217,1	3,1
55.11	A3-LK-28.11	A3-LK-28B	70,0	71,3	49,9				49,9	51,1	54,9	50,9	206,8	3,0
55.12	A3-LK-28.12	A3-LK-28B	105,0	55,0	57,7				57,7	62,8	58,9	59,3	238,7	2,3
56	A3-LK-29		857,7	64,3	551,1	4	0,45	16,00	551,1	571,0	590,9	556,8	2.269,8	2,6

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
	A3-LK-29A		481,8	65,7	316,6				316,6	325,2	337,8	317,2	1.296,8	2,7
56.01	A3-LK-29.01	A3-LK-29A	121,8	56,2	68,4				68,4	68,4	73,5	64,2	274,5	2,3
56.02	A3-LK-29.02	A3-LK-29A	80,0	74,8	59,8				59,8	61,0	64,8	60,9	246,5	3,1
56.03	A3-LK-29.03	A3-LK-29A	80,0	74,8	59,8				59,8	61,0	64,8	60,9	246,5	3,1
56.04	A3-LK-29.04	A3-LK-29A	80,0	74,9	59,9				59,9	61,0	64,8	60,9	246,6	3,1
56.05	A3-LK-29.05	A3-LK-29A	120,0	57,3	68,7				68,7	73,8	69,9	70,3	282,7	2,4
	A3-LK-29B		375,9	62,4	234,5				234,5	245,8	253,1	239,6	973,0	2,6
56.06	A3-LK-29.06	A3-LK-29B	105,0	55,0	57,7				57,7	62,8	58,9	59,3	238,7	2,3
56.07	A3-LK-29.07	A3-LK-29B	70,0	72,9	51,0				51,0	51,0	54,8	50,9	207,7	3,0
56.08	A3-LK-29.08	A3-LK-29B	70,0	71,1	49,8				49,8	51,0	54,8	50,9	206,5	3,0
56.09	A3-LK-29.09	A3-LK-29B	130,9	58,1	76,0				76,0	81,0	84,6	78,5	320,1	2,4
57	A3-LK-30		1.050,0	66,8	701,8	4	0,45	16,00	701,8	747,2	731,2	718,4	2.898,6	2,8
	A3-LK-30A		560,0	68,2	382,0				382,0	404,6	396,6	390,2	1.573,4	2,8
57.01	A3-LK-30.01	A3-LK-30A	120,0	57,3	68,7				68,7	73,8	69,9	70,3	282,7	2,4
57.02	A3-LK-30.02	A3-LK-30A	80,0	74,9	59,9				59,9	61,1	64,9	60,9	246,8	3,1
57.03	A3-LK-30.03	A3-LK-30A	80,0	78,0	62,4				62,4	67,4	63,5	63,9	257,2	3,2
57.04	A3-LK-30.04	A3-LK-30A	80,0	78,0	62,4				62,4	67,4	63,5	63,9	257,2	3,2
57.05	A3-LK-30.05	A3-LK-30A	80,0	74,9	59,9				59,9	61,1	64,9	60,9	246,8	3,1
57.06	A3-LK-30.06	A3-LK-30A	120,0	57,3	68,7				68,7	73,8	69,9	70,3	282,7	2,4
	A3-LK-30B		490,0	65,3	319,8				319,8	342,6	334,6	328,2	1.325,2	2,7
57.07	A3-LK-30.07	A3-LK-30B	105,0	55,0	57,7				57,7	62,8	58,9	59,3	238,7	2,3
57.08	A3-LK-30.08	A3-LK-30B	70,0	71,3	49,9				49,9	51,1	54,9	50,9	206,8	3,0
57.09	A3-LK-30.09	A3-LK-30B	70,0	74,7	52,3				52,3	57,4	53,5	53,9	217,1	3,1
57.10	A3-LK-30.10	A3-LK-30B	70,0	74,7	52,3				52,3	57,4	53,5	53,9	217,1	3,1
57.11	A3-LK-30.11	A3-LK-30B	70,0	71,3	49,9				49,9	51,1	54,9	50,9	206,8	3,0

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
57.12	A3-LK-30.12	A3-LK-30B	105,0	55,0	57,7				57,7	62,8	58,9	59,3	238,7	2,3
58	A3-LK-31		818,3	63,9	523,1	4	0,45	16,00	523,1	543,4	554,9	524,9	2.146,3	2,6
	A3-LK-31A		410,5	63,6	261,2				261,2	270,2	276,2	260,8	1.068,4	2,6
58.01	A3-LK-31.01	A3-LK-31A	95,5	55,4	52,9				52,9	54,4	52,9	48,8	209,0	2,2
58.02	A3-LK-31.02	A3-LK-31A	70,0	71,1	49,8				49,8	51,0	54,8	50,9	206,5	3,0
58.03	A3-LK-31.03	A3-LK-31A	70,0	71,1	49,8				49,8	51,0	54,8	50,9	206,5	3,0
58.04	A3-LK-31.04	A3-LK-31A	70,0	72,9	51,0				51,0	51,0	54,8	50,9	207,7	3,0
58.05	A3-LK-31.05	A3-LK-31A	105,0	55,0	57,7				57,7	62,8	58,9	59,3	238,7	2,3
	A3-LK-31B		407,8	64,2	261,9				261,9	273,2	278,7	264,1	1.077,9	2,6
58.06	A3-LK-31.06	A3-LK-31B	120,0	57,3	68,7				68,7	73,8	69,9	70,3	282,7	2,4
58.07	A3-LK-31.07	A3-LK-31B	80,0	74,9	59,9				59,9	61,0	64,8	60,9	246,6	3,1
58.08	A3-LK-31.08	A3-LK-31B	80,0	74,8	59,8				59,8	61,0	64,8	60,9	246,5	3,1
58.09	A3-LK-31.09	A3-LK-31B	127,8	57,5	73,5				73,5	77,4	79,2	72,0	302,1	2,4
59	A3-LK-32		1.130,0	67,4	761,7	4	0,45	16,00	761,7	808,1	795,9	779,3	3.145,0	2,8
	A3-LK-32A		490,0	65,3	319,8				319,8	342,6	334,6	328,2	1.325,2	2,7
59.01	A3-LK-32.01	A3-LK-32A	105,0	55,0	57,7				57,7	62,8	58,9	59,3	238,7	2,3
59.02	A3-LK-32.02	A3-LK-32A	70,0	71,3	49,9				49,9	51,1	54,9	50,9	206,8	3,0
59.03	A3-LK-32.03	A3-LK-32A	70,0	74,7	52,3				52,3	57,4	53,5	53,9	217,1	3,1
59.04	A3-LK-32.04	A3-LK-32A	70,0	74,7	52,3				52,3	57,4	53,5	53,9	217,1	3,1
59.05	A3-LK-32.05	A3-LK-32A	70,0	71,3	49,9				49,9	51,1	54,9	50,9	206,8	3,0
59.06	A3-LK-32.06	A3-LK-32A	105,0	55,0	57,7				57,7	62,8	58,9	59,3	238,7	2,3
	A3-LK-32B		640,0	69,0	441,9				441,9	465,5	461,3	451,1	1.819,8	2,8
59.07	A3-LK-32.07	A3-LK-32B	120,0	57,3	68,7				68,7	73,8	69,9	70,3	282,7	2,4
59.08	A3-LK-32.08	A3-LK-32B	80,0	74,9	59,9				59,9	61,1	64,9	60,9	246,8	3,1
59.09	A3-LK-32.09	A3-LK-32B	80,0	78,0	62,4				62,4	67,4	63,5	63,9	257,2	3,2

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
59.10	A3-LK-32.10	A3-LK-32B	80,0	78,0	62,4				62,4	67,4	63,5	63,9	257,2	3,2
59.11	A3-LK-32.11	A3-LK-32B	80,0	74,9	59,9				59,9	61,0	64,8	60,9	246,6	3,1
59.12	A3-LK-32.12	A3-LK-32B	80,0	74,9	59,9				59,9	61,0	64,8	60,9	246,6	3,1
59.13	A3-LK-32.13	A3-LK-32B	120,0	57,3	68,7				68,7	73,8	69,9	70,3	282,7	2,4
60	A3-LK-33		853,5	64,4	550,0	4	0,45	16,00	550,0	568,8	587,5	554,0	2.260,3	2,6
	A3-LK-33A		491,1	66,2	325,0				325,0	333,6	347,9	328,0	1.334,5	2,7
60.01	A3-LK-33.01	A3-LK-33A	131,1	58,6	76,8				76,8	76,8	83,6	75,0	312,2	2,4
60.02	A3-LK-33.02	A3-LK-33A	80,0	74,8	59,8				59,8	61,0	64,8	60,9	246,5	3,1
60.03	A3-LK-33.03	A3-LK-33A	80,0	74,8	59,8				59,8	61,0	64,8	60,9	246,5	3,1
60.04	A3-LK-33.04	A3-LK-33A	80,0	74,9	59,9				59,9	61,0	64,8	60,9	246,6	3,1
60.05	A3-LK-33.05	A3-LK-33A	120,0	57,3	68,7				68,7	73,8	69,9	70,3	282,7	2,4
	A3-LK-33B		362,4	62,1	225,0				225,0	235,2	239,6	226,0	925,8	2,6
60.06	A3-LK-33.06	A3-LK-33B	105,0	55,0	57,7				57,7	62,8	58,9	59,3	238,7	2,3
60.07	A3-LK-33.07	A3-LK-33B	70,0	72,9	51,0				51,0	51,0	54,8	50,9	207,7	3,0
60.08	A3-LK-33.08	A3-LK-33B	70,0	71,1	49,8				49,8	51,0	54,8	50,9	206,5	3,0
60.09	A3-LK-33.09	A3-LK-33B	117,4	56,6	66,5				66,5	70,4	71,1	64,9	272,9	2,3
61	A3-LK-34		1.120,0	67,3	753,9	4	0,45	16,00	753,9	798,1	785,9	769,3	3.107,2	2,8
	A3-LK-34A		560,0	68,2	382,0				382,0	404,6	396,6	390,2	1.573,4	2,8
61.01	A3-LK-34.01	A3-LK-34A	120,0	57,3	68,7				68,7	73,8	69,9	70,3	282,7	2,4
61.02	A3-LK-34.02	A3-LK-34A	80,0	74,9	59,9				59,9	61,1	64,9	60,9	246,8	3,1
61.03	A3-LK-34.03	A3-LK-34A	80,0	78,0	62,4				62,4	67,4	63,5	63,9	257,2	3,2
61.04	A3-LK-34.04	A3-LK-34A	80,0	78,0	62,4				62,4	67,4	63,5	63,9	257,2	3,2
61.05	A3-LK-34.05	A3-LK-34A	80,0	74,9	59,9				59,9	61,1	64,9	60,9	246,8	3,1
61.06	A3-LK-34.06	A3-LK-34A	120,0	57,3	68,7				68,7	73,8	69,9	70,3	282,7	2,4
	A3-LK-34B		560,0	66,4	371,9				371,9	393,5	389,3	379,1	1.533,8	2,7

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
61.07	A3-LK-34.07	A3-LK-34B	105,0	55,0	57,7				57,7	62,8	58,9	59,3	238,7	2,3
61.08	A3-LK-34.08	A3-LK-34B	70,0	71,3	49,9				49,9	51,1	54,9	50,9	206,8	3,0
61.09	A3-LK-34.09	A3-LK-34B	70,0	74,7	52,3				52,3	57,4	53,5	53,9	217,1	3,1
61.10	A3-LK-34.10	A3-LK-34B	70,0	74,7	52,3				52,3	57,4	53,5	53,9	217,1	3,1
61.11	A3-LK-34.11	A3-LK-34B	70,0	72,9	51,0				51,0	51,0	54,8	50,9	207,7	3,0
61.12	A3-LK-34.12	A3-LK-34B	70,0	72,9	51,0				51,0	51,0	54,8	50,9	207,7	3,0
61.13	A3-LK-34.13	A3-LK-34B	105,0	55,0	57,7				57,7	62,8	58,9	59,3	238,7	2,3
62	A3-LK-35		908,0	64,4	585,0	4	0,45	16,00	585,0	609,0	626,2	594,6	2.414,8	2,7
	A3-LK-35A		454,3	64,4	292,7				292,7	304,2	313,7	297,0	1.207,6	2,7
62.01	A3-LK-35.01	A3-LK-35A	139,3	60,6	84,4				84,4	88,4	90,4	85,0	348,2	2,5
62.02	A3-LK-35.02	A3-LK-35A	70,0	71,1	49,8				49,8	51,0	54,8	50,9	206,5	3,0
62.03	A3-LK-35.03	A3-LK-35A	70,0	71,1	49,8				49,8	51,0	54,8	50,9	206,5	3,0
62.04	A3-LK-35.04	A3-LK-35A	70,0	72,9	51,0				51,0	51,0	54,8	50,9	207,7	3,0
62.05	A3-LK-35.05	A3-LK-35A	105,0	55,0	57,7				57,7	62,8	58,9	59,3	238,7	2,3
	A3-LK-35B		453,7	64,4	292,3				292,3	304,8	312,5	297,6	1.207,2	2,7
62.06	A3-LK-35.06	A3-LK-35B	120,0	57,3	68,7				68,7	73,8	69,9	70,3	282,7	2,4
62.07	A3-LK-35.07	A3-LK-35B	80,0	74,9	59,9				59,9	61,0	64,8	60,9	246,6	3,1
62.08	A3-LK-35.08	A3-LK-35B	80,0	74,8	59,8				59,8	61,0	64,8	60,9	246,5	3,1
62.09	A3-LK-35.09	A3-LK-35B	173,7	59,8	103,9				103,9	109,0	113,0	105,5	431,4	2,5
63	A3-LK-36		1.210,0	67,9	821,6	4	0,45	16,00	821,6	869,0	860,6	840,2	3.391,4	2,8
	A3-LK-36A		490,0	65,3	319,8				319,8	342,6	334,6	328,2	1.325,2	2,7
63.01	A3-LK-36.01	A3-LK-36A	105,0	55,0	57,7				57,7	62,8	58,9	59,3	238,7	2,3
63.02	A3-LK-36.02	A3-LK-36A	70,0	71,3	49,9				49,9	51,1	54,9	50,9	206,8	3,0
63.03	A3-LK-36.03	A3-LK-36A	70,0	74,7	52,3				52,3	57,4	53,5	53,9	217,1	3,1
63.04	A3-LK-36.04	A3-LK-36A	70,0	74,7	52,3				52,3	57,4	53,5	53,9	217,1	3,1

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
63.05	A3-LK-36.05	A3-LK-36A	70,0	71,3	49,9				49,9	51,1	54,9	50,9	206,8	3,0
63.06	A3-LK-36.06	A3-LK-36A	105,0	55,0	57,7				57,7	62,8	58,9	59,3	238,7	2,3
	A3-LK-36B		720,0	69,7	501,8				501,8	526,4	526,0	512,0	2.066,2	2,9
63.07	A3-LK-36.07	A3-LK-36B	120,0	57,3	68,7				68,7	73,8	69,9	70,3	282,7	2,4
63.08	A3-LK-36.08	A3-LK-36B	80,0	74,9	59,9				59,9	61,0	64,8	60,9	246,6	3,1
63.09	A3-LK-36.09	A3-LK-36B	80,0	74,9	59,9				59,9	61,0	64,8	60,9	246,6	3,1
63.10	A3-LK-36.10	A3-LK-36B	80,0	78,0	62,4				62,4	67,4	63,5	63,9	257,2	3,2
63.11	A3-LK-36.11	A3-LK-36B	80,0	78,0	62,4				62,4	67,4	63,5	63,9	257,2	3,2
63.12	A3-LK-36.12	A3-LK-36B	80,0	74,9	59,9				59,9	61,0	64,8	60,9	246,6	3,1
63.13	A3-LK-36.13	A3-LK-36B	80,0	74,9	59,9				59,9	61,0	64,8	60,9	246,6	3,1
63.14	A3-LK-36.14	A3-LK-36B	120,0	57,3	68,7				68,7	73,8	69,9	70,3	282,7	2,4
64	A3-LK-37		1.170,7	67,4	788,7	4	0,45	16,00	788,7	831,6	832,9	801,7	3.254,9	2,8
	A3-LK-37A		662,0	69,0	456,7				456,7	478,1	482,6	462,9	1.880,3	2,8
64.01	A3-LK-37.01	A3-LK-37A	142,0	58,8	83,5				83,5	86,5	91,3	82,1	343,4	2,4
64.02	A3-LK-37.02	A3-LK-37A	80,0	74,9	59,9				59,9	61,0	64,8	60,9	246,6	3,1
64.03	A3-LK-37.03	A3-LK-37A	80,0	78,0	62,4				62,4	67,4	63,5	63,9	257,2	3,2
64.04	A3-LK-37.04	A3-LK-37A	80,0	78,0	62,4				62,4	67,4	63,5	63,9	257,2	3,2
64.05	A3-LK-37.05	A3-LK-37A	80,0	74,9	59,9				59,9	61,0	64,8	60,9	246,6	3,1
64.06	A3-LK-37.06	A3-LK-37A	80,0	74,9	59,9				59,9	61,0	64,8	60,9	246,6	3,1
64.07	A3-LK-37.07	A3-LK-37A	120,0	57,3	68,7				68,7	73,8	69,9	70,3	282,7	2,4
	A3-LK-37B		508,7	65,3	332,0				332,0	353,5	350,3	338,8	1.374,6	2,7
64.08	A3-LK-37.08	A3-LK-37B	105,0	55,0	57,7				57,7	62,8	58,9	59,3	238,7	2,3
64.09	A3-LK-37.09	A3-LK-37B	70,0	71,3	49,9				49,9	51,1	54,9	50,9	206,8	3,0
64.10	A3-LK-37.10	A3-LK-37B	70,0	74,7	52,3				52,3	57,4	53,5	53,9	217,1	3,1
64.11	A3-LK-37.11	A3-LK-37B	70,0	74,7	52,3				52,3	57,4	53,5	53,9	217,1	3,1

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
64.12	A3-LK-37.12	A3-LK-37B	70,0	72,9	51,0				51,0	51,0	54,8	50,9	207,7	3,0
64.13	A3-LK-37.13	A3-LK-37B	123,7	55,6	68,8				68,8	73,8	74,7	69,9	287,2	2,3
65	A3-LK-38		1.270,0	68,2	865,9	4	0,45	16,00	865,9	909,9	905,3	881,1	3.562,2	2,8
	A3-LK-38A		640,0	69,0	441,9				441,9	465,5	461,3	451,1	1.819,8	2,8
65.01	A3-LK-38.01	A3-LK-38A	120,0	57,3	68,7				68,7	73,8	69,9	70,3	282,7	2,4
65.02	A3-LK-38.02	A3-LK-38A	80,0	74,9	59,9				59,9	61,0	64,8	60,9	246,6	3,1
65.03	A3-LK-38.03	A3-LK-38A	80,0	74,9	59,9				59,9	61,0	64,8	60,9	246,6	3,1
65.04	A3-LK-38.04	A3-LK-38A	80,0	78,0	62,4				62,4	67,4	63,5	63,9	257,2	3,2
65.05	A3-LK-38.05	A3-LK-38A	80,0	78,0	62,4				62,4	67,4	63,5	63,9	257,2	3,2
65.06	A3-LK-38.06	A3-LK-38A	80,0	74,9	59,9				59,9	61,1	64,9	60,9	246,8	3,1
65.07	A3-LK-38.07	A3-LK-38A	120,0	57,3	68,7				68,7	73,8	69,9	70,3	282,7	2,4
	A3-LK-38B		630,0	67,3	424,0				424,0	444,4	444,0	430,0	1.742,4	2,8
65.08	A3-LK-38.08	A3-LK-38B	105,0	55,0	57,7				57,7	62,8	58,9	59,3	238,7	2,3
65.09	A3-LK-38.09	A3-LK-38B	70,0	72,9	51,0				51,0	51,0	54,8	50,9	207,7	3,0
65.10	A3-LK-38.10	A3-LK-38B	70,0	72,9	51,0				51,0	51,0	54,8	50,9	207,7	3,0
65.11	A3-LK-38.11	A3-LK-38B	70,0	74,7	52,3				52,3	57,4	53,5	53,9	217,1	3,1
65.12	A3-LK-38.12	A3-LK-38B	70,0	74,7	52,3				52,3	57,4	53,5	53,9	217,1	3,1
65.13	A3-LK-38.13	A3-LK-38B	70,0	72,9	51,0				51,0	51,0	54,8	50,9	207,7	3,0
65.14	A3-LK-38.14	A3-LK-38B	70,0	72,9	51,0				51,0	51,0	54,8	50,9	207,7	3,0
65.15	A3-LK-38.15	A3-LK-38B	105,0	55,0	57,7				57,7	62,8	58,9	59,3	238,7	2,3
66	A3-LK-39		1.401,6	68,8	964,4	4	0,45	16,00	964,4	1.007,4	1.017,6	977,9	3.967,3	2,8
	A3-LK-39A		679,9	67,8	460,8				460,8	480,3	485,8	466,6	1.893,5	2,8
66.01	A3-LK-39.01	A3-LK-39A	84,9	54,1	45,9				45,9	47,7	45,9	45,0	184,5	2,2
66.02	A3-LK-39.02	A3-LK-39A	70,0	71,1	49,8				49,8	51,0	54,8	50,9	206,5	3,0
66.03	A3-LK-39.03	A3-LK-39A	70,0	71,1	49,8				49,8	51,0	54,8	50,9	206,5	3,0

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
66.04	A3-LK-39.04	A3-LK-39A	70,0	72,9	51,0				51,0	51,0	54,8	50,9	207,7	3,0
66.05	A3-LK-39.05	A3-LK-39A	70,0	74,7	52,3				52,3	57,4	53,5	53,9	217,1	3,1
66.06	A3-LK-39.06	A3-LK-39A	70,0	74,7	52,3				52,3	57,4	53,5	53,9	217,1	3,1
66.07	A3-LK-39.07	A3-LK-39A	70,0	72,9	51,0				51,0	51,0	54,8	50,9	207,7	3,0
66.08	A3-LK-39.08	A3-LK-39A	70,0	72,9	51,0				51,0	51,0	54,8	50,9	207,7	3,0
66.09	A3-LK-39.09	A3-LK-39A	105,0	55,0	57,7				57,7	62,8	58,9	59,3	238,7	2,3
	A3-LK-39B		721,7	69,8	503,6				503,6	527,1	531,8	511,3	2.073,8	2,9
66.10	A3-LK-39.10	A3-LK-39B	120,0	57,3	68,7				68,7	73,8	69,9	70,3	282,7	2,4
66.11	A3-LK-39.11	A3-LK-39B	80,0	74,9	59,9				59,9	61,0	64,8	60,9	246,6	3,1
66.12	A3-LK-39.12	A3-LK-39B	80,0	74,9	59,9				59,9	61,0	64,8	60,9	246,6	3,1
66.13	A3-LK-39.13	A3-LK-39B	80,0	78,0	62,4				62,4	67,4	63,5	63,9	257,2	3,2
66.14	A3-LK-39.14	A3-LK-39B	80,0	78,0	62,4				62,4	67,4	63,5	63,9	257,2	3,2
66.15	A3-LK-39.15	A3-LK-39B	80,0	74,9	59,9				59,9	61,0	64,8	60,9	246,6	3,1
66.16	A3-LK-39.16	A3-LK-39B	80,0	74,8	59,8				59,8	61,0	64,8	60,9	246,5	3,1
66.17	A3-LK-39.17	A3-LK-39B	121,7	58,0	70,6				70,6	74,5	75,7	69,6	290,4	2,4
67	A3-LK-40		1.430,0	68,9	985,6	4	0,45	16,00	985,6	1.031,8	1.034,8	1.002,9	4.055,1	2,8
	A3-LK-40A		630,0	67,3	424,0				424,0	444,4	444,0	430,0	1.742,4	2,8
67.01	A3-LK-40.01	A3-LK-40A	105,0	55,0	57,7				57,7	62,8	58,9	59,3	238,7	2,3
67.02	A3-LK-40.02	A3-LK-40A	70,0	72,9	51,0				51,0	51,0	54,8	50,9	207,7	3,0
67.03	A3-LK-40.03	A3-LK-40A	70,0	72,9	51,0				51,0	51,0	54,8	50,9	207,7	3,0
67.04	A3-LK-40.04	A3-LK-40A	70,0	74,7	52,3				52,3	57,4	53,5	53,9	217,1	3,1
67.05	A3-LK-40.05	A3-LK-40A	70,0	74,7	52,3				52,3	57,4	53,5	53,9	217,1	3,1
67.06	A3-LK-40.06	A3-LK-40A	70,0	72,9	51,0				51,0	51,0	54,8	50,9	207,7	3,0
67.07	A3-LK-40.07	A3-LK-40A	70,0	72,9	51,0				51,0	51,0	54,8	50,9	207,7	3,0
67.08	A3-LK-40.08	A3-LK-40A	105,0	55,0	57,7				57,7	62,8	58,9	59,3	238,7	2,3

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
	A3-LK-40B		800,0	70,2	561,6				561,6	587,4	590,8	572,9	2.312,7	2,9
67.09	A3-LK-40.09	A3-LK-40B	120,0	57,3	68,7				68,7	73,8	69,9	70,3	282,7	2,4
67.10	A3-LK-40.10	A3-LK-40B	80,0	74,9	59,9				59,9	61,0	64,8	60,9	246,6	3,1
67.11	A3-LK-40.11	A3-LK-40B	80,0	74,9	59,9				59,9	61,0	64,8	60,9	246,6	3,1
67.12	A3-LK-40.12	A3-LK-40B	80,0	78,0	62,4				62,4	67,4	63,5	63,9	257,2	3,2
67.13	A3-LK-40.13	A3-LK-40B	80,0	78,0	62,4				62,4	67,4	63,5	63,9	257,2	3,2
67.14	A3-LK-40.14	A3-LK-40B	80,0	74,9	59,9				59,9	61,0	64,8	60,9	246,6	3,1
67.15	A3-LK-40.15	A3-LK-40B	80,0	74,8	59,8				59,8	61,0	64,8	60,9	246,5	3,1
67.16	A3-LK-40.16	A3-LK-40B	80,0	74,9	59,9				59,9	61,0	64,8	60,9	246,6	3,1
67.17	A3-LK-40.17	A3-LK-40B	120,0	57,3	68,7				68,7	73,8	69,9	70,3	282,7	2,4
68	A3-LK-41		1.722,4	70,2	1.209,9	4	0,45	16,00	1.209,9	1.273,7	1.268,4	1.229,4	4.981,4	2,9
	A3-LK-41A		936,3	71,6	670,4				670,4	702,3	700,5	681,5	2.754,7	2,9
68.01	A3-LK-41.01	A3-LK-41A	96,3	54,6	52,6				52,6	53,9	52,6	51,1	210,2	2,2
68.02	A3-LK-41.02	A3-LK-41A	80,0	74,9	59,9				59,9	61,0	64,8	60,9	246,6	3,1
68.03	A3-LK-41.03	A3-LK-41A	80,0	78,0	62,4				62,4	67,4	63,5	63,9	257,2	3,2
68.04	A3-LK-41.04	A3-LK-41A	80,0	78,0	62,4				62,4	67,4	63,5	63,9	257,2	3,2
68.05	A3-LK-41.05	A3-LK-41A	80,0	74,9	59,9				59,9	61,0	64,8	60,9	246,6	3,1
68.06	A3-LK-41.06	A3-LK-41A	80,0	74,9	59,9				59,9	61,0	64,8	60,9	246,6	3,1
68.07	A3-LK-41.07	A3-LK-41A	80,0	78,0	62,4				62,4	67,4	63,5	63,9	257,2	3,2
68.08	A3-LK-41.08	A3-LK-41A	80,0	78,0	62,4				62,4	67,4	63,5	63,9	257,2	3,2
68.09	A3-LK-41.09	A3-LK-41A	80,0	74,9	59,9				59,9	61,0	64,8	60,9	246,6	3,1
68.10	A3-LK-41.10	A3-LK-41A	80,0	74,9	59,9				59,9	61,0	64,8	60,9	246,6	3,1
68.11	A3-LK-41.11	A3-LK-41A	120,0	57,3	68,7				68,7	73,8	69,9	70,3	282,7	2,4
	A3-LK-41B		786,1	68,6	539,5				539,5	571,4	567,9	547,9	2.226,7	2,8
68.12	A3-LK-41.12	A3-LK-41B	105,0	55,0	57,7				57,7	62,8	58,9	59,3	238,7	2,3

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
68.13	A3-LK-41.13	A3-LK-41B	70,0	71,3	49,9				49,9	51,1	54,9	50,9	206,8	3,0
68.14	A3-LK-41.14	A3-LK-41B	70,0	74,7	52,3				52,3	57,4	53,5	53,9	217,1	3,1
68.15	A3-LK-41.15	A3-LK-41B	70,0	74,7	52,3				52,3	57,4	53,5	53,9	217,1	3,1
68.16	A3-LK-41.16	A3-LK-41B	70,0	72,9	51,0				51,0	51,0	54,8	50,9	207,7	3,0
68.17	A3-LK-41.17	A3-LK-41B	70,0	72,9	51,0				51,0	51,0	54,8	50,9	207,7	3,0
68.18	A3-LK-41.18	A3-LK-41B	70,0	74,7	52,3				52,3	57,4	53,5	53,9	217,1	3,1
68.19	A3-LK-41.19	A3-LK-41B	70,0	74,7	52,3				52,3	57,4	53,5	53,9	217,1	3,1
68.20	A3-LK-41.20	A3-LK-41B	70,0	71,3	49,9				49,9	51,1	54,9	50,9	206,8	3,0
68.21	A3-LK-41.21	A3-LK-41B	121,1	58,5	70,8				70,8	74,8	75,6	69,4	290,6	2,4
69	A3-LK-42		1.640,0	69,5	1.140,1	4	0,45	16,00	1.140,1	1.197,7	1.196,7	1.161,6	4.696,1	2,9
	A3-LK-42A		800,0	70,2	561,6				561,6	587,4	590,8	572,9	2.312,7	2,9
69.01	A3-LK-42.01	A3-LK-42A	120,0	57,3	68,7				68,7	73,8	69,9	70,3	282,7	2,4
69.02	A3-LK-42.02	A3-LK-42A	80,0	74,9	59,9				59,9	61,0	64,8	60,9	246,6	3,1
69.03	A3-LK-42.03	A3-LK-42A	80,0	74,8	59,8				59,8	61,0	64,8	60,9	246,5	3,1
69.04	A3-LK-42.04	A3-LK-42A	80,0	74,9	59,9				59,9	61,0	64,8	60,9	246,6	3,1
69.05	A3-LK-42.05	A3-LK-42A	80,0	78,0	62,4				62,4	67,4	63,5	63,9	257,2	3,2
69.06	A3-LK-42.06	A3-LK-42A	80,0	78,0	62,4				62,4	67,4	63,5	63,9	257,2	3,2
69.07	A3-LK-42.07	A3-LK-42A	80,0	74,9	59,9				59,9	61,0	64,8	60,9	246,6	3,1
69.08	A3-LK-42.08	A3-LK-42A	80,0	74,9	59,9				59,9	61,0	64,8	60,9	246,6	3,1
69.09	A3-LK-42.09	A3-LK-42A	120,0	57,3	68,7				68,7	73,8	69,9	70,3	282,7	2,4
	A3-LK-42B		840,0	68,9	578,5				578,5	610,3	605,9	588,7	2.383,4	2,8
69.10	A3-LK-42.10	A3-LK-42B	105,0	55,0	57,7				57,7	62,8	58,9	59,3	238,7	2,3
69.11	A3-LK-42.11	A3-LK-42B	70,0	72,9	51,0				51,0	51,0	54,8	50,9	207,7	3,0
69.12	A3-LK-42.12	A3-LK-42B	70,0	72,9	51,0				51,0	51,0	54,8	50,9	207,7	3,0
69.13	A3-LK-42.13	A3-LK-42B	70,0	74,7	52,3				52,3	57,4	53,5	53,9	217,1	3,1

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
69.14	A3-LK-42.14	A3-LK-42B	70,0	74,7	52,3				52,3	57,4	53,5	53,9	217,1	3,1
69.15	A3-LK-42.15	A3-LK-42B	70,0	72,9	51,0				51,0	51,0	54,8	50,9	207,7	3,0
69.16	A3-LK-42.16	A3-LK-42B	70,0	72,9	51,0				51,0	51,0	54,8	50,9	207,7	3,0
69.17	A3-LK-42.17	A3-LK-42B	70,0	74,7	52,3				52,3	57,4	53,5	53,9	217,1	3,1
69.18	A3-LK-42.18	A3-LK-42B	70,0	74,7	52,3				52,3	57,4	53,5	53,9	217,1	3,1
69.19	A3-LK-42.19	A3-LK-42B	70,0	71,3	49,9				49,9	51,1	54,9	50,9	206,8	3,0
69.20	A3-LK-42.20	A3-LK-42B	105,0	55,0	57,7				57,7	62,8	58,9	59,3	238,7	2,3
70	A3-LK-43		825,7	64,4	531,5	4	0,45	16,00	531,5	552,4	563,8	539,7	2.187,4	2,6
	A3-LK-43A		396,0	62,5	247,4				247,4	255,8	262,2	249,5	1.014,9	2,6
70.01	A3-LK-43.01	A3-LK-43A	81,0	48,3	39,1				39,1	40,0	38,9	37,5	155,5	1,9
70.02	A3-LK-43.02	A3-LK-43A	70,0	71,1	49,8				49,8	51,0	54,8	50,9	206,5	3,0
70.03	A3-LK-43.03	A3-LK-43A	70,0	71,1	49,8				49,8	51,0	54,8	50,9	206,5	3,0
70.04	A3-LK-43.04	A3-LK-43A	70,0	72,9	51,0				51,0	51,0	54,8	50,9	207,7	3,0
70.05	A3-LK-43.05	A3-LK-43A	105,0	55,0	57,7				57,7	62,8	58,9	59,3	238,7	2,3
	A3-LK-43B		429,7	66,1	284,1				284,1	296,6	301,6	290,2	1.172,5	2,7
70.06	A3-LK-43.06	A3-LK-43B	120,0	57,3	68,7				68,7	73,8	69,9	70,3	282,7	2,4
70.07	A3-LK-43.07	A3-LK-43B	80,0	74,9	59,9				59,9	61,0	64,8	60,9	246,6	3,1
70.08	A3-LK-43.08	A3-LK-43B	80,0	74,8	59,8				59,8	61,0	64,8	60,9	246,5	3,1
70.09	A3-LK-43.09	A3-LK-43B	149,7	63,9	95,7				95,7	100,8	102,1	98,1	396,7	2,6
71	A3-LK-44		1.500,0	68,1	1.021,7	4	0,45	16,00	1.021,7	1.068,9	1.075,7	1.039,9	4.206,2	2,8
	A3-LK-44A		700,0	67,7	473,8				473,8	495,4	498,8	480,9	1.948,9	2,8
71.01	A3-LK-44.01	A3-LK-44A	105,0	55,0	57,7				57,7	62,8	58,9	59,3	238,7	2,3
71.02	A3-LK-44.02	A3-LK-44A	70,0	72,9	51,0				51,0	51,0	54,8	50,9	207,7	3,0
71.03	A3-LK-44.03	A3-LK-44A	70,0	71,1	49,8				49,8	51,0	54,8	50,9	206,5	3,0
71.04	A3-LK-44.04	A3-LK-44A	70,0	72,9	51,0				51,0	51,0	54,8	50,9	207,7	3,0

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
71.05	A3-LK-44.05	A3-LK-44A	70,0	74,7	52,3				52,3	57,4	53,5	53,9	217,1	3,1
71.06	A3-LK-44.06	A3-LK-44A	70,0	74,7	52,3				52,3	57,4	53,5	53,9	217,1	3,1
71.07	A3-LK-44.07	A3-LK-44A	70,0	72,9	51,0				51,0	51,0	54,8	50,9	207,7	3,0
71.08	A3-LK-44.08	A3-LK-44A	70,0	72,9	51,0				51,0	51,0	54,8	50,9	207,7	3,0
71.09	A3-LK-44.09	A3-LK-44A	105,0	55,0	57,7				57,7	62,8	58,9	59,3	238,7	2,3
	A3-LK-44B		800,0	68,5	547,9				547,9	573,5	576,9	559,0	2.257,3	2,8
71.10	A3-LK-44.10	A3-LK-44B	120,0	55,9	67,1				67,1	72,1	68,2	68,6	276,0	2,3
71.11	A3-LK-44.11	A3-LK-44B	80,0	73,0	58,4				58,4	59,5	63,3	59,4	240,6	3,0
71.12	A3-LK-44.12	A3-LK-44B	80,0	73,0	58,4				58,4	59,5	63,3	59,4	240,6	3,0
71.13	A3-LK-44.13	A3-LK-44B	80,0	76,1	60,9				60,9	65,9	62,0	62,4	251,2	3,1
71.14	A3-LK-44.14	A3-LK-44B	80,0	76,1	60,9				60,9	65,9	62,0	62,4	251,2	3,1
71.15	A3-LK-44.15	A3-LK-44B	80,0	73,0	58,4				58,4	59,5	63,3	59,4	240,6	3,0
71.16	A3-LK-44.16	A3-LK-44B	80,0	72,9	58,3				58,3	59,5	63,3	59,4	240,5	3,0
71.17	A3-LK-44.17	A3-LK-44B	80,0	73,0	58,4				58,4	59,5	63,3	59,4	240,6	3,0
71.18	A3-LK-44.18	A3-LK-44B	120,0	55,9	67,1				67,1	72,1	68,2	68,6	276,0	2,3
72	A3-LK-45		1.580,0	68,7	1.085,2	4	0,45	16,00	1.085,2	1.141,4	1.136,6	1.105,3	4.468,5	2,8
	A3-LK-45A		700,0	67,7	473,8				473,8	495,4	498,8	480,9	1.948,9	2,8
72.01	A3-LK-45.01	A3-LK-45A	105,0	55,0	57,7				57,7	62,8	58,9	59,3	238,7	2,3
72.02	A3-LK-45.02	A3-LK-45A	70,0	72,9	51,0				51,0	51,0	54,8	50,9	207,7	3,0
72.03	A3-LK-45.03	A3-LK-45A	70,0	72,9	51,0				51,0	51,0	54,8	50,9	207,7	3,0
72.04	A3-LK-45.04	A3-LK-45A	70,0	74,7	52,3				52,3	57,4	53,5	53,9	217,1	3,1
72.05	A3-LK-45.05	A3-LK-45A	70,0	74,7	52,3				52,3	57,4	53,5	53,9	217,1	3,1
72.06	A3-LK-45.06	A3-LK-45A	70,0	72,9	51,0				51,0	51,0	54,8	50,9	207,7	3,0
72.07	A3-LK-45.07	A3-LK-45A	70,0	71,1	49,8				49,8	51,0	54,8	50,9	206,5	3,0
72.08	A3-LK-45.08	A3-LK-45A	70,0	72,9	51,0				51,0	51,0	54,8	50,9	207,7	3,0

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
72.09	A3-LK-45.09	A3-LK-45A	105,0	55,0	57,7				57,7	62,8	58,9	59,3	238,7	2,3
	A3-LK-45B		880,0	69,5	611,4				611,4	646,0	637,8	624,4	2.519,6	2,9
72.10	A3-LK-45.10	A3-LK-45B	120,0	55,9	67,1				67,1	72,1	68,2	68,6	276,0	2,3
72.11	A3-LK-45.11	A3-LK-45B	80,0	73,0	58,4				58,4	59,6	63,4	59,4	240,8	3,0
72.12	A3-LK-45.12	A3-LK-45B	80,0	76,1	60,9				60,9	65,9	62,0	62,4	251,2	3,1
72.13	A3-LK-45.13	A3-LK-45B	80,0	76,1	60,9				60,9	65,9	62,0	62,4	251,2	3,1
72.14	A3-LK-45.14	A3-LK-45B	80,0	73,0	58,4				58,4	59,5	63,3	59,4	240,6	3,0
72.15	A3-LK-45.15	A3-LK-45B	80,0	73,0	58,4				58,4	59,5	63,3	59,4	240,6	3,0
72.16	A3-LK-45.16	A3-LK-45B	80,0	76,1	60,9				60,9	65,9	62,0	62,4	251,2	3,1
72.17	A3-LK-45.17	A3-LK-45B	80,0	76,1	60,9				60,9	65,9	62,0	62,4	251,2	3,1
72.18	A3-LK-45.18	A3-LK-45B	80,0	73,0	58,4				58,4	59,6	63,4	59,4	240,8	3,0
72.19	A3-LK-45.19	A3-LK-45B	120,0	55,9	67,1				67,1	72,1	68,2	68,6	276,0	2,3
73	A3-LK-46		1.265,2	68,4	865,4	4	0,45	16,00	865,4	889,9	883,3	778,1	3.416,7	2,7
	A3-LK-46B		626,4	68,1	426,3				426,3	439,7	437,0	376,7	1.679,7	2,7
73.01	A3-LK-46.01	A3-LK-46B	101,4	54,7	55,5				55,5	58,9	58,9	40,5	213,8	2,1
73.02	A3-LK-46.02	A3-LK-46B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	53,7	48,5	208,4	3,0
73.03	A3-LK-46.03	A3-LK-46B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	55,8	45,6	207,6	3,0
73.04	A3-LK-46.04	A3-LK-46B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	55,8	45,6	207,6	3,0
73.05	A3-LK-46.05	A3-LK-46B	70,0	74,6	52,2				52,2	52,7	49,1	48,8	202,8	2,9
73.06	A3-LK-46.06	A3-LK-46B	70,0	74,6	52,2				52,2	52,7	49,1	48,8	202,8	2,9
73.07	A3-LK-46.07	A3-LK-46B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	55,2	45,6	207,0	3,0
73.08	A3-LK-46.08	A3-LK-46B	105,0	54,9	57,6				57,6	59,4	59,4	53,3	229,7	2,2
	A3-LK-46A		638,8	68,7	439,1				439,1	450,2	446,3	401,4	1.737,0	2,7
73.09	A3-LK-46.09	A3-LK-46A	120,0	57,2	68,6				68,6	70,4	70,4	64,3	273,7	2,3
73.10	A3-LK-46.10	A3-LK-46A	80,0	77,8	62,2				62,2	62,7	59,1	58,9	242,9	3,0

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
73.11	A3-LK-46.11	A3-LK-46A	80,0	77,8	62,2				62,2	62,7	59,1	58,9	242,9	3,0
73.12	A3-LK-46.12	A3-LK-46A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	65,8	55,6	247,6	3,1
73.13	A3-LK-46.13	A3-LK-46A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	65,8	55,6	247,6	3,1
73.14	A3-LK-46.14	A3-LK-46A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	63,7	58,5	248,4	3,1
73.15	A3-LK-46.15	A3-LK-46A	118,8	50,1	59,5				59,5	62,4	62,4	49,6	233,9	2,0
74	A3-LK-47		1.394,8	69,9	974,4	4	0,45	16,00	974,4	1.001,6	996,2	878,0	3.850,2	2,8
	A3-LK-47B		642,1	68,2	438,1				438,1	451,1	448,4	391,1	1.728,7	2,7
74.01	A3-LK-47.01	A3-LK-47B	105,0	54,9	57,6				57,6	59,4	59,4	53,3	229,7	2,2
74.02	A3-LK-47.02	A3-LK-47B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	55,2	45,6	207,0	3,0
74.03	A3-LK-47.03	A3-LK-47B	70,0	74,6	52,2				52,2	52,7	49,1	48,8	202,8	2,9
74.04	A3-LK-47.04	A3-LK-47B	70,0	74,6	52,2				52,2	52,7	49,1	48,8	202,8	2,9
74.05	A3-LK-47.05	A3-LK-47B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	55,8	45,6	207,6	3,0
74.06	A3-LK-47.06	A3-LK-47B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	55,8	45,6	207,6	3,0
74.07	A3-LK-47.07	A3-LK-47B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	53,7	48,5	208,4	3,0
74.08	A3-LK-47.08	A3-LK-47B	117,1	57,5	67,3				67,3	70,3	70,3	54,9	262,8	2,2
	A3-LK-47A		752,7	71,3	536,3				536,3	550,5	547,8	486,9	2.121,5	2,8
74.09	A3-LK-47.09	A3-LK-47A	152,7	61,9	94,5				94,5	98,7	98,7	79,5	371,4	2,4
74.10	A3-LK-47.10	A3-LK-47A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	63,7	58,5	248,4	3,1
74.11	A3-LK-47.11	A3-LK-47A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	65,8	55,6	247,6	3,1
74.12	A3-LK-47.12	A3-LK-47A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	65,8	55,6	247,6	3,1
74.13	A3-LK-47.13	A3-LK-47A	80,0	77,8	62,2				62,2	62,7	59,1	58,9	242,9	3,0
74.14	A3-LK-47.14	A3-LK-47A	80,0	77,8	62,2				62,2	62,7	59,1	58,9	242,9	3,0
74.15	A3-LK-47.15	A3-LK-47A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	65,2	55,6	247,0	3,1
74.16	A3-LK-47.16	A3-LK-47A	120,0	57,2	68,6				68,6	70,4	70,4	64,3	273,7	2,3
75	A3-LK-48		1.441,5	69,1	995,4	4	0,45	16,00	995,4	1.023,2	1.020,4	893,8	3.932,8	2,7

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
	A3-LK-48B		791,6	70,1	555,1				555,1	570,4	570,1	500,1	2.195,7	2,8
75.01	A3-LK-48.01	A3-LK-48B	111,6	56,7	63,3				63,3	66,8	66,8	49,2	246,1	2,2
75.02	A3-LK-48.02	A3-LK-48B	80,0	75,9	60,7				60,7	62,5	62,2	57,0	242,4	3,0
75.03	A3-LK-48.03	A3-LK-48B	80,0	75,9	60,7				60,7	62,5	64,3	54,1	241,6	3,0
75.04	A3-LK-48.04	A3-LK-48B	80,0	75,9	60,7				60,7	62,5	64,3	54,1	241,6	3,0
75.05	A3-LK-48.05	A3-LK-48B	80,0	75,9	60,7				60,7	61,2	57,6	57,4	236,9	3,0
75.06	A3-LK-48.06	A3-LK-48B	80,0	75,9	60,7				60,7	61,2	57,6	57,4	236,9	3,0
75.07	A3-LK-48.07	A3-LK-48B	80,0	75,9	60,7				60,7	62,5	64,3	54,1	241,6	3,0
75.08	A3-LK-48.08	A3-LK-48B	80,0	75,9	60,7				60,7	62,5	64,3	54,1	241,6	3,0
75.09	A3-LK-48.09	A3-LK-48B	120,0	55,8	66,9				66,9	68,7	68,7	62,7	267,0	2,2
	A3-LK-48A		649,9	67,7	440,3				440,3	452,8	450,3	393,7	1.737,1	2,7
75.10	A3-LK-48.10	A3-LK-48A	105,0	54,9	57,6				57,6	59,4	59,4	53,3	229,7	2,2
75.11	A3-LK-48.11	A3-LK-48A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	55,2	45,6	207,0	3,0
75.12	A3-LK-48.12	A3-LK-48A	70,0	74,6	52,2				52,2	52,7	49,1	48,8	202,8	2,9
75.13	A3-LK-48.13	A3-LK-48A	70,0	74,6	52,2				52,2	52,7	49,1	48,8	202,8	2,9
75.14	A3-LK-48.14	A3-LK-48A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	55,8	45,6	207,6	3,0
75.15	A3-LK-48.15	A3-LK-48A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	55,8	45,6	207,6	3,0
75.16	A3-LK-48.16	A3-LK-48A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	53,7	48,5	208,4	3,0
75.17	A3-LK-48.17	A3-LK-48A	124,9	55,6	69,5				69,5	72,0	72,2	57,5	271,2	2,2
76	A3-LK-49		1.513,0	69,4	1.050,4	4	0,45	16,00	1.050,4	1.080,6	1.080,0	942,5	4.153,5	2,7
	A3-LK-49B		798,1	70,0	558,5				558,5	573,5	573,2	504,5	2.209,7	2,8
76.01	A3-LK-49.01	A3-LK-49B	120,0	55,8	66,9				66,9	68,7	68,7	62,7	267,0	2,2
76.02	A3-LK-49.02	A3-LK-49B	80,0	75,9	60,7				60,7	62,5	64,3	54,1	241,6	3,0
76.03	A3-LK-49.03	A3-LK-49B	80,0	75,9	60,7				60,7	62,5	64,3	54,1	241,6	3,0
76.04	A3-LK-49.04	A3-LK-49B	80,0	75,9	60,7				60,7	61,2	57,6	57,4	236,9	3,0

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
76.05	A3-LK-49.05	A3-LK-49B	80,0	75,9	60,7				60,7	61,2	57,6	57,4	236,9	3,0
76.06	A3-LK-49.06	A3-LK-49B	80,0	75,9	60,7				60,7	62,5	64,3	54,1	241,6	3,0
76.07	A3-LK-49.07	A3-LK-49B	80,0	75,9	60,7				60,7	62,5	64,3	54,1	241,6	3,0
76.08	A3-LK-49.08	A3-LK-49B	80,0	75,9	60,7				60,7	62,5	62,2	57,0	242,4	3,0
76.09	A3-LK-49.09	A3-LK-49B	118,1	56,5	66,7				66,7	69,9	69,9	53,6	260,1	2,2
	A3-LK-49A		714,9	68,8	491,9				491,9	507,1	506,8	438,0	1.943,8	2,7
76.10	A3-LK-49.10	A3-LK-49A	119,9	57,5	68,9				68,9	72,3	72,3	56,2	269,7	2,2
76.11	A3-LK-49.11	A3-LK-49A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	53,7	48,5	208,4	3,0
76.12	A3-LK-49.12	A3-LK-49A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	55,8	45,6	207,6	3,0
76.13	A3-LK-49.13	A3-LK-49A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	55,8	45,6	207,6	3,0
76.14	A3-LK-49.14	A3-LK-49A	70,0	74,6	52,2				52,2	52,7	49,1	48,8	202,8	2,9
76.15	A3-LK-49.15	A3-LK-49A	70,0	74,6	52,2				52,2	52,7	49,1	48,8	202,8	2,9
76.16	A3-LK-49.16	A3-LK-49A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	55,8	45,6	207,6	3,0
76.17	A3-LK-49.17	A3-LK-49A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	55,8	45,6	207,6	3,0
76.18	A3-LK-49.18	A3-LK-49A	105,0	54,9	57,6				57,6	59,4	59,4	53,3	229,7	2,2
77	A3-LK-50		1.557,0	69,6	1.083,3	4	0,45	16,00	1.083,3	1.115,8	1.113,7	976,2	4.289,0	2,8
	A3-LK-50B		748,4	69,3	518,8				518,8	535,5	533,7	464,6	2.052,6	2,7
77.01	A3-LK-50.01	A3-LK-50B	83,4	52,3	43,6				43,6	46,7	46,7	34,3	171,3	2,1
77.02	A3-LK-50.02	A3-LK-50B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	53,7	48,5	208,4	3,0
77.03	A3-LK-50.03	A3-LK-50B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	55,2	45,6	207,0	3,0
77.04	A3-LK-50.04	A3-LK-50B	70,0	74,6	52,2				52,2	52,7	49,1	48,8	202,8	2,9
77.05	A3-LK-50.05	A3-LK-50B	70,0	74,6	52,2				52,2	52,7	49,1	48,8	202,8	2,9
77.06	A3-LK-50.06	A3-LK-50B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	55,8	45,6	207,6	3,0
77.07	A3-LK-50.07	A3-LK-50B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	55,8	45,6	207,6	3,0
77.08	A3-LK-50.08	A3-LK-50B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	53,7	48,5	208,4	3,0

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
77.09	A3-LK-50.09	A3-LK-50B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	55,2	45,6	207,0	3,0
77.10	A3-LK-50.10	A3-LK-50B	105,0	54,9	57,6				57,6	59,4	59,4	53,3	229,7	2,2
	A3-LK-50A		808,6	69,8	564,5				564,5	580,3	580,0	511,6	2.236,4	2,8
77.11	A3-LK-50.11	A3-LK-50A	120,0	55,8	66,9				66,9	68,7	68,7	62,7	267,0	2,2
77.12	A3-LK-50.12	A3-LK-50A	80,0	75,9	60,7				60,7	62,5	64,3	54,1	241,6	3,0
77.13	A3-LK-50.13	A3-LK-50A	80,0	75,9	60,7				60,7	62,5	64,3	54,1	241,6	3,0
77.14	A3-LK-50.14	A3-LK-50A	80,0	75,9	60,7				60,7	61,2	57,6	57,4	236,9	3,0
77.15	A3-LK-50.15	A3-LK-50A	80,0	75,9	60,7				60,7	61,2	57,6	57,4	236,9	3,0
77.16	A3-LK-50.16	A3-LK-50A	80,0	75,9	60,7				60,7	62,5	64,3	54,1	241,6	3,0
77.17	A3-LK-50.17	A3-LK-50A	80,0	75,9	60,7				60,7	62,5	64,3	54,1	241,6	3,0
77.18	A3-LK-50.18	A3-LK-50A	80,0	75,9	60,7				60,7	62,5	62,2	57,0	242,4	3,0
77.19	A3-LK-50.19	A3-LK-50A	128,6	56,5	72,7				72,7	76,7	76,7	60,7	286,8	2,2
78	A3-LK-51		1.669,7	69,8	1.164,7	4	0,45	16,00	1.164,7	1.199,0	1.195,4	1.050,9	4.610,0	2,8
	A3-LK-51B		770,4	69,3	533,6				533,6	550,5	548,7	477,5	2.110,3	2,7
78.01	A3-LK-51.01	A3-LK-51B	105,0	54,9	57,6				57,6	59,4	59,4	53,3	229,7	2,2
78.02	A3-LK-51.02	A3-LK-51B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	55,2	45,6	207,0	3,0
78.03	A3-LK-51.03	A3-LK-51B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	53,7	48,5	208,4	3,0
78.04	A3-LK-51.04	A3-LK-51B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	55,8	45,6	207,6	3,0
78.05	A3-LK-51.05	A3-LK-51B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	55,8	45,6	207,6	3,0
78.06	A3-LK-51.06	A3-LK-51B	70,0	74,6	52,2				52,2	52,7	49,1	48,8	202,8	2,9
78.07	A3-LK-51.07	A3-LK-51B	70,0	74,6	52,2				52,2	52,7	49,1	48,8	202,8	2,9
78.08	A3-LK-51.08	A3-LK-51B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	55,2	45,6	207,0	3,0
78.09	A3-LK-51.09	A3-LK-51B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	53,7	48,5	208,4	3,0
78.10	A3-LK-51.10	A3-LK-51B	105,4	55,4	58,4				58,4	61,7	61,7	47,2	229,0	2,2
	A3-LK-51A		899,3	70,2	631,1				631,1	648,5	646,7	573,4	2.499,7	2,8

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
78.11	A3-LK-51.11	A3-LK-51A	139,3	56,4	78,6				78,6	82,4	82,4	65,5	308,9	2,2
78.12	A3-LK-51.12	A3-LK-51A	80,0	75,9	60,7				60,7	62,5	62,2	57,0	242,4	3,0
78.13	A3-LK-51.13	A3-LK-51A	80,0	75,9	60,7				60,7	62,5	63,7	54,1	241,0	3,0
78.14	A3-LK-51.14	A3-LK-51A	80,0	75,9	60,7				60,7	61,2	57,6	57,4	236,9	3,0
78.15	A3-LK-51.15	A3-LK-51A	80,0	75,9	60,7				60,7	61,2	57,6	57,4	236,9	3,0
78.16	A3-LK-51.16	A3-LK-51A	80,0	75,9	60,7				60,7	62,5	64,3	54,1	241,6	3,0
78.17	A3-LK-51.17	A3-LK-51A	80,0	75,9	60,7				60,7	62,5	64,3	54,1	241,6	3,0
78.18	A3-LK-51.18	A3-LK-51A	80,0	75,9	60,7				60,7	62,5	62,2	57,0	242,4	3,0
78.19	A3-LK-51.19	A3-LK-51A	80,0	75,9	60,7				60,7	62,5	63,7	54,1	241,0	3,0
78.20	A3-LK-51.20	A3-LK-51A	120,0	55,8	66,9				66,9	68,7	68,7	62,7	267,0	2,2
79	A3-LK-52		1.668,4	70,8	1.181,9	4	0,45	16,00	1.181,9	1.215,6	1.212,0	1.065,9	4.675,4	2,8
	A3-LK-52B		908,8	72,4	658,3				658,3	675,1	673,3	596,8	2.603,5	2,9
79.01	A3-LK-52.01	A3-LK-52B	148,8	61,9	92,1				92,1	95,3	95,3	75,3	358,0	2,4
79.02	A3-LK-52.02	A3-LK-52B	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	63,7	58,5	248,4	3,1
79.03	A3-LK-52.03	A3-LK-52B	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	65,2	55,6	247,0	3,1
79.04	A3-LK-52.04	A3-LK-52B	80,0	77,8	62,2				62,2	62,7	59,1	58,9	242,9	3,0
79.05	A3-LK-52.05	A3-LK-52B	80,0	77,8	62,2				62,2	62,7	59,1	58,9	242,9	3,0
79.06	A3-LK-52.06	A3-LK-52B	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	65,8	55,6	247,6	3,1
79.07	A3-LK-52.07	A3-LK-52B	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	65,8	55,6	247,6	3,1
79.08	A3-LK-52.08	A3-LK-52B	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	63,7	58,5	248,4	3,1
79.09	A3-LK-52.09	A3-LK-52B	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	65,2	55,6	247,0	3,1
79.10	A3-LK-52.10	A3-LK-52B	120,0	57,2	68,6				68,6	70,4	70,4	64,3	273,7	2,3
	A3-LK-52A		759,6	68,9	523,6				523,6	540,5	538,7	469,1	2.071,9	2,7
79.11	A3-LK-52.11	A3-LK-52A	105,0	54,9	57,6				57,6	59,4	59,4	53,3	229,7	2,2
79.12	A3-LK-52.12	A3-LK-52A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	55,2	45,6	207,0	3,0

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
79.13	A3-LK-52.13	A3-LK-52A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	53,7	48,5	208,4	3,0
79.14	A3-LK-52.14	A3-LK-52A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	55,8	45,6	207,6	3,0
79.15	A3-LK-52.15	A3-LK-52A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	55,8	45,6	207,6	3,0
79.16	A3-LK-52.16	A3-LK-52A	70,0	74,6	52,2				52,2	52,7	49,1	48,8	202,8	2,9
79.17	A3-LK-52.17	A3-LK-52A	70,0	74,6	52,2				52,2	52,7	49,1	48,8	202,8	2,9
79.18	A3-LK-52.18	A3-LK-52A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	55,2	45,6	207,0	3,0
79.19	A3-LK-52.19	A3-LK-52A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	53,7	48,5	208,4	3,0
79.20	A3-LK-52.20	A3-LK-52A	94,6	51,2	48,4				48,4	51,7	51,7	38,8	190,6	2,0
80	A3-LK-53		1.683,8	71,0	1.194,7	4	0,45	16,00	1.194,7	1.229,3	1.225,7	1.078,6	4.728,3	2,8
	A3-LK-53B		889,2	72,3	642,5				642,5	659,6	657,8	584,2	2.544,1	2,9
80.01	A3-LK-53.01	A3-LK-53B	120,0	57,2	68,6				68,6	70,4	70,4	64,3	273,7	2,3
80.02	A3-LK-53.02	A3-LK-53B	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	65,2	55,6	247,0	3,1
80.03	A3-LK-53.03	A3-LK-53B	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	63,7	58,5	248,4	3,1
80.04	A3-LK-53.04	A3-LK-53B	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	65,8	55,6	247,6	3,1
80.05	A3-LK-53.05	A3-LK-53B	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	65,8	55,6	247,6	3,1
80.06	A3-LK-53.06	A3-LK-53B	80,0	77,8	62,2				62,2	62,7	59,1	58,9	242,9	3,0
80.07	A3-LK-53.07	A3-LK-53B	80,0	77,8	62,2				62,2	62,7	59,1	58,9	242,9	3,0
80.08	A3-LK-53.08	A3-LK-53B	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	65,2	55,6	247,0	3,1
80.09	A3-LK-53.09	A3-LK-53B	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	63,7	58,5	248,4	3,1
80.10	A3-LK-53.10	A3-LK-53B	129,2	59,1	76,3				76,3	79,8	79,8	62,7	298,6	2,3
	A3-LK-53A		794,6	69,5	552,2				552,2	569,7	567,9	494,4	2.184,2	2,7
80.11	A3-LK-53.11	A3-LK-53A	129,6	59,4	77,0				77,0	80,9	80,9	64,1	302,9	2,3
80.12	A3-LK-53.12	A3-LK-53A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	53,7	48,5	208,4	3,0
80.13	A3-LK-53.13	A3-LK-53A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	55,2	45,6	207,0	3,0
80.14	A3-LK-53.14	A3-LK-53A	70,0	74,6	52,2				52,2	52,7	49,1	48,8	202,8	2,9

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
80.15	A3-LK-53.15	A3-LK-53A	70,0	74,6	52,2				52,2	52,7	49,1	48,8	202,8	2,9
80.16	A3-LK-53.16	A3-LK-53A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	55,8	45,6	207,6	3,0
80.17	A3-LK-53.17	A3-LK-53A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	55,8	45,6	207,6	3,0
80.18	A3-LK-53.18	A3-LK-53A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	53,7	48,5	208,4	3,0
80.19	A3-LK-53.19	A3-LK-53A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	55,2	45,6	207,0	3,0
80.20	A3-LK-53.20	A3-LK-53A	105,0	54,9	57,6				57,6	59,4	59,4	53,3	229,7	2,2
81	A3-LK-54		1.718,6	71,2	1.223,9	4	0,45	16,00	1.223,9	1.257,1	1.253,3	1.104,6	4.838,9	2,8
	A3-LK-54B		811,0	69,9	566,8				566,8	583,4	581,7	507,1	2.239,0	2,8
81.01	A3-LK-54.01	A3-LK-54B	146,0	62,7	91,6				91,6	94,6	94,7	76,8	357,7	2,5
81.02	A3-LK-54.02	A3-LK-54B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	53,7	48,5	208,4	3,0
81.03	A3-LK-54.03	A3-LK-54B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	55,2	45,6	207,0	3,0
81.04	A3-LK-54.04	A3-LK-54B	70,0	74,6	52,2				52,2	52,7	49,1	48,8	202,8	2,9
81.05	A3-LK-54.05	A3-LK-54B	70,0	74,6	52,2				52,2	52,7	49,1	48,8	202,8	2,9
81.06	A3-LK-54.06	A3-LK-54B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	55,8	45,6	207,6	3,0
81.07	A3-LK-54.07	A3-LK-54B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	55,8	45,6	207,6	3,0
81.08	A3-LK-54.08	A3-LK-54B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	53,7	48,5	208,4	3,0
81.09	A3-LK-54.09	A3-LK-54B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	55,2	45,6	207,0	3,0
81.10	A3-LK-54.10	A3-LK-54B	105,0	54,9	57,6				57,6	59,4	59,4	53,3	229,7	2,2
	A3-LK-54A		907,6	72,4	657,1				657,1	673,7	671,6	597,5	2.599,9	2,9
81.11	A3-LK-54.11	A3-LK-54A	120,0	57,2	68,6				68,6	70,4	70,4	64,3	273,7	2,3
81.12	A3-LK-54.12	A3-LK-54A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	65,2	55,6	247,0	3,1
81.13	A3-LK-54.13	A3-LK-54A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	63,7	58,5	248,4	3,1
81.14	A3-LK-54.14	A3-LK-54A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	65,8	55,6	247,6	3,1
81.15	A3-LK-54.15	A3-LK-54A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	65,8	55,6	247,6	3,1
81.16	A3-LK-54.16	A3-LK-54A	80,0	77,8	62,2				62,2	62,7	59,1	58,9	242,9	3,0

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
81.17	A3-LK-54.17	A3-LK-54A	80,0	77,8	62,2				62,2	62,7	59,1	58,9	242,9	3,0
81.18	A3-LK-54.18	A3-LK-54A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	65,2	55,6	247,0	3,1
81.19	A3-LK-54.19	A3-LK-54A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	63,7	58,5	248,4	3,1
81.20	A3-LK-54.20	A3-LK-54A	147,6	61,6	90,9				90,9	93,9	93,6	76,0	354,4	2,4
82	A3-LK-55		1.683,9	70,9	1.193,9	4	0,45	16,00	1.193,9	1.228,3	1.224,7	1.078,2	4.725,1	2,8
	A3-LK-55B		777,0	69,4	539,0				539,0	555,6	553,8	482,1	2.130,5	2,7
82.01	A3-LK-55.01	A3-LK-55B	105,0	54,9	57,6				57,6	59,4	59,4	53,3	229,7	2,2
82.02	A3-LK-55.02	A3-LK-55B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	55,2	45,6	207,0	3,0
82.03	A3-LK-55.03	A3-LK-55B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	53,7	48,5	208,4	3,0
82.04	A3-LK-55.04	A3-LK-55B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	55,8	45,6	207,6	3,0
82.05	A3-LK-55.05	A3-LK-55B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	55,8	45,6	207,6	3,0
82.06	A3-LK-55.06	A3-LK-55B	70,0	74,6	52,2				52,2	52,7	49,1	48,8	202,8	2,9
82.07	A3-LK-55.07	A3-LK-55B	70,0	74,6	52,2				52,2	52,7	49,1	48,8	202,8	2,9
82.08	A3-LK-55.08	A3-LK-55B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	55,2	45,6	207,0	3,0
82.09	A3-LK-55.09	A3-LK-55B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	53,7	48,5	208,4	3,0
82.10	A3-LK-55.10	A3-LK-55B	112,0	57,0	63,8				63,8	66,8	66,8	51,8	249,2	2,2
	A3-LK-55A		906,9	72,2	654,9				654,9	672,7	670,9	596,1	2.594,6	2,9
82.11	A3-LK-55.11	A3-LK-55A	146,9	60,4	88,7				88,7	92,9	92,9	74,6	349,1	2,4
82.12	A3-LK-55.12	A3-LK-55A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	63,7	58,5	248,4	3,1
82.13	A3-LK-55.13	A3-LK-55A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	65,2	55,6	247,0	3,1
82.14	A3-LK-55.14	A3-LK-55A	80,0	77,8	62,2				62,2	62,7	59,1	58,9	242,9	3,0
82.15	A3-LK-55.15	A3-LK-55A	80,0	77,8	62,2				62,2	62,7	59,1	58,9	242,9	3,0
82.16	A3-LK-55.16	A3-LK-55A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	65,8	55,6	247,6	3,1
82.17	A3-LK-55.17	A3-LK-55A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	65,8	55,6	247,6	3,1
82.18	A3-LK-55.18	A3-LK-55A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	63,7	58,5	248,4	3,1

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
82.19	A3-LK-55.19	A3-LK-55A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	65,2	55,6	247,0	3,1
82.20	A3-LK-55.20	A3-LK-55A	120,0	57,2	68,6				68,6	70,4	70,4	64,3	273,7	2,3
83	A3-LK-56		1.650,2	71,2	1.175,0	4	0,45	16,00	1.175,0	1.208,4	1.204,8	1.059,3	4.647,5	2,8
	A3-LK-56B		883,9	72,7	642,2				642,2	659,1	657,3	583,9	2.542,5	2,9
83.01	A3-LK-56.01	A3-LK-56B	123,9	61,3	76,0				76,0	79,3	79,3	62,4	297,0	2,4
83.02	A3-LK-56.02	A3-LK-56B	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	63,7	58,5	248,4	3,1
83.03	A3-LK-56.03	A3-LK-56B	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	65,2	55,6	247,0	3,1
83.04	A3-LK-56.04	A3-LK-56B	80,0	77,8	62,2				62,2	62,7	59,1	58,9	242,9	3,0
83.05	A3-LK-56.05	A3-LK-56B	80,0	77,8	62,2				62,2	62,7	59,1	58,9	242,9	3,0
83.06	A3-LK-56.06	A3-LK-56B	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	65,8	55,6	247,6	3,1
83.07	A3-LK-56.07	A3-LK-56B	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	65,8	55,6	247,6	3,1
83.08	A3-LK-56.08	A3-LK-56B	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	63,7	58,5	248,4	3,1
83.09	A3-LK-56.09	A3-LK-56B	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	65,2	55,6	247,0	3,1
83.10	A3-LK-56.10	A3-LK-56B	120,0	57,2	68,6				68,6	70,4	70,4	64,3	273,7	2,3
	A3-LK-56A		766,3	69,5	532,8				532,8	549,3	547,5	475,4	2.105,0	2,7
83.11	A3-LK-56.11	A3-LK-56A	105,0	54,9	57,6				57,6	59,4	59,4	53,3	229,7	2,2
83.12	A3-LK-56.12	A3-LK-56A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	55,2	45,6	207,0	3,0
83.13	A3-LK-56.13	A3-LK-56A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	53,7	48,5	208,4	3,0
83.14	A3-LK-56.14	A3-LK-56A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	55,8	45,6	207,6	3,0
83.15	A3-LK-56.15	A3-LK-56A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	55,8	45,6	207,6	3,0
83.16	A3-LK-56.16	A3-LK-56A	70,0	74,6	52,2				52,2	52,7	49,1	48,8	202,8	2,9
83.17	A3-LK-56.17	A3-LK-56A	70,0	74,6	52,2				52,2	52,7	49,1	48,8	202,8	2,9
83.18	A3-LK-56.18	A3-LK-56A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	55,2	45,6	207,0	3,0
83.19	A3-LK-56.19	A3-LK-56A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	53,7	48,5	208,4	3,0
83.20	A3-LK-56.20	A3-LK-56A	101,3	56,9	57,6				57,6	60,5	60,5	45,1	223,7	2,2

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
84	A3-LK-57		1.724,7	71,1	1.226,3	4	0,45	16,00	1.226,3	1.261,5	1.257,9	1.108,0	4.853,7	2,8
	A3-LK-57B		911,2	72,4	660,1				660,1	677,5	675,7	600,6	2.613,9	2,9
84.01	A3-LK-57.01	A3-LK-57B	120,0	57,2	68,6				68,6	70,4	70,4	64,3	273,7	2,3
84.02	A3-LK-57.02	A3-LK-57B	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	65,2	55,6	247,0	3,1
84.03	A3-LK-57.03	A3-LK-57B	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	63,7	58,5	248,4	3,1
84.04	A3-LK-57.04	A3-LK-57B	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	65,8	55,6	247,6	3,1
84.05	A3-LK-57.05	A3-LK-57B	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	65,8	55,6	247,6	3,1
84.06	A3-LK-57.06	A3-LK-57B	80,0	77,8	62,2				62,2	62,7	59,1	58,9	242,9	3,0
84.07	A3-LK-57.07	A3-LK-57B	80,0	77,8	62,2				62,2	62,7	59,1	58,9	242,9	3,0
84.08	A3-LK-57.08	A3-LK-57B	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	65,2	55,6	247,0	3,1
84.09	A3-LK-57.09	A3-LK-57B	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	63,7	58,5	248,4	3,1
84.10	A3-LK-57.10	A3-LK-57B	151,2	62,1	93,9				93,9	97,7	97,7	79,1	368,4	2,4
	A3-LK-57A		813,5	69,6	566,2				566,2	584,0	582,2	507,4	2.239,8	2,8
84.11	A3-LK-57.11	A3-LK-57A	148,5	61,3	91,0				91,0	95,2	95,2	77,1	358,5	2,4
84.12	A3-LK-57.12	A3-LK-57A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	53,7	48,5	208,4	3,0
84.13	A3-LK-57.13	A3-LK-57A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	55,2	45,6	207,0	3,0
84.14	A3-LK-57.14	A3-LK-57A	70,0	74,6	52,2				52,2	52,7	49,1	48,8	202,8	2,9
84.15	A3-LK-57.15	A3-LK-57A	70,0	74,6	52,2				52,2	52,7	49,1	48,8	202,8	2,9
84.16	A3-LK-57.16	A3-LK-57A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	55,8	45,6	207,6	3,0
84.17	A3-LK-57.17	A3-LK-57A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	55,8	45,6	207,6	3,0
84.18	A3-LK-57.18	A3-LK-57A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	53,7	48,5	208,4	3,0
84.19	A3-LK-57.19	A3-LK-57A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,0	55,2	45,6	207,0	3,0
84.20	A3-LK-57.20	A3-LK-57A	105,0	54,9	57,6				57,6	59,4	59,4	53,3	229,7	2,2
85	A3-LK-58		1.640,8	71,1	1.166,1	4	0,45	16,00	1.166,1	1.200,4	1.196,8	1.053,5	4.616,8	2,8
	A3-LK-58B		763,2	82,7	631,5				631,5	648,8	647,0	574,7	2.502,0	3,3

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
85.01	A3-LK-58.01	A3-LK-58B	97,2	67,2	65,3				65,3	69,0	69,0	53,2	256,5	2,6
85.02	A3-LK-58.02	A3-LK-58B	70,1	88,7	62,2				62,2	64,0	63,7	58,5	248,4	3,5
85.03	A3-LK-58.03	A3-LK-58B	70,1	88,7	62,2				62,2	64,0	65,2	55,6	247,0	3,5
85.04	A3-LK-58.04	A3-LK-58B	70,1	88,7	62,2				62,2	62,7	59,1	58,9	242,9	3,5
85.05	A3-LK-58.05	A3-LK-58B	70,1	88,7	62,2				62,2	62,7	59,1	58,9	242,9	3,5
85.06	A3-LK-58.06	A3-LK-58B	70,1	88,7	62,2				62,2	64,0	65,8	55,6	247,6	3,5
85.07	A3-LK-58.07	A3-LK-58B	70,1	88,7	62,2				62,2	64,0	65,8	55,6	247,6	3,5
85.08	A3-LK-58.08	A3-LK-58B	70,1	88,7	62,2				62,2	64,0	63,7	58,5	248,4	3,5
85.09	A3-LK-58.09	A3-LK-58B	70,1	88,7	62,2				62,2	64,0	65,2	55,6	247,0	3,5
85.10	A3-LK-58.10	A3-LK-58B	105,2	65,2	68,6				68,6	70,4	70,4	64,3	273,7	2,6
	A3-LK-58A		877,6	60,9	534,6				534,6	551,6	549,8	478,8	2.114,8	2,4
85.11	A3-LK-58.11	A3-LK-58A	119,8	48,1	57,6				57,6	59,4	59,4	53,3	229,7	1,9
85.12	A3-LK-58.12	A3-LK-58A	79,9	65,3	52,2				52,2	54,0	55,2	45,6	207,0	2,6
85.13	A3-LK-58.13	A3-LK-58A	79,9	65,3	52,2				52,2	54,0	53,7	48,5	208,4	2,6
85.14	A3-LK-58.14	A3-LK-58A	79,9	65,3	52,2				52,2	54,0	55,8	45,6	207,6	2,6
85.15	A3-LK-58.15	A3-LK-58A	79,9	65,3	52,2				52,2	54,0	55,8	45,6	207,6	2,6
85.16	A3-LK-58.16	A3-LK-58A	79,9	65,3	52,2				52,2	52,7	49,1	48,8	202,8	2,5
85.17	A3-LK-58.17	A3-LK-58A	79,9	65,3	52,2				52,2	52,7	49,1	48,8	202,8	2,5
85.18	A3-LK-58.18	A3-LK-58A	79,9	65,3	52,2				52,2	54,0	55,2	45,6	207,0	2,6
85.19	A3-LK-58.19	A3-LK-58A	79,9	65,3	52,2				52,2	54,0	53,7	48,5	208,4	2,6
85.20	A3-LK-58.20	A3-LK-58A	118,6	50,1	59,4				59,4	62,8	62,8	48,5	233,5	2,0
86	A3-LK-59		1.669,4	71,3	1.189,6	4	0,45	16,00	1.189,6	1.224,0	1.220,4	1.073,9	4.707,9	2,8
	A3-LK-59B		778,0	83,0	645,5				645,5	662,7	660,9	586,9	2.556,0	3,3
86.01	A3-LK-59.01	A3-LK-59B	105,2	65,2	68,6				68,6	70,4	70,4	64,3	273,7	2,6
86.02	A3-LK-59.02	A3-LK-59B	70,1	88,7	62,2				62,2	64,0	65,2	55,6	247,0	3,5

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
86.03	A3-LK-59.03	A3-LK-59B	70,1	88,7	62,2				62,2	64,0	63,7	58,5	248,4	3,5
86.04	A3-LK-59.04	A3-LK-59B	70,1	88,7	62,2				62,2	64,0	65,8	55,6	247,6	3,5
86.05	A3-LK-59.05	A3-LK-59B	70,1	88,7	62,2				62,2	64,0	65,8	55,6	247,6	3,5
86.06	A3-LK-59.06	A3-LK-59B	70,1	88,7	62,2				62,2	62,7	59,1	58,9	242,9	3,5
86.07	A3-LK-59.07	A3-LK-59B	70,1	88,7	62,2				62,2	62,7	59,1	58,9	242,9	3,5
86.08	A3-LK-59.08	A3-LK-59B	70,1	88,7	62,2				62,2	64,0	65,2	55,6	247,0	3,5
86.09	A3-LK-59.09	A3-LK-59B	70,1	88,7	62,2				62,2	64,0	63,7	58,5	248,4	3,5
86.10	A3-LK-59.10	A3-LK-59B	112,0	70,8	79,3				79,3	82,9	82,9	65,4	310,5	2,8
	A3-LK-59A		891,4	61,0	544,1				544,1	561,3	559,5	487,0	2.151,9	2,4
86.11	A3-LK-59.11	A3-LK-59A	132,4	52,0	68,9				68,9	72,5	72,5	56,7	270,6	2,0
86.12	A3-LK-59.12	A3-LK-59A	79,9	65,3	52,2				52,2	54,0	53,7	48,5	208,4	2,6
86.13	A3-LK-59.13	A3-LK-59A	79,9	65,3	52,2				52,2	54,0	55,2	45,6	207,0	2,6
86.14	A3-LK-59.14	A3-LK-59A	79,9	65,3	52,2				52,2	52,7	49,1	48,8	202,8	2,5
86.15	A3-LK-59.15	A3-LK-59A	79,9	65,3	52,2				52,2	52,7	49,1	48,8	202,8	2,5
86.16	A3-LK-59.16	A3-LK-59A	79,9	65,3	52,2				52,2	54,0	55,8	45,6	207,6	2,6
86.17	A3-LK-59.17	A3-LK-59A	79,9	65,3	52,2				52,2	54,0	55,8	45,6	207,6	2,6
86.18	A3-LK-59.18	A3-LK-59A	79,9	65,3	52,2				52,2	54,0	53,7	48,5	208,4	2,6
86.19	A3-LK-59.19	A3-LK-59A	79,9	65,3	52,2				52,2	54,0	55,2	45,6	207,0	2,6
86.20	A3-LK-59.20	A3-LK-59A	119,8	48,1	57,6				57,6	59,4	59,4	53,3	229,7	1,9
87	A3-LK-60		1.691,4	71,1	1.202,7	4	0,45	16,00	1.202,7	1.235,0	1.231,4	1.085,1	4.754,2	2,8
	A3-LK-60B		894,4	72,2	646,0				646,0	661,1	659,3	586,9	2.553,3	2,9
87.01	A3-LK-60.01	A3-LK-60B	133,4	59,8	79,8				79,8	81,3	81,3	65,4	307,8	2,3
87.02	A3-LK-60.02	A3-LK-60B	80,1	77,7	62,2				62,2	64,0	63,7	58,5	248,4	3,1
87.03	A3-LK-60.03	A3-LK-60B	80,1	77,7	62,2				62,2	64,0	65,2	55,6	247,0	3,1
87.04	A3-LK-60.04	A3-LK-60B	80,1	77,7	62,2				62,2	62,7	59,1	58,9	242,9	3,0

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
87.05	A3-LK-60.05	A3-LK-60B	80,1	77,7	62,2				62,2	62,7	59,1	58,9	242,9	3,0
87.06	A3-LK-60.06	A3-LK-60B	80,1	77,7	62,2				62,2	64,0	65,8	55,6	247,6	3,1
87.07	A3-LK-60.07	A3-LK-60B	80,1	77,7	62,2				62,2	64,0	65,8	55,6	247,6	3,1
87.08	A3-LK-60.08	A3-LK-60B	80,1	77,7	62,2				62,2	64,0	63,7	58,5	248,4	3,1
87.09	A3-LK-60.09	A3-LK-60B	80,1	77,7	62,2				62,2	64,0	65,2	55,6	247,0	3,1
87.10	A3-LK-60.10	A3-LK-60B	120,2	57,1	68,6				68,6	70,4	70,4	64,3	273,7	2,3
	A3-LK-60A		797,0	69,8	556,7				556,7	573,9	572,1	498,2	2.200,9	2,8
87.11	A3-LK-60.11	A3-LK-60A	104,8	55,0	57,6				57,6	59,4	59,4	53,3	229,7	2,2
87.12	A3-LK-60.12	A3-LK-60A	69,9	74,7	52,2				52,2	54,0	55,2	45,6	207,0	3,0
87.13	A3-LK-60.13	A3-LK-60A	69,9	74,7	52,2				52,2	54,0	53,7	48,5	208,4	3,0
87.14	A3-LK-60.14	A3-LK-60A	69,9	74,7	52,2				52,2	54,0	55,8	45,6	207,6	3,0
87.15	A3-LK-60.15	A3-LK-60A	69,9	74,7	52,2				52,2	54,0	55,8	45,6	207,6	3,0
87.16	A3-LK-60.16	A3-LK-60A	69,9	74,7	52,2				52,2	52,7	49,1	48,8	202,8	2,9
87.17	A3-LK-60.17	A3-LK-60A	69,9	74,7	52,2				52,2	52,7	49,1	48,8	202,8	2,9
87.18	A3-LK-60.18	A3-LK-60A	69,9	74,7	52,2				52,2	54,0	55,2	45,6	207,0	3,0
87.19	A3-LK-60.19	A3-LK-60A	69,9	74,7	52,2				52,2	54,0	53,7	48,5	208,4	3,0
87.20	A3-LK-60.20	A3-LK-60A	133,0	61,3	81,5				81,5	85,1	85,1	67,9	319,6	2,4
88	A3-LK-61		1.559,2	70,7	1.103,1	4	0,45	16,00	1.103,1	1.135,0	1.134,4	993,2	4.365,7	2,8
	A3-LK-61B		837,3	71,9	602,4				602,4	618,8	618,5	546,6	2.386,3	2,8
88.01	A3-LK-61.01	A3-LK-61B	120,2	57,1	68,6				68,6	70,4	70,4	64,3	273,7	2,3
88.02	A3-LK-61.02	A3-LK-61B	80,1	77,7	62,2				62,2	64,0	65,8	55,6	247,6	3,1
88.03	A3-LK-61.03	A3-LK-61B	80,1	77,7	62,2				62,2	64,0	65,8	55,6	247,6	3,1
88.04	A3-LK-61.04	A3-LK-61B	80,1	77,7	62,2				62,2	62,7	59,1	58,9	242,9	3,0
88.05	A3-LK-61.05	A3-LK-61B	80,1	77,7	62,2				62,2	62,7	59,1	58,9	242,9	3,0
88.06	A3-LK-61.06	A3-LK-61B	80,1	77,7	62,2				62,2	64,0	65,8	55,6	247,6	3,1

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
88.07	A3-LK-61.07	A3-LK-61B	80,1	77,7	62,2				62,2	64,0	65,8	55,6	247,6	3,1
88.08	A3-LK-61.08	A3-LK-61B	80,1	77,7	62,2				62,2	64,0	63,7	58,5	248,4	3,1
88.09	A3-LK-61.09	A3-LK-61B	156,4	62,9	98,4				98,4	103,0	103,0	83,6	388,0	2,5
	A3-LK-61A		721,9	69,4	500,7				500,7	516,2	515,9	446,6	1.979,4	2,7
88.10	A3-LK-61.10	A3-LK-61A	127,8	60,8	77,7				77,7	81,4	81,4	64,8	305,3	2,4
88.11	A3-LK-61.11	A3-LK-61A	69,9	74,7	52,2				52,2	54,0	53,7	48,5	208,4	3,0
88.12	A3-LK-61.12	A3-LK-61A	69,9	74,7	52,2				52,2	54,0	55,8	45,6	207,6	3,0
88.13	A3-LK-61.13	A3-LK-61A	69,9	74,7	52,2				52,2	54,0	55,8	45,6	207,6	3,0
88.14	A3-LK-61.14	A3-LK-61A	69,9	74,7	52,2				52,2	52,7	49,1	48,8	202,8	2,9
88.15	A3-LK-61.15	A3-LK-61A	69,9	74,7	52,2				52,2	52,7	49,1	48,8	202,8	2,9
88.16	A3-LK-61.16	A3-LK-61A	69,9	74,7	52,2				52,2	54,0	55,8	45,6	207,6	3,0
88.17	A3-LK-61.17	A3-LK-61A	69,9	74,7	52,2				52,2	54,0	55,8	45,6	207,6	3,0
88.18	A3-LK-61.18	A3-LK-61A	104,8	55,0	57,6				57,6	59,4	59,4	53,3	229,7	2,2
89	A3-LK-62		1.287,7	73,1	941,2	4	0,45	16,00	941,2	958,3	956,4	874,7	3.730,6	2,9
89.01	A3-LK-62.01	A3-LK-62	220,2	67,5	148,6				148,6	151,7	151,7	127,3	579,3	2,6
89.02	A3-LK-62.02	A3-LK-62	110,0	80,2	88,2				88,2	90,0	89,7	84,5	352,4	3,2
89.03	A3-LK-62.03	A3-LK-62	110,0	80,2	88,2				88,2	90,0	91,1	81,6	350,9	3,2
89.04	A3-LK-62.04	A3-LK-62	110,0	77,9	85,7				85,7	86,2	82,6	82,4	336,9	3,1
89.05	A3-LK-62.05	A3-LK-62	110,1	77,8	85,7				85,7	86,2	82,6	82,3	336,8	3,1
89.06	A3-LK-62.06	A3-LK-62	110,1	77,8	85,7				85,7	87,5	89,3	79,1	341,6	3,1
89.07	A3-LK-62.07	A3-LK-62	110,1	77,8	85,7				85,7	87,5	89,3	79,1	341,6	3,1
89.08	A3-LK-62.08	A3-LK-62	110,2	77,8	85,7				85,7	87,5	87,2	82,0	342,4	3,1
89.09	A3-LK-62.09	A3-LK-62	110,2	77,8	85,7				85,7	87,5	88,7	79,1	341,0	3,1
89.10	A3-LK-62.10	A3-LK-62	186,8	54,6	102,0				102,0	104,2	104,2	97,3	407,7	2,2
90	A3-LK-63		1.211,0	72,8	882,2	4	0,45	16,00	882,2	894,8	895,7	827,5	3.500,2	2,9

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
90.01	A3-LK-63.01	A3-LK-63	165,0	58,9	97,2				97,2	96,2	96,2	90,2	379,8	2,3
90.02	A3-LK-63.02	A3-LK-63	110,0	80,2	88,2				88,2	90,0	91,8	81,6	351,6	3,2
90.03	A3-LK-63.03	A3-LK-63	110,0	80,2	88,2				88,2	90,0	91,8	81,6	351,6	3,2
90.04	A3-LK-63.04	A3-LK-63	110,0	77,9	85,7				85,7	86,2	82,6	82,3	336,8	3,1
90.05	A3-LK-63.05	A3-LK-63	110,0	77,9	85,7				85,7	86,2	82,6	82,3	336,8	3,1
90.06	A3-LK-63.06	A3-LK-63	110,1	77,8	85,7				85,7	87,5	89,3	79,1	341,6	3,1
90.07	A3-LK-63.07	A3-LK-63	110,1	77,8	85,7				85,7	87,5	89,3	79,1	341,6	3,1
90.08	A3-LK-63.08	A3-LK-63	110,1	77,8	85,7				85,7	87,5	87,2	82,0	342,4	3,1
90.09	A3-LK-63.09	A3-LK-63	110,2	77,8	85,7				85,7	87,5	88,7	79,1	341,0	3,1
90.10	A3-LK-63.10	A3-LK-63	165,5	57,0	94,4				94,4	96,2	96,2	90,2	377,0	2,3
91	A3-LK-64		1.254,6	72,0	902,8	4	0,45	16,00	902,8	919,0	919,9	849,9	3.591,6	2,9
91.01	A3-LK-64.01	A3-LK-64	187,1	56,2	105,2				105,2	107,4	107,4	100,5	420,5	2,2
91.02	A3-LK-64.02	A3-LK-64	110,0	80,2	88,2				88,2	90,0	91,1	81,6	350,9	3,2
91.03	A3-LK-64.03	A3-LK-64	110,0	80,2	88,2				88,2	90,0	89,7	84,5	352,4	3,2
91.04	A3-LK-64.04	A3-LK-64	110,0	80,2	88,2				88,2	90,0	91,8	81,6	351,6	3,2
91.05	A3-LK-64.05	A3-LK-64	110,0	80,2	88,2				88,2	90,0	91,8	81,6	351,6	3,2
91.06	A3-LK-64.06	A3-LK-64	110,1	77,8	85,7				85,7	86,2	82,6	82,3	336,8	3,1
91.07	A3-LK-64.07	A3-LK-64	110,1	77,8	85,7				85,7	86,2	82,6	82,3	336,8	3,1
91.08	A3-LK-64.08	A3-LK-64	110,1	77,8	85,7				85,7	87,5	89,3	79,1	341,6	3,1
91.09	A3-LK-64.09	A3-LK-64	110,2	77,8	85,7				85,7	87,5	89,3	79,1	341,6	3,1
91.10	A3-LK-64.10	A3-LK-64	187,0	54,5	102,0				102,0	104,2	104,3	97,3	407,8	2,2
92	A3-LK-65		1.259,1	74,6	939,0	4	0,45	16,00	939,0	953,3	951,4	866,7	3.710,4	2,9
92.01	A3-LK-65.01	A3-LK-65	165,0	58,9	97,2				97,2	96,2	96,2	90,2	379,8	2,3
92.02	A3-LK-65.02	A3-LK-65	110,0	80,2	88,2				88,2	90,0	91,1	81,6	350,9	3,2
92.03	A3-LK-65.03	A3-LK-65	110,0	80,2	88,2				88,2	90,0	89,7	84,5	352,4	3,2

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
92.04	A3-LK-65.04	A3-LK-65	110,0	80,2	88,2				88,2	90,0	91,8	81,6	351,6	3,2
92.05	A3-LK-65.05	A3-LK-65	110,0	80,2	88,2				88,2	90,0	91,8	81,6	351,6	3,2
92.06	A3-LK-65.06	A3-LK-65	110,0	80,2	88,2				88,2	88,7	85,1	82,3	344,3	3,1
92.07	A3-LK-65.07	A3-LK-65	110,1	80,1	88,2				88,2	88,7	85,1	82,4	344,4	3,1
92.08	A3-LK-65.08	A3-LK-65	110,1	77,8	85,7				85,7	87,5	88,7	79,1	341,0	3,1
92.09	A3-LK-65.09	A3-LK-65	110,1	77,8	85,7				85,7	87,5	87,2	82,0	342,4	3,1
92.10	A3-LK-65.10	A3-LK-65	213,8	66,0	141,2				141,2	144,7	144,7	121,4	552,0	2,6
93	A3-LK-66		1.478,0	70,4	1.040,0	4	0,45	16,00	1.040,0	1.071,7	1.066,3	1.021,6	4.199,6	2,8
	A3-LK-66B		680,9	68,6	467,1				467,1	483,0	480,4	457,5	1.888,0	2,8
93.01	A3-LK-66.01	A3-LK-66B	85,9	52,0	44,7				44,7	47,4	47,9	40,9	180,9	2,1
93.02	A3-LK-66.02	A3-LK-66B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
93.03	A3-LK-66.03	A3-LK-66B	70,0	74,0	51,8				51,8	51,8	51,8	49,7	205,1	2,9
93.04	A3-LK-66.04	A3-LK-66B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
93.05	A3-LK-66.05	A3-LK-66B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
93.06	A3-LK-66.06	A3-LK-66B	70,0	74,6	52,2				52,2	53,9	53,0	49,6	208,7	3,0
93.07	A3-LK-66.07	A3-LK-66B	70,0	74,6	52,2				52,2	53,9	53,0	49,6	208,7	3,0
93.08	A3-LK-66.08	A3-LK-66B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
93.09	A3-LK-66.09	A3-LK-66B	105,0	54,7	57,4				57,4	58,8	59,1	57,7	233,0	2,2
	A3-LK-66A		797,1	71,9	572,9				572,9	588,7	585,9	564,1	2.311,6	2,9
93.10	A3-LK-66.10	A3-LK-66A	120,0	57,0	68,4				68,4	69,8	70,1	68,8	277,1	2,3
93.11	A3-LK-66.11	A3-LK-66A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,3	63,8	62,5	252,8	3,2
93.12	A3-LK-66.12	A3-LK-66A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	63,0	59,6	248,8	3,1
93.13	A3-LK-66.13	A3-LK-66A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	63,0	59,6	248,8	3,1
93.14	A3-LK-66.14	A3-LK-66A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,3	63,8	62,5	252,8	3,2
93.15	A3-LK-66.15	A3-LK-66A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,3	63,8	62,5	252,8	3,2

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
93.16	A3-LK-66.16	A3-LK-66A	80,0	77,3	61,8				61,8	61,8	62,0	59,7	245,3	3,1
93.17	A3-LK-66.17	A3-LK-66A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,3	63,8	62,5	252,8	3,2
93.18	A3-LK-66.18	A3-LK-66A	117,1	59,4	69,5				69,5	71,9	72,6	66,4	280,4	2,4
94	A3-LK-67		1.503,0	70,8	1.064,0	4	0,45	16,00	1.064,0	1.095,6	1.090,3	1.044,9	4.294,8	2,9
	A3-LK-67B		702,9	69,2	486,2				486,2	502,3	499,8	477,5	1.965,8	2,8
94.01	A3-LK-67.01	A3-LK-67B	105,0	54,7	57,4				57,4	58,8	59,1	57,7	233,0	2,2
94.02	A3-LK-67.02	A3-LK-67B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
94.03	A3-LK-67.03	A3-LK-67B	70,0	74,6	52,2				52,2	53,9	53,0	49,6	208,7	3,0
94.04	A3-LK-67.04	A3-LK-67B	70,0	74,6	52,2				52,2	53,9	53,0	49,6	208,7	3,0
94.05	A3-LK-67.05	A3-LK-67B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
94.06	A3-LK-67.06	A3-LK-67B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
94.07	A3-LK-67.07	A3-LK-67B	70,0	74,0	51,8				51,8	51,8	51,8	49,7	205,1	2,9
94.08	A3-LK-67.08	A3-LK-67B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
94.09	A3-LK-67.09	A3-LK-67B	107,9	59,1	63,8				63,8	66,7	67,3	60,9	258,7	2,4
	A3-LK-67A		800,1	72,2	577,8				577,8	593,3	590,5	567,4	2.329,0	2,9
94.10	A3-LK-67.10	A3-LK-67A	120,1	61,9	74,4				74,4	76,5	77,2	69,7	297,8	2,5
94.11	A3-LK-67.11	A3-LK-67A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,3	63,8	62,5	252,8	3,2
94.12	A3-LK-67.12	A3-LK-67A	80,0	77,3	61,8				61,8	61,8	62,0	59,7	245,3	3,1
94.13	A3-LK-67.13	A3-LK-67A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,3	63,8	62,5	252,8	3,2
94.14	A3-LK-67.14	A3-LK-67A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,3	63,8	62,5	252,8	3,2
94.15	A3-LK-67.15	A3-LK-67A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	63,0	59,6	248,8	3,1
94.16	A3-LK-67.16	A3-LK-67A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	63,0	59,6	248,8	3,1
94.17	A3-LK-67.17	A3-LK-67A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,3	63,8	62,5	252,8	3,2
94.18	A3-LK-67.18	A3-LK-67A	120,0	57,0	68,4				68,4	69,8	70,1	68,8	277,1	2,3
95	A3-LK-68		1.517,6	70,3	1.066,8	4	0,45	16,00	1.066,8	1.095,7	1.089,5	1.046,3	4.298,3	2,8

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
	A3-LK-68B		792,4	71,2	564,2				564,2	579,7	576,2	553,8	2.273,9	2,9
95.01	A3-LK-68.01	A3-LK-68B	112,4	54,1	60,8				60,8	62,9	62,9	56,1	242,7	2,2
95.02	A3-LK-68.02	A3-LK-68B	80,0	77,8	62,2				62,2	64,3	63,8	62,5	252,8	3,2
95.03	A3-LK-68.03	A3-LK-68B	80,0	77,3	61,8				61,8	61,8	62,0	59,7	245,3	3,1
95.04	A3-LK-68.04	A3-LK-68B	80,0	77,8	62,2				62,2	64,3	63,8	62,5	252,8	3,2
95.05	A3-LK-68.05	A3-LK-68B	80,0	77,8	62,2				62,2	64,3	63,8	62,5	252,8	3,2
95.06	A3-LK-68.06	A3-LK-68B	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	63,0	59,6	248,8	3,1
95.07	A3-LK-68.07	A3-LK-68B	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	63,0	59,6	248,8	3,1
95.08	A3-LK-68.08	A3-LK-68B	80,0	77,8	62,2				62,2	64,3	63,8	62,5	252,8	3,2
95.09	A3-LK-68.09	A3-LK-68B	120,0	57,0	68,4				68,4	69,8	70,1	68,8	277,1	2,3
	A3-LK-68A		725,2	69,3	502,6				502,6	516,0	513,3	492,5	2.024,4	2,8
95.10	A3-LK-68.10	A3-LK-68A	105,0	54,7	57,4				57,4	58,8	59,1	57,7	233,0	2,2
95.11	A3-LK-68.11	A3-LK-68A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
95.12	A3-LK-68.12	A3-LK-68A	70,0	74,6	52,2				52,2	53,9	53,0	49,6	208,7	3,0
95.13	A3-LK-68.13	A3-LK-68A	70,0	74,6	52,2				52,2	53,9	53,0	49,6	208,7	3,0
95.14	A3-LK-68.14	A3-LK-68A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
95.15	A3-LK-68.15	A3-LK-68A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
95.16	A3-LK-68.16	A3-LK-68A	70,0	74,0	51,8				51,8	51,8	51,8	49,7	205,1	2,9
95.17	A3-LK-68.17	A3-LK-68A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
95.18	A3-LK-68.18	A3-LK-68A	130,2	61,6	80,2				80,2	80,4	80,8	75,9	317,3	2,4
96	A3-LK-69		1.378,8	69,7	960,7	4	0,45	16,00	960,7	986,1	985,3	943,9	3.876,0	2,8
	A3-LK-69B		743,7	71,0	528,0				528,0	540,6	540,5	521,7	2.130,8	2,9
96.01	A3-LK-69.01	A3-LK-69B	120,0	57,0	68,4				68,4	69,8	70,1	68,8	277,1	2,3
96.02	A3-LK-69.02	A3-LK-69B	80,0	77,8	62,2				62,2	64,3	63,8	62,5	252,8	3,2
96.03	A3-LK-69.03	A3-LK-69B	80,0	77,3	61,8				61,8	61,8	62,0	59,7	245,3	3,1

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
96.04	A3-LK-69.04	A3-LK-69B	80,0	77,8	62,2				62,2	64,3	63,8	62,5	252,8	3,2
96.05	A3-LK-69.05	A3-LK-69B	80,0	77,8	62,2				62,2	64,3	63,8	62,5	252,8	3,2
96.06	A3-LK-69.06	A3-LK-69B	80,0	77,3	61,8				61,8	61,8	62,0	59,7	245,3	3,1
96.07	A3-LK-69.07	A3-LK-69B	80,0	77,8	62,2				62,2	64,3	63,8	62,5	252,8	3,2
96.08	A3-LK-69.08	A3-LK-69B	143,7	60,7	87,2				87,2	90,0	91,2	83,5	351,9	2,4
	A3-LK-69A		635,1	68,1	432,7				432,7	445,5	444,8	422,2	1.745,2	2,7
96.09	A3-LK-69.09	A3-LK-69A	110,1	57,1	62,9				62,9	65,9	66,5	55,1	250,4	2,3
96.10	A3-LK-69.10	A3-LK-69A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
96.11	A3-LK-69.11	A3-LK-69A	70,0	74,0	51,8				51,8	51,8	51,8	49,7	205,1	2,9
96.12	A3-LK-69.12	A3-LK-69A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
96.13	A3-LK-69.13	A3-LK-69A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
96.14	A3-LK-69.14	A3-LK-69A	70,0	74,0	51,8				51,8	51,8	51,8	49,7	205,1	2,9
96.15	A3-LK-69.15	A3-LK-69A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
96.16	A3-LK-69.16	A3-LK-69A	105,0	54,7	57,4				57,4	58,8	59,1	57,7	233,0	2,2
97	A3-LK-70		1.430,5	69,9	1.000,6	4	0,45	16,00	1.000,6	1.029,8	1.026,1	986,1	4.042,6	2,8
	A3-LK-70B		643,8	67,8	436,3				436,3	449,6	448,9	429,9	1.764,7	2,7
97.01	A3-LK-70.01	A3-LK-70B	118,8	56,0	66,5				66,5	70,0	70,6	62,8	269,9	2,3
97.02	A3-LK-70.02	A3-LK-70B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
97.03	A3-LK-70.03	A3-LK-70B	70,0	74,0	51,8				51,8	51,8	51,8	49,7	205,1	2,9
97.04	A3-LK-70.04	A3-LK-70B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
97.05	A3-LK-70.05	A3-LK-70B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
97.06	A3-LK-70.06	A3-LK-70B	70,0	74,0	51,8				51,8	51,8	51,8	49,7	205,1	2,9
97.07	A3-LK-70.07	A3-LK-70B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
97.08	A3-LK-70.08	A3-LK-70B	105,0	54,7	57,4				57,4	58,8	59,1	57,7	233,0	2,2
	A3-LK-70A		786,7	71,7	564,3				564,3	580,2	577,2	556,2	2.277,9	2,9

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
97.09	A3-LK-70.09	A3-LK-70A	120,0	57,0	68,4				68,4	69,8	70,1	68,8	277,1	2,3
97.10	A3-LK-70.10	A3-LK-70A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,3	63,8	62,5	252,8	3,2
97.11	A3-LK-70.11	A3-LK-70A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	63,0	59,6	248,8	3,1
97.12	A3-LK-70.12	A3-LK-70A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	63,0	59,6	248,8	3,1
97.13	A3-LK-70.13	A3-LK-70A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,3	63,8	62,5	252,8	3,2
97.14	A3-LK-70.14	A3-LK-70A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,3	63,8	62,5	252,8	3,2
97.15	A3-LK-70.15	A3-LK-70A	80,0	77,3	61,8				61,8	61,8	62,0	59,7	245,3	3,1
97.16	A3-LK-70.16	A3-LK-70A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,3	63,8	62,5	252,8	3,2
97.17	A3-LK-70.17	A3-LK-70A	106,7	57,1	60,9				60,9	63,4	63,9	58,5	246,7	2,3
98	A3-LK-71		1.377,3	69,5	957,0	4	0,45	16,00	957,0	981,2	979,6	949,0	3.866,8	2,8
	A3-LK-71B		658,2	68,3	449,3				449,3	462,0	461,2	445,4	1.817,9	2,8
98.01	A3-LK-71.01	A3-LK-71B	105,0	54,7	57,4				57,4	58,8	59,1	57,7	233,0	2,2
98.02	A3-LK-71.02	A3-LK-71B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
98.03	A3-LK-71.03	A3-LK-71B	70,0	74,0	51,8				51,8	51,8	51,8	49,7	205,1	2,9
98.04	A3-LK-71.04	A3-LK-71B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
98.05	A3-LK-71.05	A3-LK-71B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
98.06	A3-LK-71.06	A3-LK-71B	70,0	74,0	51,8				51,8	51,8	51,8	49,7	205,1	2,9
98.07	A3-LK-71.07	A3-LK-71B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
98.08	A3-LK-71.08	A3-LK-71B	133,2	59,7	79,5				79,5	82,4	82,9	78,3	323,1	2,4
	A3-LK-71A		719,1	70,6	507,7				507,7	519,2	518,4	503,6	2.048,9	2,8
98.09	A3-LK-71.09	A3-LK-71A	119,1	56,2	66,9				66,9	68,6	69,1	65,4	270,0	2,3
98.10	A3-LK-71.10	A3-LK-71A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,3	63,8	62,5	252,8	3,2
98.11	A3-LK-71.11	A3-LK-71A	80,0	77,3	61,8				61,8	61,8	62,0	59,7	245,3	3,1
98.12	A3-LK-71.12	A3-LK-71A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,3	63,8	62,5	252,8	3,2
98.13	A3-LK-71.13	A3-LK-71A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,3	63,8	62,5	252,8	3,2

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
98.14	A3-LK-71.14	A3-LK-71A	80,0	77,3	61,8				61,8	61,8	62,0	59,7	245,3	3,1
98.15	A3-LK-71.15	A3-LK-71A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,3	63,8	62,5	252,8	3,2
98.16	A3-LK-71.16	A3-LK-71A	120,0	57,0	68,4				68,4	69,8	70,1	68,8	277,1	2,3
99	A3-LK-72		1.314,2	68,4	899,2	4	0,45	16,00	899,2	928,4	923,8	883,3	3.634,7	2,8
	A3-LK-72B		668,7	68,4	457,4				457,4	475,3	471,3	449,3	1.853,3	2,8
99.01	A3-LK-72.01	A3-LK-72B	148,7	58,7	87,3				87,3	93,1	93,3	85,9	359,6	2,4
99.02	A3-LK-72.02	A3-LK-72B	80,0	75,9	60,7				60,7	62,8	62,3	61,0	246,8	3,1
99.03	A3-LK-72.03	A3-LK-72B	80,0	75,9	60,7				60,7	62,5	61,5	58,1	242,8	3,0
99.04	A3-LK-72.04	A3-LK-72B	80,0	75,8	60,6				60,6	63,5	62,0	58,0	244,1	3,1
99.05	A3-LK-72.05	A3-LK-72B	80,0	75,9	60,7				60,7	62,5	61,5	58,1	242,8	3,0
99.06	A3-LK-72.06	A3-LK-72B	80,0	75,9	60,7				60,7	62,8	62,3	61,0	246,8	3,1
99.07	A3-LK-72.07	A3-LK-72B	120,0	55,6	66,7				66,7	68,1	68,4	67,2	270,4	2,3
	A3-LK-72A		645,5	68,4	441,8				441,8	453,1	452,5	434,0	1.781,4	2,8
99.08	A3-LK-72.08	A3-LK-72A	105,0	54,7	57,4				57,4	58,8	59,1	57,7	233,0	2,2
99.09	A3-LK-72.09	A3-LK-72A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
99.10	A3-LK-72.10	A3-LK-72A	70,0	74,0	51,8				51,8	51,8	51,8	49,7	205,1	2,9
99.11	A3-LK-72.11	A3-LK-72A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
99.12	A3-LK-72.12	A3-LK-72A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
99.13	A3-LK-72.13	A3-LK-72A	70,0	74,0	51,8				51,8	51,8	51,8	49,7	205,1	2,9
99.14	A3-LK-72.14	A3-LK-72A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
99.15	A3-LK-72.15	A3-LK-72A	120,5	59,8	72,0				72,0	73,5	74,2	66,9	286,6	2,4
100	A3-LK-73		1.398,5	68,1	952,7	4	0,45	16,00	952,7	977,4	975,4	939,1	3.844,6	2,7
	A3-LK-73B		768,3	68,6	526,8				526,8	539,5	538,3	522,0	2.126,6	2,8
100.01	A3-LK-73.01	A3-LK-73B	120,0	55,6	66,7				66,7	68,1	68,4	67,2	270,4	2,3
100.02	A3-LK-73.02	A3-LK-73B	80,0	75,9	60,7				60,7	62,8	62,3	61,0	246,8	3,1

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
100.03	A3-LK-73.03	A3-LK-73B	80,0	75,4	60,3				60,3	60,3	60,3	58,2	239,1	3,0
100.04	A3-LK-73.04	A3-LK-73B	80,0	75,9	60,7				60,7	62,8	62,3	61,0	246,8	3,1
100.05	A3-LK-73.05	A3-LK-73B	80,0	75,9	60,7				60,7	62,8	62,3	61,0	246,8	3,1
100.06	A3-LK-73.06	A3-LK-73B	80,0	75,4	60,3				60,3	60,3	60,3	58,2	239,1	3,0
100.07	A3-LK-73.07	A3-LK-73B	80,0	75,9	60,7				60,7	62,8	62,3	61,0	246,8	3,1
100.08	A3-LK-73.08	A3-LK-73B	168,3	57,5	96,7				96,7	99,6	100,1	94,4	390,8	2,3
	A3-LK-73A		630,2	67,6	425,9				425,9	437,9	437,1	417,1	1.718,0	2,7
100.09	A3-LK-73.09	A3-LK-73A	105,2	53,3	56,1				56,1	58,3	58,8	50,0	223,2	2,1
100.10	A3-LK-73.10	A3-LK-73A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
100.11	A3-LK-73.11	A3-LK-73A	70,0	74,0	51,8				51,8	51,8	51,8	49,7	205,1	2,9
100.12	A3-LK-73.12	A3-LK-73A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
100.13	A3-LK-73.13	A3-LK-73A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
100.14	A3-LK-73.14	A3-LK-73A	70,0	74,0	51,8				51,8	51,8	51,8	49,7	205,1	2,9
100.15	A3-LK-73.15	A3-LK-73A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
100.16	A3-LK-73.16	A3-LK-73A	105,0	54,7	57,4				57,4	58,8	59,1	57,7	233,0	2,2
101	A3-LK-74		1.295,5	68,0	880,8	4	0,45	16,00	880,8	907,4	904,1	862,5	3.554,8	2,7
	A3-LK-74B		575,2	66,3	381,4				381,4	394,7	390,8	370,3	1.537,2	2,7
101.01	A3-LK-74.01	A3-LK-74B	120,2	52,5	63,1				63,1	64,0	64,4	58,9	250,4	2,1
101.02	A3-LK-74.02	A3-LK-74B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
101.03	A3-LK-74.03	A3-LK-74B	70,0	74,6	52,2				52,2	53,9	53,0	49,6	208,7	3,0
101.04	A3-LK-74.04	A3-LK-74B	70,0	74,4	52,1				52,1	55,5	53,5	49,5	210,6	3,0
101.05	A3-LK-74.05	A3-LK-74B	70,0	74,6	52,2				52,2	53,9	53,0	49,6	208,7	3,0
101.06	A3-LK-74.06	A3-LK-74B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
101.07	A3-LK-74.07	A3-LK-74B	105,0	54,7	57,4				57,4	58,8	59,1	57,7	233,0	2,2
	A3-LK-74A		720,3	69,3	499,4				499,4	512,7	513,3	492,2	2.017,6	2,8

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
101.08	A3-LK-74.08	A3-LK-74A	120,0	55,6	66,7				66,7	68,1	68,4	67,2	270,4	2,3
101.09	A3-LK-74.09	A3-LK-74A	80,0	75,9	60,7				60,7	62,8	62,3	61,0	246,8	3,1
101.10	A3-LK-74.10	A3-LK-74A	80,0	75,4	60,3				60,3	60,3	60,3	58,2	239,1	3,0
101.11	A3-LK-74.11	A3-LK-74A	80,0	75,9	60,7				60,7	62,8	62,3	61,0	246,8	3,1
101.12	A3-LK-74.12	A3-LK-74A	80,0	75,9	60,7				60,7	62,8	62,3	61,0	246,8	3,1
101.13	A3-LK-74.13	A3-LK-74A	80,0	75,4	60,3				60,3	60,3	60,3	58,2	239,1	3,0
101.14	A3-LK-74.14	A3-LK-74A	80,0	75,9	60,7				60,7	62,8	62,3	61,0	246,8	3,1
101.15	A3-LK-74.15	A3-LK-74A	120,3	57,6	69,3				69,3	72,8	75,1	64,6	281,8	2,3
102	A3-LK-75		1.286,2	67,7	870,8	4	0,45	16,00	870,8	893,4	888,9	853,4	3.506,5	2,7
	A3-LK-75B		632,4	67,3	425,9				425,9	436,3	435,5	419,7	1.717,4	2,7
102.01	A3-LK-75.01	A3-LK-75B	105,0	54,7	57,4				57,4	58,8	59,1	57,7	233,0	2,2
102.02	A3-LK-75.02	A3-LK-75B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
102.03	A3-LK-75.03	A3-LK-75B	70,0	74,0	51,8				51,8	51,8	51,8	49,7	205,1	2,9
102.04	A3-LK-75.04	A3-LK-75B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
102.05	A3-LK-75.05	A3-LK-75B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
102.06	A3-LK-75.06	A3-LK-75B	70,0	74,0	51,8				51,8	51,8	51,8	49,7	205,1	2,9
102.07	A3-LK-75.07	A3-LK-75B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
102.08	A3-LK-75.08	A3-LK-75B	107,4	52,2	56,1				56,1	56,7	57,2	52,6	222,6	2,1
	A3-LK-75A		653,8	68,0	444,9				444,9	457,1	453,4	433,7	1.789,1	2,7
102.09	A3-LK-75.09	A3-LK-75A	133,8	55,9	74,8				74,8	74,9	75,4	70,3	295,4	2,2
102.10	A3-LK-75.10	A3-LK-75A	80,0	75,9	60,7				60,7	62,8	62,3	61,0	246,8	3,1
102.11	A3-LK-75.11	A3-LK-75A	80,0	75,9	60,7				60,7	62,5	61,5	58,1	242,8	3,0
102.12	A3-LK-75.12	A3-LK-75A	80,0	75,8	60,6				60,6	63,5	62,0	58,0	244,1	3,1
102.13	A3-LK-75.13	A3-LK-75A	80,0	75,9	60,7				60,7	62,5	61,5	58,1	242,8	3,0
102.14	A3-LK-75.14	A3-LK-75A	80,0	75,9	60,7				60,7	62,8	62,3	61,0	246,8	3,1

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
102.15	A3-LK-75.15	A3-LK-75A	120,0	55,6	66,7				66,7	68,1	68,4	67,2	270,4	2,3
103	A3-LK-76		1.306,7	68,8	898,5	4	0,45	16,00	898,5	925,1	920,5	879,2	3.623,3	2,8
	A3-LK-76B		565,2	65,9	372,4				372,4	386,6	382,8	357,8	1.499,6	2,7
103.01	A3-LK-76.01	A3-LK-76B	110,2	49,1	54,1				54,1	55,9	56,4	46,4	212,8	1,9
103.02	A3-LK-76.02	A3-LK-76B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
103.03	A3-LK-76.03	A3-LK-76B	70,0	74,6	52,2				52,2	53,9	53,0	49,6	208,7	3,0
103.04	A3-LK-76.04	A3-LK-76B	70,0	74,4	52,1				52,1	55,5	53,5	49,5	210,6	3,0
103.05	A3-LK-76.05	A3-LK-76B	70,0	74,6	52,2				52,2	53,9	53,0	49,6	208,7	3,0
103.06	A3-LK-76.06	A3-LK-76B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
103.07	A3-LK-76.07	A3-LK-76B	105,0	54,7	57,4				57,4	58,8	59,1	57,7	233,0	2,2
	A3-LK-76A		741,5	71,0	526,1				526,1	538,5	537,7	521,4	2.123,7	2,9
103.08	A3-LK-76.08	A3-LK-76A	120,0	57,0	68,4				68,4	69,8	70,1	68,8	277,1	2,3
103.09	A3-LK-76.09	A3-LK-76A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,3	63,8	62,5	252,8	3,2
103.10	A3-LK-76.10	A3-LK-76A	80,0	77,3	61,8				61,8	61,8	62,0	59,7	245,3	3,1
103.11	A3-LK-76.11	A3-LK-76A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,3	63,8	62,5	252,8	3,2
103.12	A3-LK-76.12	A3-LK-76A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,3	63,8	62,5	252,8	3,2
103.13	A3-LK-76.13	A3-LK-76A	80,0	77,3	61,8				61,8	61,8	62,0	59,7	245,3	3,1
103.14	A3-LK-76.14	A3-LK-76A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,3	63,8	62,5	252,8	3,2
103.15	A3-LK-76.15	A3-LK-76A	141,5	60,3	85,3				85,3	87,9	88,4	83,2	344,8	2,4
104	A3-LK-77		1.168,2	67,5	789,0	4	0,45	16,00	789,0	811,6	807,9	770,7	3.179,2	2,7
	A3-LK-77B		581,7	66,6	387,7				387,7	399,8	398,2	378,5	1.564,2	2,7
104.01	A3-LK-77.01	A3-LK-77B	105,0	54,7	57,4				57,4	58,8	59,1	57,7	233,0	2,2
104.02	A3-LK-77.02	A3-LK-77B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
104.03	A3-LK-77.03	A3-LK-77B	70,0	74,6	52,2				52,2	53,9	53,0	49,6	208,7	3,0
104.04	A3-LK-77.04	A3-LK-77B	70,0	74,6	52,2				52,2	53,9	53,0	49,6	208,7	3,0

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
104.05	A3-LK-77.05	A3-LK-77B	70,0	74,0	51,8				51,8	51,8	51,8	49,7	205,1	2,9
104.06	A3-LK-77.06	A3-LK-77B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
104.07	A3-LK-77.07	A3-LK-77B	126,7	55,0	69,7				69,7	72,8	73,5	66,9	282,9	2,2
	A3-LK-77A		586,5	68,4	401,3				401,3	411,8	409,7	392,2	1.615,0	2,8
104.08	A3-LK-77.08	A3-LK-77A	146,5	57,4	84,1				84,1	85,4	86,0	79,2	334,7	2,3
104.09	A3-LK-77.09	A3-LK-77A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,3	63,8	62,5	252,8	3,2
104.10	A3-LK-77.10	A3-LK-77A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	63,0	59,6	248,8	3,1
104.11	A3-LK-77.11	A3-LK-77A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	63,0	59,6	248,8	3,1
104.12	A3-LK-77.12	A3-LK-77A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,3	63,8	62,5	252,8	3,2
104.13	A3-LK-77.13	A3-LK-77A	120,0	57,0	68,4				68,4	69,8	70,1	68,8	277,1	2,3
105	A3-LK-78		1.243,7	67,4	838,4	4	0,45	16,00	838,4	858,8	855,8	822,5	3.375,5	2,7
	A3-LK-78B		612,1	67,3	412,1				412,1	421,7	419,5	402,2	1.655,5	2,7
105.01	A3-LK-78.01	A3-LK-78B	172,1	55,1	94,9				94,9	95,3	95,8	89,2	375,2	2,2
105.02	A3-LK-78.02	A3-LK-78B	80,0	77,8	62,2				62,2	64,3	63,8	62,5	252,8	3,2
105.03	A3-LK-78.03	A3-LK-78B	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	63,0	59,6	248,8	3,1
105.04	A3-LK-78.04	A3-LK-78B	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	63,0	59,6	248,8	3,1
105.05	A3-LK-78.05	A3-LK-78B	80,0	77,8	62,2				62,2	64,3	63,8	62,5	252,8	3,2
105.06	A3-LK-78.06	A3-LK-78B	120,0	57,0	68,4				68,4	69,8	70,1	68,8	277,1	2,3
	A3-LK-78A		631,6	67,5	426,3				426,3	437,1	436,3	420,3	1.720,0	2,7
105.07	A3-LK-78.07	A3-LK-78A	105,0	54,7	57,4				57,4	58,8	59,1	57,7	233,0	2,2
105.08	A3-LK-78.08	A3-LK-78A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
105.09	A3-LK-78.09	A3-LK-78A	70,0	74,0	51,8				51,8	51,8	51,8	49,7	205,1	2,9
105.10	A3-LK-78.10	A3-LK-78A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
105.11	A3-LK-78.11	A3-LK-78A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
105.12	A3-LK-78.12	A3-LK-78A	70,0	74,0	51,8				51,8	51,8	51,8	49,7	205,1	2,9

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
105.13	A3-LK-78.13	A3-LK-78A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
105.14	A3-LK-78.14	A3-LK-78A	106,6	53,0	56,5				56,5	57,5	58,0	53,2	225,2	2,1
106	A3-LK-79		1.023,8	66,3	678,3	4	0,45	16,00	678,3	696,3	697,8	668,6	2.741,0	2,7
	A3-LK-79B		582,5	67,6	393,8				393,8	403,9	405,3	389,1	1.592,1	2,7
106.01	A3-LK-79.01	A3-LK-79B	120,0	57,0	68,4				68,4	69,8	70,1	68,8	277,1	2,3
106.02	A3-LK-79.02	A3-LK-79B	80,0	77,8	62,2				62,2	64,3	63,8	62,5	252,8	3,2
106.03	A3-LK-79.03	A3-LK-79B	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	63,0	59,6	248,8	3,1
106.04	A3-LK-79.04	A3-LK-79B	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	63,0	59,6	248,8	3,1
106.05	A3-LK-79.05	A3-LK-79B	80,0	77,8	62,2				62,2	64,3	63,8	62,5	252,8	3,2
106.06	A3-LK-79.06	A3-LK-79B	142,5	53,8	76,6				76,6	77,5	81,6	76,1	311,8	2,2
	A3-LK-79A		441,3	64,5	284,5				284,5	292,4	292,5	279,5	1.148,9	2,6
106.07	A3-LK-79.07	A3-LK-79A	126,3	56,1	70,9				70,9	73,2	73,8	67,1	285,0	2,3
106.08	A3-LK-79.08	A3-LK-79A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
106.09	A3-LK-79.09	A3-LK-79A	70,0	74,0	51,8				51,8	51,8	51,8	49,7	205,1	2,9
106.10	A3-LK-79.10	A3-LK-79A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
106.11	A3-LK-79.11	A3-LK-79A	105,0	54,7	57,4				57,4	58,8	59,1	57,7	233,0	2,2
107	A3-LK-80		1.040,0	66,8	695,1	4	0,45	16,00	695,1	715,6	713,4	686,7	2.810,8	2,7
	A3-LK-80B		440,8	63,6	280,3				280,3	288,6	288,7	276,9	1.134,5	2,6
107.01	A3-LK-80.01	A3-LK-80B	125,8	53,0	66,7				66,7	69,4	70,0	64,5	270,6	2,2
107.02	A3-LK-80.02	A3-LK-80B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
107.03	A3-LK-80.03	A3-LK-80B	70,0	74,0	51,8				51,8	51,8	51,8	49,7	205,1	2,9
107.04	A3-LK-80.04	A3-LK-80B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
107.05	A3-LK-80.05	A3-LK-80B	105,0	54,7	57,4				57,4	58,8	59,1	57,7	233,0	2,2
	A3-LK-80A		599,2	69,2	414,8				414,8	427,0	424,7	409,8	1.676,3	2,8
107.06	A3-LK-80.06	A3-LK-80A	120,0	57,0	68,4				68,4	69,8	70,1	68,8	277,1	2,3

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
107.07	A3-LK-80.07	A3-LK-80A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,3	63,8	62,5	252,8	3,2
107.08	A3-LK-80.08	A3-LK-80A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	63,0	59,6	248,8	3,1
107.09	A3-LK-80.09	A3-LK-80A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	63,0	59,6	248,8	3,1
107.10	A3-LK-80.10	A3-LK-80A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,3	63,8	62,5	252,8	3,2
107.11	A3-LK-80.11	A3-LK-80A	159,2	61,3	97,6				97,6	100,6	101,0	96,8	396,0	2,5
108	A3-LK-81		1.018,2	66,3	674,6	4	0,45	16,00	674,6	693,6	692,1	661,5	2.721,8	2,7
	A3-LK-81B		511,7	65,6	335,9				335,9	348,0	346,4	328,8	1.359,1	2,7
108.01	A3-LK-81.01	A3-LK-81B	105,0	54,7	57,4				57,4	58,8	59,1	57,7	233,0	2,2
108.02	A3-LK-81.02	A3-LK-81B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
108.03	A3-LK-81.03	A3-LK-81B	70,0	74,6	52,2				52,2	53,9	53,0	49,6	208,7	3,0
108.04	A3-LK-81.04	A3-LK-81B	70,0	74,6	52,2				52,2	53,9	53,0	49,6	208,7	3,0
108.05	A3-LK-81.05	A3-LK-81B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
108.06	A3-LK-81.06	A3-LK-81B	126,7	55,0	69,7				69,7	72,8	73,5	66,9	282,9	2,2
	A3-LK-81A		506,5	66,9	338,7				338,7	345,6	345,7	332,7	1.362,7	2,7
108.07	A3-LK-81.07	A3-LK-81A	146,5	57,4	84,1				84,1	85,4	86,0	79,2	334,7	2,3
108.08	A3-LK-81.08	A3-LK-81A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,3	63,8	62,5	252,8	3,2
108.09	A3-LK-81.09	A3-LK-81A	80,0	77,3	61,8				61,8	61,8	62,0	59,7	245,3	3,1
108.10	A3-LK-81.10	A3-LK-81A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,3	63,8	62,5	252,8	3,2
108.11	A3-LK-81.11	A3-LK-81A	120,0	57,0	68,4				68,4	69,8	70,1	68,8	277,1	2,3
109	A3-LK-82		968,6	66,1	639,9	4	0,45	16,00	639,9	656,5	654,7	625,9	2.577,0	2,7
	A3-LK-82B		480,5	65,8	316,3				316,3	323,2	323,2	312,8	1.275,5	2,7
109.01	A3-LK-82.01	A3-LK-82B	120,5	51,2	61,7				61,7	63,0	63,5	59,3	247,5	2,1
109.02	A3-LK-82.02	A3-LK-82B	80,0	77,8	62,2				62,2	64,3	63,8	62,5	252,8	3,2
109.03	A3-LK-82.03	A3-LK-82B	80,0	77,3	61,8				61,8	61,8	62,0	59,7	245,3	3,1
109.04	A3-LK-82.04	A3-LK-82B	80,0	77,8	62,2				62,2	64,3	63,8	62,5	252,8	3,2

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
109.05	A3-LK-82.05	A3-LK-82B	120,0	57,0	68,4				68,4	69,8	70,1	68,8	277,1	2,3
	A3-LK-82A		488,1	66,3	323,6				323,6	333,3	331,5	313,1	1.301,5	2,7
109.06	A3-LK-82.06	A3-LK-82A	105,0	54,7	57,4				57,4	58,8	59,1	57,7	233,0	2,2
109.07	A3-LK-82.07	A3-LK-82A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
109.08	A3-LK-82.08	A3-LK-82A	70,0	74,6	52,2				52,2	53,9	53,0	49,6	208,7	3,0
109.09	A3-LK-82.09	A3-LK-82A	70,0	74,6	52,2				52,2	53,9	53,0	49,6	208,7	3,0
109.10	A3-LK-82.10	A3-LK-82A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
109.11	A3-LK-82.11	A3-LK-82A	103,1	55,7	57,4				57,4	58,1	58,6	51,2	225,3	2,2
110	A3-LK-83		996,0	66,3	660,0	4	0,45	16,00	660,0	681,1	679,3	647,2	2.667,6	2,7
	A3-LK-83B		567,7	67,9	385,7				385,7	398,5	396,6	376,7	1.557,5	2,7
110.01	A3-LK-83.01	A3-LK-83B	120,0	57,0	68,4				68,4	69,8	70,1	68,8	277,1	2,3
110.02	A3-LK-83.02	A3-LK-83B	80,0	77,8	62,2				62,2	64,3	63,8	62,5	252,8	3,2
110.03	A3-LK-83.03	A3-LK-83B	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	63,0	59,6	248,8	3,1
110.04	A3-LK-83.04	A3-LK-83B	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	63,0	59,6	248,8	3,1
110.05	A3-LK-83.05	A3-LK-83B	80,0	77,8	62,2				62,2	64,3	63,8	62,5	252,8	3,2
110.06	A3-LK-83.06	A3-LK-83B	127,7	53,6	68,5				68,5	72,1	72,9	63,7	277,2	2,2
	A3-LK-83A		428,3	64,0	274,3				274,3	282,6	282,7	270,5	1.110,1	2,6
110.07	A3-LK-83.07	A3-LK-83A	113,3	53,6	60,7				60,7	63,4	64,0	58,1	246,2	2,2
110.08	A3-LK-83.08	A3-LK-83A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
110.09	A3-LK-83.09	A3-LK-83A	70,0	74,0	51,8				51,8	51,8	51,8	49,7	205,1	2,9
110.10	A3-LK-83.10	A3-LK-83A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
110.11	A3-LK-83.11	A3-LK-83A	105,0	54,7	57,4				57,4	58,8	59,1	57,7	233,0	2,2
111	A3-LK-84		966,0	66,8	645,1	4	0,45	16,00	645,1	663,9	661,8	635,9	2.606,7	2,7
	A3-LK-84B		420,9	64,1	270,0				270,0	277,5	277,4	269,8	1.094,7	2,6
111.01	A3-LK-84.01	A3-LK-84B	105,9	53,3	56,4				56,4	58,3	58,7	57,4	230,8	2,2

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa hè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
111.02	A3-LK-84.02	A3-LK-84B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
111.03	A3-LK-84.03	A3-LK-84B	70,0	74,0	51,8				51,8	51,8	51,8	49,7	205,1	2,9
111.04	A3-LK-84.04	A3-LK-84B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
111.05	A3-LK-84.05	A3-LK-84B	105,0	54,7	57,4				57,4	58,8	59,1	57,7	233,0	2,2
	A3-LK-84A		545,1	68,8	375,1				375,1	386,4	384,4	366,1	1.512,0	2,8
111.06	A3-LK-84.06	A3-LK-84A	120,0	57,0	68,4				68,4	69,8	70,1	68,8	277,1	2,3
111.07	A3-LK-84.07	A3-LK-84A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,3	63,8	62,5	252,8	3,2
111.08	A3-LK-84.08	A3-LK-84A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	63,0	59,6	248,8	3,1
111.09	A3-LK-84.09	A3-LK-84A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	63,0	59,6	248,8	3,1
111.10	A3-LK-84.10	A3-LK-84A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,3	63,8	62,5	252,8	3,2
111.11	A3-LK-84.11	A3-LK-84A	105,1	55,1	57,9				57,9	60,0	60,7	53,1	231,7	2,2
112	A3-LK-85		1.003,8	66,1	663,3	4	0,45	16,00	663,3	613,5	676,5	649,7	2.603,0	2,6
	A3-LK-85B		505,0	65,5	331,0				331,0	275,2	338,3	322,2	1.266,7	2,5
112.01	A3-LK-85.01	A3-LK-85B	105,0	54,7	57,4				57,4	58,8	59,1	57,7	233,0	2,2
112.02	A3-LK-85.02	A3-LK-85B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
112.03	A3-LK-85.03	A3-LK-85B	70,0	74,6	52,2				52,2	53,9	53,0	49,6	208,7	3,0
112.04	A3-LK-85.04	A3-LK-85B	70,0	74,6	52,2				52,2	53,9	53,0	49,6	208,7	3,0
112.05	A3-LK-85.05	A3-LK-85B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
112.06	A3-LK-85.06	A3-LK-85B	120,0	54,0	64,8				64,8	64,9	65,4	60,3	255,4	1,6
	A3-LK-85A		498,8	66,6	332,3				332,3	338,3	338,2	327,5	1.336,3	2,7
112.07	A3-LK-85.07	A3-LK-85A	138,8	56,0	77,7				77,7	78,1	78,5	74,0	308,3	2,2
112.08	A3-LK-85.08	A3-LK-85A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,3	63,8	62,5	252,8	3,2
112.09	A3-LK-85.09	A3-LK-85A	80,0	77,3	61,8				61,8	61,8	62,0	59,7	245,3	3,1
112.10	A3-LK-85.10	A3-LK-85A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,3	63,8	62,5	252,8	3,2
112.11	A3-LK-85.11	A3-LK-85A	120,0	57,0	68,4				68,4	69,8	70,1	68,8	277,1	2,3

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
113	A3-LK-86		1.008,2	67,0	675,6	4	0,45	16,00	675,6	695,2	693,7	663,9	2.728,4	2,7
	A3-LK-86B		510,6	67,2	343,1				343,1	350,4	350,5	338,0	1.382,0	2,7
113.01	A3-LK-86.01	A3-LK-86B	150,6	58,8	88,5				88,5	90,2	90,8	84,5	354,0	2,4
113.02	A3-LK-86.02	A3-LK-86B	80,0	77,8	62,2				62,2	64,3	63,8	62,5	252,8	3,2
113.03	A3-LK-86.03	A3-LK-86B	80,0	77,3	61,8				61,8	61,8	62,0	59,7	245,3	3,1
113.04	A3-LK-86.04	A3-LK-86B	80,0	77,8	62,2				62,2	64,3	63,8	62,5	252,8	3,2
113.05	A3-LK-86.05	A3-LK-86B	120,0	57,0	68,4				68,4	69,8	70,1	68,8	277,1	2,3
	A3-LK-86A		497,6	66,8	332,5				332,5	344,8	343,2	325,9	1.346,4	2,7
113.06	A3-LK-86.06	A3-LK-86A	105,0	54,7	57,4				57,4	58,8	59,1	57,9	233,2	2,2
113.07	A3-LK-86.07	A3-LK-86A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
113.08	A3-LK-86.08	A3-LK-86A	70,0	74,6	52,2				52,2	53,9	53,0	49,6	208,7	3,0
113.09	A3-LK-86.09	A3-LK-86A	70,0	74,6	52,2				52,2	53,9	53,0	49,6	208,7	3,0
113.10	A3-LK-86.10	A3-LK-86A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
113.11	A3-LK-86.11	A3-LK-86A	112,6	58,9	66,3				66,3	69,6	70,3	63,8	270,0	2,4
114	A3-LK-87		1.018,0	66,7	679,5	4	0,45	16,00	679,5	697,7	696,6	668,5	2.742,3	2,7
	A3-LK-87B		573,7	68,2	391,5				391,5	402,2	401,0	384,1	1.578,8	2,8
114.01	A3-LK-87.01	A3-LK-87B	120,0	57,0	68,4				68,4	69,8	70,1	68,8	277,1	2,3
114.02	A3-LK-87.02	A3-LK-87B	80,0	77,8	62,2				62,2	64,3	63,8	62,5	252,8	3,2
114.03	A3-LK-87.03	A3-LK-87B	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	63,0	59,6	248,8	3,1
114.04	A3-LK-87.04	A3-LK-87B	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	63,0	59,6	248,8	3,1
114.05	A3-LK-87.05	A3-LK-87B	80,0	77,8	62,2				62,2	64,3	63,8	62,5	252,8	3,2
114.06	A3-LK-87.06	A3-LK-87B	133,7	55,6	74,3				74,3	75,8	77,3	71,1	298,5	2,2
	A3-LK-87A		444,3	64,8	288,0				288,0	295,5	295,6	284,4	1.163,5	2,6
114.07	A3-LK-87.07	A3-LK-87A	129,3	57,5	74,4				74,4	76,3	76,9	71,8	299,4	2,3
114.08	A3-LK-87.08	A3-LK-87A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
114.09	A3-LK-87.09	A3-LK-87A	70,0	74,0	51,8				51,8	51,8	51,8	49,7	205,1	2,9
114.10	A3-LK-87.10	A3-LK-87A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
114.11	A3-LK-87.11	A3-LK-87A	105,0	54,7	57,4				57,4	58,8	59,1	57,9	233,2	2,2
115	A3-LK-88		1.010,9	67,3	680,2	4	0,45	16,00	680,2	700,2	698,3	667,8	2.746,5	2,7
	A3-LK-88B		443,4	64,8	287,3				287,3	296,9	297,1	283,3	1.164,6	2,6
115.01	A3-LK-88.01	A3-LK-88B	128,4	57,4	73,7				73,7	77,7	78,4	70,9	300,7	2,3
115.02	A3-LK-88.02	A3-LK-88B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
115.03	A3-LK-88.03	A3-LK-88B	70,0	74,0	51,8				51,8	51,8	51,8	49,7	205,1	2,9
115.04	A3-LK-88.04	A3-LK-88B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
115.05	A3-LK-88.05	A3-LK-88B	105,0	54,7	57,4				57,4	58,8	59,1	57,7	233,0	2,2
	A3-LK-88A		567,5	69,2	392,9				392,9	403,3	401,2	384,5	1.581,9	2,8
115.06	A3-LK-88.06	A3-LK-88A	120,0	57,0	68,4				68,4	69,8	70,1	68,8	277,1	2,3
115.07	A3-LK-88.07	A3-LK-88A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,3	63,8	62,5	252,8	3,2
115.08	A3-LK-88.08	A3-LK-88A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	63,0	59,6	248,8	3,1
115.09	A3-LK-88.09	A3-LK-88A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,0	63,0	59,6	248,8	3,1
115.10	A3-LK-88.10	A3-LK-88A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,3	63,8	62,5	252,8	3,2
115.11	A3-LK-88.11	A3-LK-88A	127,5	59,4	75,7				75,7	76,9	77,5	71,5	301,6	2,4
116	A3-LK-89		943,9	66,7	629,8	4	0,45	16,00	629,8	646,4	646,3	620,5	2.543,0	2,7
	A3-LK-89B		459,1	65,8	302,1				302,1	311,2	311,4	299,3	1.224,0	2,7
116.01	A3-LK-89.01	A3-LK-89B	105,0	54,7	57,4				57,4	58,8	59,1	57,7	233,0	2,2
116.02	A3-LK-89.02	A3-LK-89B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
116.03	A3-LK-89.03	A3-LK-89B	70,0	74,0	51,8				51,8	51,8	51,8	49,7	205,1	2,9
116.04	A3-LK-89.04	A3-LK-89B	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
116.05	A3-LK-89.05	A3-LK-89B	144,1	61,4	88,5				88,5	92,0	92,7	86,9	360,1	2,5
	A3-LK-89A		484,8	67,6	327,7				327,7	335,2	334,9	321,2	1.319,0	2,7

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
116.06	A3-LK-89.06	A3-LK-89A	124,8	58,6	73,1				73,1	75,0	75,2	67,7	291,0	2,3
116.07	A3-LK-89.07	A3-LK-89A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,3	63,8	62,5	252,8	3,2
116.08	A3-LK-89.08	A3-LK-89A	80,0	77,3	61,8				61,8	61,8	62,0	59,7	245,3	3,1
116.09	A3-LK-89.09	A3-LK-89A	80,0	77,8	62,2				62,2	64,3	63,8	62,5	252,8	3,2
116.10	A3-LK-89.10	A3-LK-89A	120,0	57,0	68,4				68,4	69,8	70,1	68,8	277,1	2,3
117	A3-LK-90		856,8	64,7	554,2	4	0,45	16,00	554,2	565,4	565,8	540,6	2.226,0	2,6
	A3-LK-90B		429,8	64,1	275,3				275,3	280,1	280,5	267,3	1.103,2	2,6
117.01	A3-LK-90.01	A3-LK-90B	149,8	58,5	87,6				87,6	88,9	89,5	80,9	346,9	2,3
117.02	A3-LK-90.02	A3-LK-90B	80,0	75,4	60,3				60,3	60,3	60,3	58,2	239,1	3,0
117.03	A3-LK-90.03	A3-LK-90B	80,0	75,9	60,7				60,7	62,8	62,3	61,0	246,8	3,1
117.04	A3-LK-90.04	A3-LK-90B	120,0	55,6	66,7				66,7	68,1	68,4	67,2	270,4	2,3
	A3-LK-90A		427,0	65,3	278,9				278,9	285,3	285,3	273,3	1.122,8	2,6
117.05	A3-LK-90.05	A3-LK-90A	105,0	54,7	57,4				57,4	58,8	59,1	57,7	233,0	2,2
117.06	A3-LK-90.06	A3-LK-90A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
117.07	A3-LK-90.07	A3-LK-90A	70,0	74,0	51,8				51,8	51,8	51,8	49,7	205,1	2,9
117.08	A3-LK-90.08	A3-LK-90A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
117.09	A3-LK-90.09	A3-LK-90A	112,0	58,3	65,3				65,3	66,1	66,6	60,9	258,9	2,3
118	A3-LK-91		967,1	65,5	633,4	4	0,45	16,00	633,4	650,7	650,8	626,5	2.561,4	2,6
	A3-LK-91B		534,4	66,1	353,2				353,2	362,6	362,6	350,4	1.428,8	2,7
118.01	A3-LK-91.01	A3-LK-91B	120,0	55,6	66,7				66,7	68,1	68,4	67,2	270,4	2,3
118.02	A3-LK-91.02	A3-LK-91B	80,0	75,9	60,7				60,7	62,8	62,3	61,0	246,8	3,1
118.03	A3-LK-91.03	A3-LK-91B	80,0	75,4	60,3				60,3	60,3	60,3	58,2	239,1	3,0
118.04	A3-LK-91.04	A3-LK-91B	80,0	75,9	60,7				60,7	62,8	62,3	61,0	246,8	3,1
118.05	A3-LK-91.05	A3-LK-91B	174,4	60,1	104,8				104,8	108,6	109,3	103,0	425,7	2,4
	A3-LK-91A		432,7	64,8	280,2				280,2	288,1	288,2	276,1	1.132,6	2,6

STT	Kí hiệu thửa đất	Tên mẫu áp dụng	Diện tích đất (m ²)	Mật độ xây dựng (%)	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao XD tối đa (tầng)	Cote xây dựng (so với vỉa vè) (m)	Chiều cao xây dựng (tính từ vỉa hè) (m)	Diện tích sàn xây dựng tầng 1 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 2 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 3 (m ²)	Diện tích sàn xây dựng tầng 4 (m ²)	Tổng diện tích sàn xây dựng (m ²)	Hệ số sử dụng đất (lần)
118.06	A3-LK-91.06	A3-LK-91A	117,7	56,6	66,6				66,6	68,9	69,5	63,7	268,7	2,3
118.07	A3-LK-91.07	A3-LK-91A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
118.08	A3-LK-91.08	A3-LK-91A	70,0	74,0	51,8				51,8	51,8	51,8	49,7	205,1	2,9
118.09	A3-LK-91.09	A3-LK-91A	70,0	74,6	52,2				52,2	54,3	53,9	52,5	212,9	3,0
118.10	A3-LK-91.10	A3-LK-91A	105,0	54,7	57,4				57,4	58,8	59,1	57,7	233,0	2,2